

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VĨNH CHÂU
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG VĨNH CHÂU
★★★★★

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG VĨNH CHÂU
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:
Mai Sơn Tùng
Mai Sơn Tùng

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LÊN BUỔI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)
ĐỊA ĐIỂM: KHU VỰC LÊN BUỔI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, TP. CẦN THƠ

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG VĨNH CHÂU
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người phê duyệt ký tên:
Lê Hồ Thanh Huyền
Lê Hồ Thanh Huyền

CÔNG TY TNHH TVXD DỮNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT- BCT.25
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:
Mai Kim Khánh



CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT
ĐỊA CHỈ: SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT 5A, PHƯỜNG PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ
ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 – 0907.131.322

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VĨNH CHÂU
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG VĨNH CHÂU
★★★★★

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LÊN BUỔI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)

ĐỊA ĐIỂM: KHU VỰC LÊN BUỔI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, TP. CẦN THƠ

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT
GIÁM ĐỐC



LÝ TẠ BỬU BỬU



MINH PHÁT

CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT
ĐỊA CHỈ: SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KẾT 5A, PHƯỜNG PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ
ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 – 0907.131.322

CẦN THƠ 2026

III. KHUNG TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG:

3.1 CÁC TIÊU CHUẨN VÀ QUI PHẠM VỀ KHẢO SÁT:

STT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
1	Quy chuẩn Quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
3	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
4	Công tác trắc địa trong xây dựng – Yêu cầu chung	TCVN 9398 :2012
5	Đường ô tô – tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCNBVN
6	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu	TCCS 41:2022/TCNBVN
7	Đất xây dựng - phân loại	TCVN 5746:2024
8	Đất xây dựng - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất	TCVN 9153:2012
9	Quy trình khảo sát địa chất công trình và thiết kế biện pháp ổn định nền đường và vùng hoạt động sụt trượt lở	22TCN 171-87
10	Quy trình đánh giá tác động môi trường khi lập dự án khả thi và thiết kế xây dựng các công trình giao thông	22TCN 242-98
11	Quy trình thí nghiệm cắt cánh hiện trường	22TCN 355-06
12	Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT và CPTU)	TCVN 9352:2012 TCVN 9846:2013
13	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022

3.2 VỀ THIẾT KẾ:

STT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
	Phần đường Phần đường	
1	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô	TCVN 4054-05
2	Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn	TCVN 10380-04

STT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
3	Điều lệ báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
4	Quy định tạm thời về các giải pháp kỹ thuật công nghệ đối với đoạn chuyển tiếp giữa đường và cầu (cống) trên đường ô tô	Quyết định số 3095/QĐ-BGTVT ngày 07/10/2013

3.3 Về Vật Liệu:

STT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
1	Quy chuẩn Quốc gia về thép làm cốt bê tông	QCVN 7:2019/BKHCN
2	Thép cốt bê tông phần 1&2	TCVN 1651-2018
3	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574-2018
4	Thép và sản phẩm thép – Yêu cầu kỹ thuật chung khi cung cấp	TCVN 4399-2008
5	Thép cacbon cán nóng dùng cho xây dựng – yêu cầu kỹ thuật	TCVN 5709-2009
6	Thép hình cán nóng Thép hình cán nóng	TCVN 7571:2006
7	Que hàn điện dùng cho thép cacbon thấp và thép hợp kim thấp	TCVN 3222-2000
8	Cốt liệu cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
9	Cốt liệu cho bê tông và vữa – phương pháp thử	TCVN 7572:2006
10	Nước cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506-2012
11	Xi măng Poocăng Xi măng Poocăng hỗn hợp	TCVN 2682-2020 TCVN 6260:2020
12	Phụ gia hoá học cho bê tông Phụ gia hóa học cho bê tông	TCVN 8826:2011
13	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại – Phương pháp thử trong điều kiện tự nhiên	TCVN 8785:2011
14	Vải địa kỹ thuật – phương pháp thử	Bộ tiêu chuẩn TCVN 8871-1÷6: 2011

3.4 Thi Công, Kiểm Tra, Giám Sát Chất Lượng Công Trình:

STT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
	Phần đường	
1	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các móng đường bằng vật liệu rời ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011
2	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính.	TCVN 8862:2011
3	Thí nghiệm sức kháng cắt không cố kết – không thoát nước và cố kết – Thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục.	TCVN 8868:2011
4	Qui trình xác định độ nhám của mặt đường đo bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
5	Kiểm tra đánh giá độ bằng phẳng mặt đường theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
6	Công tác hoàn thiện trong xây dựng- Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377-1÷3:2012
7	Công tác đất – Qui phạm thi công và NT	TCVN 4447-2012
8	Qui trình kỹ thuật đo độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
9	Sơn phủ bảo vệ kết cấu thép – Hướng dẫn kiểm tra, giám sát chất lượng quá trình thi công	TCVN 9276:2012
10	Màng phản quang dùng cho báo hiệu Đường Bộ	TCVN 7887:2008
11	Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
12	Công trình xây dựng – Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
13	Qui trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công. Qui phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4252:2012
14	Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361:2012
15	Quy định tạm thời về kỹ thuật thi công nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao	Quyết định số 1951/QĐ-BGTVT

STT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
	thông	ngày 17/8/2013
	Bê tông – BTCT	
1	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – Qui phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
2	Bê tông khối lớn - thi công và nghiệm thu	TCVN 9341:2012
3	Kết cấu BT và BTCT, hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt	TCVN 9345:2012
4	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2012
5	Kết cấu BT& BTCT, hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012
6	BT – yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
7	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012

3.5 An Toàn Lao Động – Phòng Chống Cháy Nổ:

STT	TÊN TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
1	Tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ khai thác	TCCS 14-2016/TCĐBVN
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình	QCVN 06:2022/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn về điện	QCVN 01:2020/BCT
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm	QCVN 05:2020/BCT
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng	QCVN 18:2021/BXD

3.6 CÁC QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH KHÁC:

Các tiêu chuẩn kỹ thuật, qui trình qui phạm hiện hành khác của Việt Nam.

IV. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ:

4.1. Sự cần thiết đầu tư:

- Tuyến đường khu vực Lèn Buối nằm dọc theo kênh Lèn Buối hiện hữu là đường mòn chưa được đầu tư xây dựng. Đây là tuyến đường giao thông quan trọng dẫn đến trung tâm phường Vĩnh Châu cho người dân dọc theo tuyến kênh, có điểm đầu công trình tại nhà ông Lợi dưới chân cầu bê tông bắc ngang kênh Lèn Buối, điểm cuối tại vị trí tiếp giáp Sông Trà Niên. Hiện trạng tuyến là đường mòn chưa được đầu tư; một phía là kênh rạch, một phía là nhà dân đang sinh sống. Cao độ hiện trạng từ +1,6 đến +2,47 thì tuyến đường sẽ bị ngập vào mùa lũ và đường rất trơn trượt khó đi vào mùa mưa.

- Vì vậy việc đầu tư xây dựng Đường đal khu vực Lèn Buối (nhà ông Lợi đến Sông Trà Niên) là hết sức cần thiết nhằm phát triển mạng lưới giao thông vận tải đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, lưu thông được thuận lợi và tạo điều kiện phát triển kinh tế văn hóa xã hội của phường.

4.2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:

- Đầu tư xây dựng công trình phù hợp luật Đầu tư công số 03/2022/QH15 ngày 11/1/2022;

- Đầu tư xây dựng công trình phù hợp Chủ trương UBND phường Vĩnh Châu và Nghị quyết Hội đồng nhân dân phường Vĩnh Châu;

- Căn cứ vào Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Đường đal khu vực Lèn Buối (nhà Ông Lợi đến sông Trà Niên).

4.3 Mục tiêu đầu tư:

a. Mục tiêu tổng thể:

- Xây dựng, phát triển và kết nối mạng lưới giao thông khu vực Lèn Buối, phường Vĩnh Châu nói riêng và thành phố Cần Thơ nói chung.

- Tạo thuận lợi lưu thông lưu thông, vận chuyển hàng hóa, góp phần phát triển kinh tế khu vực dự án và khu vực lân cận và các em học sinh đến trường được dễ dàng.

b. Mục tiêu cụ thể:

Nâng cấp tuyến đường nhằm giải quyết tình trạng ách tắc giao thông mặt đường chật hẹp, chỉnh trang đô thị, tạo thuận lợi lưu thông mua bán góp phần phát triển kinh tế - xã hội của phường Vĩnh Châu.

c. Mục tiêu dài hạn:

Xây dựng tuyến đường phục vụ nhu cầu lưu thông vận chuyển, phát triển kinh tế, xã hội của khu vực Lèn Buối và khu vực xung quanh dự án.

d. Mục tiêu ngắn hạn:

Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân, đặc biệt là các em học sinh đến trường được thuận lợi phát huy hết công năng của tuyến đường, góp phần phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

4.4 Đánh giá về sự phù hợp quy hoạch:

- Phù hợp về quy hoạch giao thông phường Vĩnh Châu.

- Phù hợp theo hiện trạng tuyến đường.

4.5 Phạm vi đầu tư:

- Công trình thuộc khu vực Lèn Buối, phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ.

- Công trình: có điểm đầu công trình dưới chân cầu bê tông trước nhà ông Lợi, điểm cuối tuyến giáp với sông Trà Niên.

4.6 Địa điểm đầu tư: Khu vực Lèn Buối, phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ.

4.7 Diện tích đất sử dụng cho công trình: $958m \times 6m = 5.748m^2$

4.8 Quy mô đầu tư xây dựng công trình:

a. Công trình đường:

- Tổng chiều dài xây dựng tuyến đường: $L = 958m$.

- Loại công trình : Công trình giao thông.

- Loại dự án ĐT Xây dựng : Công trình Nhóm C.

- Cấp hạng công trình : Công trình hạng IV.

- Cấp kỹ thuật của đường : Đường GTNT cấp C theo TCVN 10380:2014.

- Thời hạn sử dụng công trình : ≥ 5 năm.

- Tốc độ thiết kế : $V = 15 \text{ Km/h}$

- Tải trọng thiết kế của đường : 2,5T.

- Loại mặt đường : Mặt đường bê tông cốt thép M250.

- Mặt đường : 3,0m

- Độ dốc ngang mặt đường : 2%

b. Cống ngang đường:

- Loại cống : Cống bê tông li tâm $\varnothing 600$.

- Tải trọng : H10.

- Cống nhựa uPVC $\varnothing 315$ dày 9,2mm tại các vị trí cống nhựa hiện hữu.

4.9. Hình thức, nguồn vốn và thời gian đầu tư:

- Hình thức đầu tư: Nâng cấp, mở rộng.

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn bố trí theo tiêu chí, định mức cho phường từ nguồn ngân sách thành phố năm 2026.

- Thời gian thực hiện dự án: Không quá 3 năm sau khi dự án được phê duyệt.

4.10. Phương thức thực hiện:

- Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Vĩnh Châu.

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án. Thực hiện theo quy định Nghị định số Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 06 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước; Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

4.11 Hiệu quả đầu tư công trình:

a. Hiệu quả kinh tế - Tài chính: Do dự án chủ yếu phục vụ công cộng nên không đánh giá hiệu quả về kinh tế và tài chính.

b. Hiệu quả xã hội của dự án:

- Xây dựng, phát triển hạ tầng giao thông khu vực Lèn Buối nói riêng và phường Vĩnh Châu nói chung.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông tin liên lạc giữa khu vực đến các Phường trong khu vực dự án;

- Tăng khả năng vận chuyển hàng hóa trong khu vực, tạo sự phát triển của các ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương góp phần phát triển kinh tế xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

- Cải thiện môi trường sống của nhân dân trong khu vực, tạo thuận lợi đi lại sinh hoạt của nhân dân nhất là tạo thuận lợi cho con em đi học từ xã về trung tâm huyện và tạo thuận lợi cho việc vận chuyển cấp cứu, khám chữa bệnh cho nhân dân từ trung tâm y tế xã đến Bệnh viện của huyện;

- Dự án được đầu tư xây dựng sẽ đạt được những mục tiêu và nhiệm vụ đề ra và như vậy về cơ bản là phát huy được hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án. Đây là dạng dự án phúc lợi xã hội, mang lại những lợi ích về văn hóa tinh thần, không trực tiếp sinh ra lợi ích kinh tế dạng vật chất. Nhưng những lợi ích mà dự án mang lại sẽ làm tiền đề cho sự phát triển sau này, và tính mỹ quan của khu vực.

Công trình được đầu tư xây dựng sẽ phát huy tối đa mục tiêu và nhiệm vụ của dự án, đồng thời kết nối với công trình hiện hữu tạo thành một hệ thống giao thông liên tục và tôn tạo cảnh quan môi trường cho khu vực Lèn Buối nói riêng và phường Vĩnh Châu nói chung, kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

V. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ & ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:

5.1. Vị trí và hiện trạng công trình:

- Công trình thuộc khu vực Lèn Buối, phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ.
- Công trình: có điểm đầu công trình dưới chân cầu bê tông trước nhà ông Lợi, điểm cuối tuyến giáp với đất dân tại sông Trà Niên.

- Tuyến đường khu vực Lèn Buối nằm dọc theo kênh Lèn Buối hiện hữu là đường mòn chưa được đầu tư xây dựng, Đây là tuyến đường giao thông quan trọng dẫn đến trung tâm phường Vĩnh Châu cho người dân dọc theo tuyến kênh, có điểm đầu công trình tại nhà ông Lợi dưới chân cầu bê tông bắc ngang kênh Lèn Buối, điểm cuối tại vị trí tiếp giáp Sông Trà Niên. Hiện trạng tuyến là đường mòn chưa được đầu tư; một phía là kênh rạch, một phía là nhà dân đang sinh sống. Cao độ hiện trạng từ +1,6 đến +2,40 thì tuyến đường sẽ bị ngập vào mùa lũ và đường rất trơn trượt khó đi vào mùa mưa.

5.2. Điều kiện địa hình:

- Địa hình khu vực dự án có địa hình đặc trưng của vùng đồng bằng sông Cửu Long, diện tích ruộng canh tác, các đất vườn và kênh mương chiếm đại số, dân cư tập trung thưa thớt chủ yếu các kênh rạch.

- Địa hình tuyến đi qua tương đối bằng phẳng và tương đối thấp, cao độ trung bình +1,6m đến +2,47m (hệ cao độ quốc gia Hòn Dấu), cường độ phân cách bề mặt lớn bởi mạng lưới sông ngòi và kênh rạch dày đặc. Trong khu vực này chủ yếu là kênh rạch nối tiếp nhau là vùng ngập nước vào mùa lũ. Khu vực mang đặc điểm chung của vùng Châu thổ sông Mê Kông.

- Tuyến đường xây dựng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến một số dân, mồ mã, ao mương và vườn cây ăn trái, hoa màu của nhân dân. Bên cạnh đó tuyến đường làm ảnh hưởng đến các công trình công cộng như tuyến điện trung, hạ thế, tuyến cấp nước sinh hoạt và các kênh thoát nước, kênh Thủy lợi phục vụ nông nghiệp.

5.3 Điều kiện khí tượng, thủy văn

5.3.1 Đặc điểm khí tượng.

- Vĩnh Châu, mùa ẩm ướt thì nóng và mây bao phủ, mùa khô thì ẩm áp, có gió và mây rải rác; và trời ngột ngạt quanh năm. Theo diễn tiến trong năm, nhiệt độ thường thay đổi từ 23°C đến 37°C và hiếm khi dưới 22°C hoặc trên 33°C.

5.3.2 Thủy văn:

- Hệ thống sông ngòi, kênh rạch tương đối chằng chịt. Sông Mỹ Thanh là tuyến đường thủy quan trọng nối liền Mỹ Thanh qua sông Vàm Léo đến trung tâm tỉnh Cà Mau.

VI. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ ĐƯỜNG:

6.1 Nội dung thiết kế đường:

a. Thiết kế phương án tuyến:

- Bình diện tuyến phù hợp với hiện trạng chung, đáp ứng được yêu cầu giao thông trước mắt cũng như trong tương lai;

- Đảm bảo thuận lợi cho việc xây dựng mở rộng tuyến đường sau này;

- Giảm thiểu khối lượng GPMB và các công trình hạ tầng;

b. Thiết kế bình đồ:

- Thiết kế bình đồ tuân thủ theo tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn TCVN 10380-2004.

- Trên toàn tuyến có khoảng 16 đỉnh với bán kính thiết kế nhỏ nhất là R=40m và bán kính lớn nhất là R=250m (xem bản vẽ bình đồ và trắc dọc thiết kế).

c. Thiết kế trắc dọc:

Căn cứ theo yêu cầu Chủ đầu tư, hiện trạng mặt đường hiện hữu cao độ thiết kế của tuyến đường như sau:

- Điểm đầu công trình giáp dưới chân cầu bê tông đầu nối vào đường bê tông hiện trạng trước nhà ông Lợi.

- Điểm cuối công trình giáp với đất nhà dân tại sông Trà Niên.

* Cao độ tìm đường thiết kế:

- Cao độ thiết kế được xác định trên nguyên tắc sau:

+ Theo điều tra mực nước lũ cao nhất tại công trình (do đường nằm cạnh rạch nhỏ) mực nước lũ cao nhất hàng năm chỉ đạt +1,98.

→ Căn cứ vào các điều kiện trên chọn cao độ thiết kế hoàn thiện: +2,40m

- Cao độ thiết kế trên tuyến là +2,40m, độ dốc dọc tuyến $i=0\%$ (không tính các vị trí vuốt nối đường hiện hữu).

- Hệ cao độ : Hệ Hòn Dấu – (Hải Phòng)

e. Thiết kế trắc ngang:

- Mặt cắt ngang đường

+ Bề rộng mặt đường : 3,0m

+ Độ dốc ngang mặt đường : 2%

+ Lề đắp đất $k = 0,90$ rộng : 0,5m.

+ Độ dốc ngang lề đường đắp đất : 4%

+ Mái taluy : $m = 1,0$.

f. Thiết kế kết cấu áo đường:

* **Kết cấu mặt đường:** Từ trên xuống như sau

- Mặt đường bê tông cốt thép M250 dày 12cm.

- Tấm nilon ngăn cách.

- Lớp cát san lấp dày 30cm, $K=0,95$.

- Lớp cát san lấp dày 65cm, $K=0,90$ (đào đất đắp lè).

- Nền đất tự nhiên.

* **Kết cấu mặt đường vị trí tránh xe:** Từ trên xuống như sau

- Mặt đường bê tông cốt thép M250 dày 12cm.

- Tấm nilon ngăn cách.

- Lớp cát nền đường bù vênh, $K=0,95$.
- Nền đất tự nhiên.

*** Thiết kế lề đường:**

- Đắp đất lề đường rộng 0,5m, độ dốc 4%, $k=0,90$.
- Vị trí trước nhà dân xây gạch không nung $8x8x18\text{cm}$ dày 16cm, vữa M75. Phía dưới tường chân có lớp bê tông đá $4x6$ M100 đệm và lớp cát đệm dày 10cm. Trát vữa tường ngoài dày 2cm vữa M75.

g. Thiết kế gia cố ao mương:

- Phía trong lòng đường vét bùn ao mương sâu 0,3m, đắp cát ao mương $K=0,90$.
- Lề đường đắp đất $k=0,90$.
- Gia cố bờ tràn đk ngọn $\geq 4,2\text{cm}$, $L=4,5\text{m}$ đóng 1 hàng 7cây/1m tới, bờ nẹp hai hàng bờ và được liên kết bằng thép $\phi 6\text{mm}$, phía trong đắp đất và chắn đất bằng vải địa KT $R_k \geq 12\text{KN}$.

i. Thiết kế cống ngang đường:

*** Vị trí cấp nước cho mương, rạch:**

- Đóng vòng vây ngăn nước bằng bờ tràn ngọn $\geq 4,2\text{cm}$, $L=4,5\text{m}$ đóng 2 hàng 5cây/1m tới, bờ nẹp hai bên hàng bờ và được liên kết bằng thép $\phi 6\text{mm}$, phía trong đắp đất và chắn đất bằng vải địa KT $R_k \geq 12\text{KN}$.

- Đào đất nền đường, đóng bờ tràn đường kính ngọn $\geq 4,2\text{cm}$, $L=4,5\text{m}$ gia cố gờ cống $\phi 600$ với mật độ 6 cây/gờ.

- Lắp đặt cống bê tông li tâm $\phi 600$, tải H10 bằng joint cao su.

- Gia công và lắp đặt rọ đá $2x1x0,5\text{m}$ trước đầu cống.

- Trát mối nối vữa M100.

- Đắp đất nền đường $K=0,9$ vị trí ngoài phạm vi lòng đường.

- Đắp cát nền đường $K=0,9$ vị trí trong phạm vi lòng đường.

- Đào phá vỡ vòng vây ngăn nước

*** Vị trí cống nhựa hiện hữu:**

- Đào đất nền đường lắp đặt ống nhựa uPVC $\phi 315$ dày 9,2mm.

- Đắp đất nền đường $K=0,9$ vị trí ngoài phạm vi lòng đường.

- Đắp cát nền đường $K=0,9$ vị trí trong phạm vi lòng đường.

6.2 Thiết kế an toàn giao thông:

Trên toàn tuyến đường bố trí biển báo theo Quy chuẩn báo hiệu đường bộ QCVN 41-2024:

- Trụ đỡ bằng thép ống D90 dày 2mm, sơn trắng đỏ.
- Bố trí biển báo tròn cấm tải trọng D70cm.
- Biển tên đường $45x90\text{cm}$.
- Bố trí biển báo nguy hiểm hình tam giác $(70x70)\text{cm}$ tại các đường cong và điểm giao nhau.
- Móng bê tông xi măng đá $1x2$ M200.

6.3. Thiết kế kết cấu áo đường:

*** Kết cấu mặt đường:** Từ trên xuống như sau

- Lớp bê tông đá $1x2$ M250 dày 12cm; tạo phẳng, lăn nhám mặt.
- Lưới thép mặt đường $\phi 6a200$.
- Tấm ny lon phân cách mặt đường.
- Lớp cát dày 30cm, $K=0,95$.

- Lớp cát đầm chặt $K=0,90$ dày 65cm (đào nền đường, chiều rộng theo mặt đường lấy đất đắp lề và ao mương).

6.4.4. Thiết kế gia cố bờ rạch, ao mương:

- Phía trong đắp đất ao mương đầm chặt $K=0,90$.

- Đối với bờ rạch, mương rộng và sâu: Gia cố bờ tràn đk ngọn $\geq 4,2\text{cm}$, $L=4,5\text{m}$ đóng 1 hàng 7cây/1m tới, bờ nẹp hai bên liên kết bằng thép $\phi 6\text{mm}$, phía trong đắp đất và chắn đất bằng vải địa KT $R_k \geq 12\text{KN}$;

VII. GIẢI PHÁP THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:

7.1 Biện pháp thi công:

a. Công tác chuẩn bị :

- Khảo sát vật liệu, bao gồm các vật liệu bê tông nhựa, cát, đá, đất đắp nền, mặt đường..., tổ chức khai thác và vận chuyển, tập kết vật liệu đến công trường;

- Khôi phục, kiểm tra các cọc mốc tọa độ, cao độ do Tư vấn thiết kế bàn giao bằng thiết bị của nhà thầu. Đơn vị thi công phải báo cáo bằng văn bản lên Chủ đầu tư về kết quả kiểm tra và các kiến nghị hiệu chỉnh (nếu có). Nếu sau thời hạn nêu trên mà chưa có báo cáo kết quả kiểm tra hiện trường xem như Đơn vị thi công chấp nhận kết quả bàn giao.

b. Biện pháp thi công :

Biện pháp thi công cho các hạng mục công trình có thể áp dụng theo phương pháp thi công tuần tự kết hợp với thi công phân đoạn:

- Thi công phân đoạn theo chiều dài công trình
- Thi công tuần tự các hạng mục thi công

7.2 Trình tự thi công :

a. Công trình đường:

- Phát hoang, dọn mặt bằng thi công.
- Định vị tìm đường.
- Gia cố bờ tràn ao mương.
- Đào đất nền đường đắp đất lề đường.
- Thi công cống ngang đường.
- Đắp cát trả lại nền đường và ao mương.
- Đắp cát nền đường $K=0,95$.
- Đắp cát nền đường $K=0,90$.
- Gia công cốt thép mặt đường.
- Thi công ván khuôn mặt đường.
- Đổ bê tông xi măng đá $1x2$ M250 mặt đường.
- Cắt khe co giãn mặt đường.
- Vệ sinh và hoàn thiện công trình.

b. Công trình an toàn giao thông:

- Định vị và đắp đất móng cọc tiêu, biển báo.
- Thi công móng cọc tiêu, biển báo.
- Lắp đặt cọc tiêu, biển báo.
- Sơn cọc tiêu. Vệ sinh và hoàn thiện công trình.

7.3 Các lưu ý trong quá trình thi công

- Các cọc mốc khống chế mặt bằng và cao độ của cầu cần được bảo quản suốt quá trình thi công đến khi nghiệm thu bàn giao công trình. Trong trường hợp cần thiết cần thực hiện dấu gửi các cọc đến vị trí thích hợp để sau này có thể khôi phục dễ dàng.

- Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường cần được đặc biệt quan tâm. Nguyên tắc chung là tuân thủ chặt chẽ những quy định đã được nêu trong các văn bản pháp quy hiện hành. Tuy nhiên ở đây nhấn mạnh thêm 1 số vấn đề sau:

- Bắt buộc phải có các tường ngăn che cách ly khu vực thi công với khu vực dân cư dọc 2 bên tuyến để ngăn bụi, giảm tiếng ồn và ngăn cách hoàn toàn việc lưu thông giữa 2 khu vực.

- Bố trí các biển báo hiệu như biển báo hạn chế tốc độ, biển báo công trường, biển báo nguy hiểm ... và các biển báo hiệu cần thiết khác ở cả 2 đầu công trường.

- Các thiết bị thi công phải được kiểm tra đúng qui định về kỹ thuật an toàn trong xây dựng trước khi tập kết đến công trường; nền đất tại các vị trí tập kết, thao tác của các thiết bị phải đảm bảo ổn định, chắc chắn; các thao tác của cầu cần thực hiện trên nguyên tắc không ảnh hưởng đến các nhà dân xung quanh cũng như các phương tiện giao thông đi lại trên khu vực.

- Các trụ điện trung, hạ thế khu vực thi công cần phải được di dời trước khi thi công; nếu trường hợp chưa di dời kịp thì các thiết bị thi công có chiều cao lớn như cần cẩu, thiết bị đóng cọc ... chỉ được hoạt động ngoài hành lang an toàn của ngành điện lực.

- Sử dụng hệ thống điện thi công riêng, không dùng chung với khu vực dân cư.

- Vật liệu phế thải phải được di dời ngay sau khi thi công xong từng đợt về đồ đúng nơi quy định.

7.4 Chỉ dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu:

a. Phần đường:

- Thi công đào tuân thủ theo TCVN 4447:2012 Công tác đất – Qui phạm thi công và nghiệm thu;

- Thi công nền đường ô tô .theo TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô – Thi công và Nghiệm thu

- Thi công kết cấu Bê tông và BTCT tuân thủ theo điều kiện thi công và nghiệm thu TCVN 5724-93

7.5. Nguồn cung cấp vật liệu:

- Cát nền ngoài khơi Sông Hậu...

- Đá các loại lấy từ Biên Hoà và An Giang...

- Các vật liệu còn lại mua tại Cần Thơ hoặc các tỉnh lân cận...

7.6. Phương án vận chuyển vật liệu:

Các vật liệu sử dụng trong trình được vận chuyển bằng đường bộ và đường sông vào công trình, sau đó vận chuyển bằng đường nội bộ công trình.

7.7. Thiết bị thi công chủ yếu

- Xà lan;

- Máy cẩu; Máy đào; Máy san; Máy ủi;

- Máy bơm nước, Máy phát điện; Máy hàn;

- Xe tự đổ 7T; Máy đồ BT;

- Xe lu tĩnh 6 – 12 tấn; Xe lu bánh lốp 6kg/cm²; Đầm cóc; Máy đầm 25T

- Máy đo đạc (Toàn đạc, thủy bình, mia quang học,...);

- Và các thiết bị cần thiết khác.

VIII. YÊU CẦU KIỂM TRA & NGHIỆM THU :

8.1 Yêu cầu kiểm tra:

- Kiểm tra các vật liệu sử dụng trong công trình phải có nguồn gốc, xuất xứ, chứng chỉ xuất xưởng và thí nghiệm đúng theo thiết kế trước hoặc tương đương trước khi đưa vào sử dụng.

- Kiểm tra E,K và cao độ các lớp cát bên dưới nền đường.

- Kiểm tra K của kết cấu lề đường.

- Kiểm tra mác bê tông thiết kế.

- Kiểm tra cường độ thép thiết kế.

- Kiểm tra kích thước hình học và cao trình của các lớp vật liệu sau thi công chuyển giai đoạn.

- Kiểm tra tổng thể trước khi nghiệm thu đưa vào sử dụng.

8.2 Yêu cầu nghiệm thu:

Các hạng mục thi công phải được kiểm tra và nghiệm thu theo các quy trình kỹ thuật thi công hiện hành, kiểm tra từng phần xong mới được phép thi công các hạng mục tiếp theo.

IX. PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ DI DỜI VẬT KIẾN TRÚC

Công trình được xây dựng theo Đề án xây dựng Nông thôn mới đã được phê duyệt với phương châm là nhân dân đóng góp kinh phí giải phóng mặt bằng và nhà nước đầu tư xây dựng công trình. Vì vậy đối với nhà dân và vật kiến trúc bị ảnh hưởng bởi công trình chỉ hỗ trợ di dời không tính bồi hoàn GPMB.

X. ĐẢM BẢO GIAO THÔNG, AN TOÀN LAO ĐỘNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

10.1 Đảm bảo giao thông:

Trong quá trình thi công đơn vị thi công phải tuân thủ chặt chẽ các qui định để đảm bảo an toàn giao thông trên đường hiện hữu như sau:

- Vật liệu thi công được tập kết gọn gàng, thi công tới đâu bố trí vật liệu tới đó, không để vật liệu bừa bãi gây ảnh hưởng tới giao thông.

- Các phương tiện, máy móc thi công, công nhân được di chuyển trong phạm vi thi công theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật và tổ chuyên trách an toàn giao thông. Máy móc hết giờ làm việc phải tập kết gọn gàng tránh gây ùn tắc giao thông.

- Bố trí các công trình đảm bảo an toàn giao thông như: biển báo công trường, hạn chế tốc độ, rào chắn... cũng như các thiết bị giao thông khác khi cần thiết phù hợp với luật lệ hiện hành. Đặc biệt chú trọng tới việc bố trí đủ tầm nhìn và các đèn thấp sáng cho khu vực vào ban đêm. Phân công chỉ đạo, bảo vệ, hướng dẫn người và phương tiện qua lại. Lực lượng hướng dẫn giao thông phải được trang bị đầy đủ dụng cụ như: băng đeo tay, cờ chỉ huy... và được tập huấn về chức năng, nhiệm vụ xử lý các tình huống xảy ra.

10.2 An toàn lao động:

Trong quá trình thi công, công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ phải được thực hiện một cách liên tục. Các chất dễ gây cháy nổ như: xăng dầu, thuốc nổ dùng cho công tác khoan phá đá.. phải được lưu giữ trong kho riêng đảm bảo đủ tiêu chuẩn an toàn theo quy định và cách xa khu vực tập trung dân cư, khu sinh hoạt của công nhân, kỹ sư làm việc tại công trường. Công tác bắn phá đá gây nhiều nguy hiểm về tiếng ồn, an toàn lao động.. do đó cần phải có đội ngũ công nhân lành nghề hoặc được huấn luyện chuyên môn. Thường xuyên tuyên truyền và bổ sung kiến thức an toàn lao động và vệ sinh môi trường cho các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia thi công;

Trang bị đầy đủ cho cán bộ, công nhân và nhắc nhở việc sử dụng các dụng cụ bảo hộ lao động như quần áo bảo hộ lao động, mũ, giày, găng tay... trong khi thi công;

Lập trạm y tế có trang bị dụng cụ và thuốc men cần thiết hoặc quan hệ với các trạm y tế địa phương để cấp cứu và xử lý kịp thời nếu xảy ra tai nạn hoặc sự cố...;

Toàn bộ nhân lực, xe máy chỉ được hoạt động trong khu vực đã được dò mìn;

10.3 Phòng chống cháy nổ:

Trong phạm vi công trường phải có chứng chỉ không có bom mìn hoặc khu vực đã được rà phá bom mìn trước khi thi công.

Trong quá trình thi công có khả năng cháy nổ do sử dụng các loại thiết bị điện, xăng dầu. Do đó công tác phòng chống cháy nổ là rất quan trọng, nhất là ở các khu vực gần khu dân cư, bãi tập kết xe – thiết bị. Để phòng chống cháy nổ trong quá trình xây dựng công trình cần luyện tập thường xuyên để phòng các sự cố, bao gồm:

- Huấn luyện đội ngũ công tác PCCC.
- Trang bị đầy đủ thiết bị chữa cháy các kho xưởng, nhà làm việc trên toàn tuyến.
- Dự trữ nguồn nước chữa cháy.
- Tổ chức hệ thống báo động chữa cháy đồng bộ.

Ngoài ra đơn vị thi công còn phải có sự kết hợp chặt chẽ với các đơn vị PCCC trong khu vực để kiểm tra, trang bị và đề ra kế hoạch hành động chung khi có sự cố xảy ra.

10.4 Bảo vệ môi trường:

Trong quá trình thi công nền đường cần tính toán hợp lý việc sử dụng lớp đất đào tận dụng, quy hoạch chỗ thích hợp để chứa phần đất này.

Hạn chế sử dụng các thiết bị thi công gây tiếng ồn và độ rung lớn làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực dự án.

Các phương tiện chuyên chở vật liệu rời phải sử dụng bạt che phủ để hạn chế tránh rơi vãi và gây bụi;

Các chất thải xăng dầu từ các máy, thiết bị thi công tại công trường, chất thải sinh hoạt tại các khu vực tập trung công nhân, kỹ sư làm việc tại công trường sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tự nhiên, gia tăng các bệnh truyền nhiễm trong khu vực thi công của công trường. Việc quản lý chất thải cần được quan tâm nhằm mục đích bảo vệ môi trường sạch và xanh cho khu vực.

Các biện pháp đảm bảo an toàn công trình, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thi công, việc gây ra ô nhiễm môi trường do bụi, tiếng ồn, chất thải dầu mỡ và vật liệu làm đường là không tránh khỏi. Sau đây là một số biện pháp được kiến nghị nhằm làm giảm thiểu các ô nhiễm nêu trên.

- Định kỳ tưới nước lên mặt đường đang thi công để giảm bớt bụi.
- Bảo dưỡng và lắp thêm các thiết bị giảm âm lên các máy móc thi công để giảm tiếng ồn.
- Làm lán trại cho công nhân chu đáo. Chú ý khâu tiêu thoát nước thải và thu gom rác sinh hoạt để giảm ô nhiễm không khí và nước.
- Không được phép dùng dầu, lốp cao su để đun chảy nhựa đường để tránh gây ô nhiễm không khí.
- Bảo vệ các bề mặt tổn thương do khai thác đất đá làm nền đường, trồng lại cây xanh và thảm cỏ bên vệ đường vừa đào đắp.
- Nghiêm cấm tuyệt đối việc đổ và thải các chất độc, phế liệu xây dựng xuống các kênh rạch hai bên tuyến đường.
- Cuối cùng là việc cấp nhiên liệu cho các máy thi công sẽ được thực hiện chu đáo, tránh các tai nạn đổ vỡ, rơi vãi ra môi trường.

10.5. Phương án vận hành khai thác và quy trình bảo trì khi đưa công trình vào sử dụng:

1. Phương án vận hành khai thác:

- Mặt đường sau khi thi công xong có thể cho thông xe ngay và khống chế tốc độ xe chạy không quá 30km/h. Trong thời gian này nên đặt các ba-rie trên mặt đường để hạn chế tốc độ xe chạy.

- Sau khi thi công hoàn thành mặt đường, đơn vị thi công tiến hành bảo dưỡng mặt đường theo quy trình quy định (với điều kiện trời không mưa)

- Đơn vị thi công phải phải sửa chữa kịp thời những hư hỏng nhỏ của mặt đường.

- Theo dõi, kiểm tra mặt đường, nếu thấy không đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, an toàn giao thông phải thực hiện sửa chữa ngay và đồng thời báo cáo đơn vị giám sát, chủ đầu tư biết để phối hợp giải quyết.

- Bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng. Thời gian áp dụng kể từ ngày ký biên bản bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

- Đề xuất kế hoạch sửa chữa định kỳ hoặc đột xuất với chủ đầu tư.

2. Bảo trì công trình:

Công tác bảo trì công trình tuân thủ theo nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và Bảo trì công trình xây dựng. Công việc bảo trì công trình đường bộ được thực hiện theo các cấp bảo trì như sau:

a. Bảo dưỡng thường xuyên:

Được tiến hành thường xuyên hàng ngày hoặc theo định kỳ hàng tuần hoặc hàng tháng hoặc hàng quý nhằm theo dõi tình trạng đường bộ, đưa ra giải pháp ngăn chặn hư hỏng, sửa chữa kịp thời những hư hỏng nhỏ ảnh hưởng đến chất lượng đường bộ, duy trì tình trạng làm việc bình thường của đường bộ để đảm bảo an toàn giao thông. Các công việc cần bảo dưỡng thường xuyên như vá ổ gà, hư hỏng cục bộ mặt đường láng nhựa, đánh gi và sơn các chi tiết lan can hư hỏng, các linh kiện của bộ phận chiếu sáng, hệ thống biển báo an toàn giao thông,...

b. Sửa chữa định kỳ:

Sửa chữa định kỳ là sửa chữa hư hỏng đường bộ theo thời hạn quy định, kết hợp khắc phục một số khuyết tật của đường bộ xuất hiện trong quá trình khai thác, nhằm khôi phục tình trạng kỹ thuật ban đầu và cải thiện điều kiện khai thác của đường bộ. Bao gồm sửa chữa vừa và sửa chữa lớn, giữa hai lần sửa chữa lớn có ít nhất một lần sửa chữa vừa.

Thời hạn sửa chữa vừa và lớn đối với cầu đường bộ căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ, kết quả kiểm định.

c. Sửa chữa đột xuất:

Sửa chữa các sự cố hư hỏng đường bộ do thiên tai lụt, bão hoặc các sự cố bất thường khác gây ra. Đơn vị quản lý đường bộ trực tiếp phải chủ động lập phương án, khẩn trương huy động mọi lực lượng về nhân lực, thiết bị, vật tư để tổ chức phân luồng, khắc phục đảm bảo giao thông và báo cáo nhanh về cơ quan quản lý đường bộ để được hỗ trợ. Sửa chữa đột xuất được chia làm hai bước:

+ Bước 1: Sửa chữa khôi phục khẩn cấp, đảm bảo thông xe nhanh nhất và hạn chế thiệt hại công trình đường bộ. Bước này được thực hiện đồng thời vừa xử lý, vừa lập hồ sơ để hoàn thiện thủ tục làm cơ sở thanh quyết toán.

+ Bước 2: Xử lý tiếp bước 1 nhằm khôi phục đường bộ theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật như trước khi xảy ra sự cố hoặc bền vững hóa, kiên cố hóa công trình. Bước này thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định như đối với công trình xây dựng cơ bản.

XI. TIẾN ĐỘ THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:

- Đây là dạng công trình giao thông điển hình phổ biến hiện nay. Với những công trình loại này có nhiều phương án lựa chọn tổ chức thi công xây dựng trên cơ sở đảm bảo tính kỹ thuật và tính kinh tế của công trình, đồng thời đảm bảo tổng tiến độ thi công các hạng mục công trình.
- Căn cứ vào điều kiện tự nhiên về địa hình, địa chất, thủy văn (mức nước) và qui mô công trình. Nguyên tắc thi công từ dưới lên trên với tiến độ thi công các hạng mục công trình được thực hiện tuần tự và phân đoạn.
- Thời gian thi công: 90 ngày.

XII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

12.1. Kết luận:

- Để công trình đạt chất lượng cao, công tác thi công và các loại vật liệu xây dựng phục vụ thi công cần tuân thủ các yêu cầu quy định nêu trong đồ án thiết kế và các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn ngành của Nhà nước và các Bộ chuyên ngành ban hành.
- Quá trình thi công có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân trong vùng, cần phải có biện pháp triển khai thi công hợp lý nhằm giảm thiểu các tác động bất lợi đến người dân. Đặt biệt công tác bảo vệ môi trường, môi sinh cần chú trọng và có sự kiểm soát chặt chẽ từ đơn vị thi công, chủ đầu tư và của cả người dân trong vùng dự án.
- Nhà thầu cần có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động trong quá trình thi công để trình chủ đầu tư và các cơ quan có liên quan, làm cơ sở quản lý, theo dõi trong quá trình thi công.
- Sau khi nhận mặt bằng thi công, nhà thầu phải có trách nhiệm bảo quản các mốc tọa độ, độ cao dùng cho thi công, đồng thời xây dựng các mốc phụ để có thể khôi phục lại các mốc có thể bị thất lạc hoặc hư hỏng trong quá trình thi công.
- Trong quá trình thi công đơn vị thi công cần phải có biện pháp thi công phù hợp để tránh làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận; đồng thời tiến hành theo dõi chặt chẽ và thường xuyên các hiện tượng bất thường về ổn định công trình (nếu có) để có biện pháp tu bổ, xử lý kịp thời.
- Trong quá trình thi công nếu có vấn đề vướng mắc, đơn vị thi công cần thông báo cho chủ đầu tư và tư vấn thiết kế để cùng thống nhất đề ra giải pháp phù hợp xử lý công trình.
- Trong quá trình thi công đề nghị các bên có liên quan phối hợp với nhau để tạo điều kiện cho việc thi công dễ dàng hơn.

12.2. Kiến nghị:

- Do đây là công trình chủ yếu phục vụ cho mục đích công cộng nên về hiệu quả không thu hồi được vốn đầu tư. Tuy nhiên, về mặt xã hội có ý nghĩa hết sức quan trọng vì công trình trên được xây dựng hoàn thành sẽ góp phần phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tạo thuận lợi nối liền hệ thống giao thông đồng bộ và liên hoàn giữa khu vực Lền Buồi đến các địa bàn thuộc phường Vĩnh Châu và các khu vực lân cận, tạo điều thuận lợi cho việc đi lại thông thương và buôn bán; thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân khu vực và thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá, đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào địa phương.
- Công ty TNHH TV và XD Minh Phát lập Hồ sơ Báo Cáo Kinh tế - Kỹ thuật công trình: Đường đăl khu vực Lền Buồi (nhà ông Lợi đến Sông Trà Niên), thuộc khu vực Lền Buồi, phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ. Công ty trình đến UBND phường Vĩnh Châu, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Vĩnh Châu, phòng Tài chính - Kế hoạch và các ban ngành liên quan

xem xét thẩm định, thẩm tra và phê duyệt để công trình sớm được triển khai thi công theo đúng tiến độ thực hiện dự án và sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng ./.

Người viết thuyết minh

KS. TRẦN VĂN ĐA

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026
Công ty TNHH TV và XD Minh Phát
Giám đốc



LÝ TẠ BỬU BỬU

PHẦN BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ĐƯỜNG

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG VINH CHÂU

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

Mai Sơn Tùng

Mai Sơn Tùng

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG VINH CHÂU

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người phê duyệt ký tên:

Lê Hồ Thanh Huyền

Lê Hồ Thanh Huyền

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 351/DT-BOT.35

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh

Mai Kim Khánh

BÌNH ĐỒ TỔNG THỂ TUYẾN ĐƯỜNG TL: 1/1000

Công trình: Đường đal khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG VĨNH CHÂU
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:
Ngày: tháng năm 20.....
Người thẩm định ký tên: Mai Sơn Tùng

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG VĨNH CHÂU
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số:
Ngày: tháng năm 20.....
Người phê duyệt ký tên: Lê Hồ Thanh Huyền



GHI CHÚ:

BẢN VẼ ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO HỆ TỌA ĐỘ QUỐC GIA VN 2000
CAO ĐỘ DẪN THEO ĐƯỜNG MỚI THI CÔNG H=+2.500

BẢNG KÝ HIỆU BÌNH ĐỒ

MỐC KHÔNG CHẾ GPS.15 +1.706 MỐC GPS HẠNG IV MỐC ĐƯỜNG CHUYÊN CẤP	KINH MƯỜNG SÔNG BACH BIỆN GIỚI CAO ĐỘ NGHĨA TRANG CUNG TẠM QUAN LỘ LUYT CHỖ CAO, THẤP CAO BỆNH VIỆN TRƯỜNG HỌC CỘT CỜ NHÀ THỜ THÁP CHÁNH ĐỀN CHÙA CỘT ẮNG LƯU PHAI SÔNG TRAM BIẾN THIE TRAM BIẾN THIE TRED	BƯU ĐIỆN ĐUA PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẠM XÃNG TRỤ CƯ HÒA GIẾNG NẤY TRỤ CỘNG TƯỜNG NAY RÀO KEM RAI RAO TAM RÀO CÂY RÀNG KHẢO SÁT CHỈ DẪN CỘT CÁP NƯỚC ĐIỆN CỘT CÁP NƯỚC 110KV CÁP ĐIỆN LUYT CÁP ĐIỆN THÔNG CỘT CÁP NƯỚC 220KV	GIÁO THÔNG ĐƯỜNG NHỰA HIỆN TRẠNG ĐƯỜNG BÊ TÔNG CÁNG ĐƯỜNG CAO CẤP THÔNG ĐƯỜNG TÍN HUYỆ GIAO THÔNG CỘT HIỂN TRẠM XE BỤYT CỘT KEM HƯỚNG ĐẠC MỐC LỘ GIỚI MỐC GYM THỰC VẬT CÂY AN QUẢ, LƯA, CÂY TÁP, CÂY TANG RỒNG HỒA NÀM, CÂY ĐUA NƯỚC, LƯA SẤY	ĐIỀU - HỒ GA CỘT ĐIỆN CAO THÉ CỘT ĐIỆN TRUNG THÉ CỘT ĐIỆN HẠ THÉ DÂY THÔNG TIN CỘT ĐIỆN CAO ÁP CỘT HỒ GA HỒ GA NÁP SÁT HỒ CÁP QUANG TƯ ĐIỆN CÁP CỘNG GANG ĐƯỜNG TİM ĐƯỜNG ĐƯỜNG ĐỒNG NẾC CÁP ĐƯỜNG ĐỒNG MẾC CÁP RÀNG QUÝ GIỚI ĐẤT QU
---	---	---	---	---

CÔNG TY TNHH TVXD DỨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-BCT.35
Ngày: tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH:	ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BUỐI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC:	ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM:	KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
GIÁM ĐỐC	CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÙ LỢI, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
KIỂM TRA	LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ	ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHU TRÊN	/2026	DGT-	

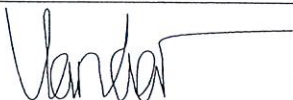
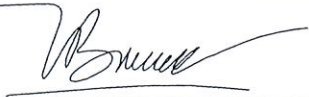
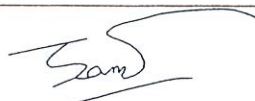
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG TL: 1/500

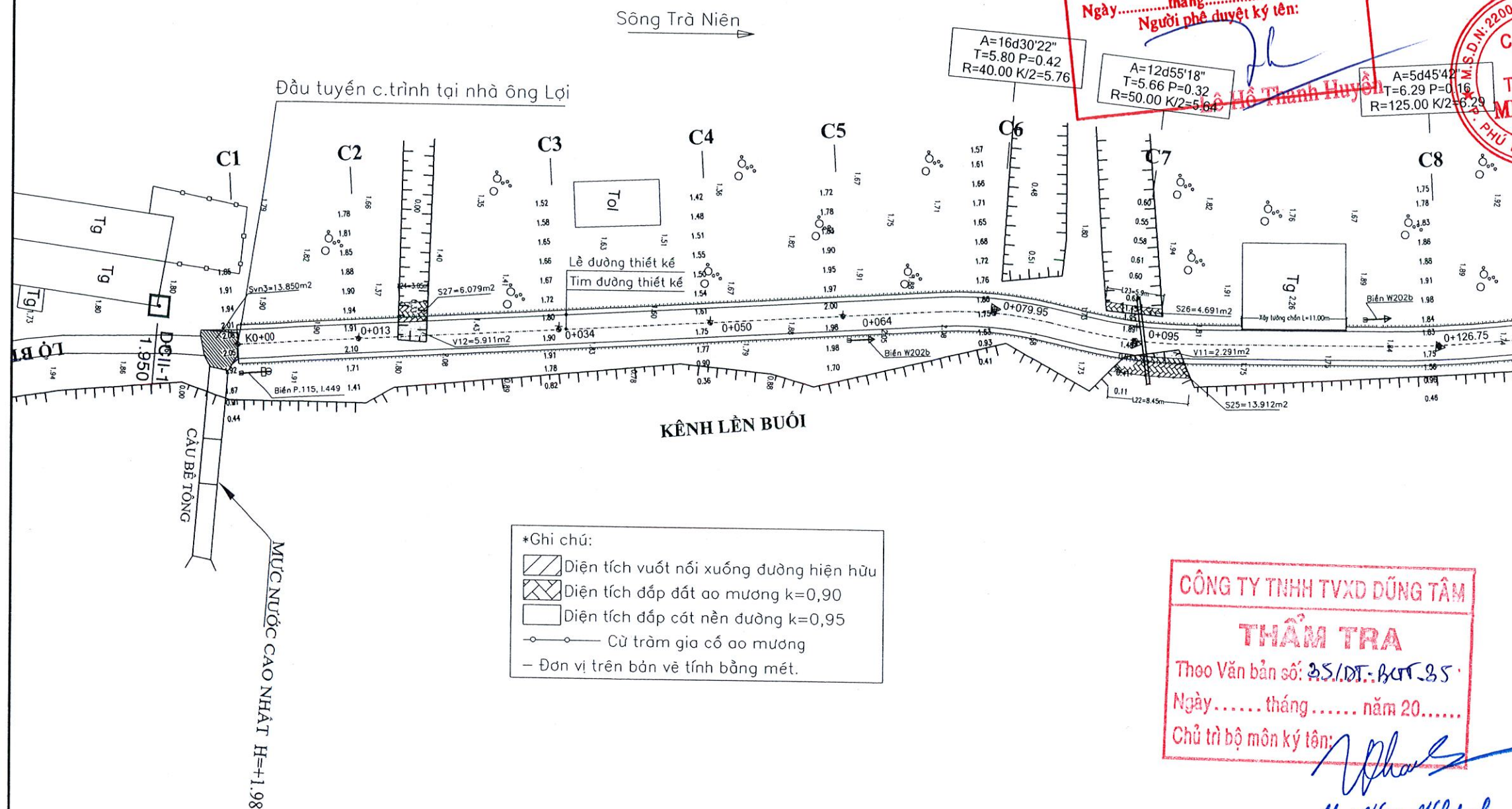
Công trình: Đường đal khu vực Lền Bưởi (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Bưởi, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG VĨNH CHÂU
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:
Mai Sơn Tùng

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG VĨNH CHÂU
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người phê duyệt ký tên:
Hồ Thanh Huyền

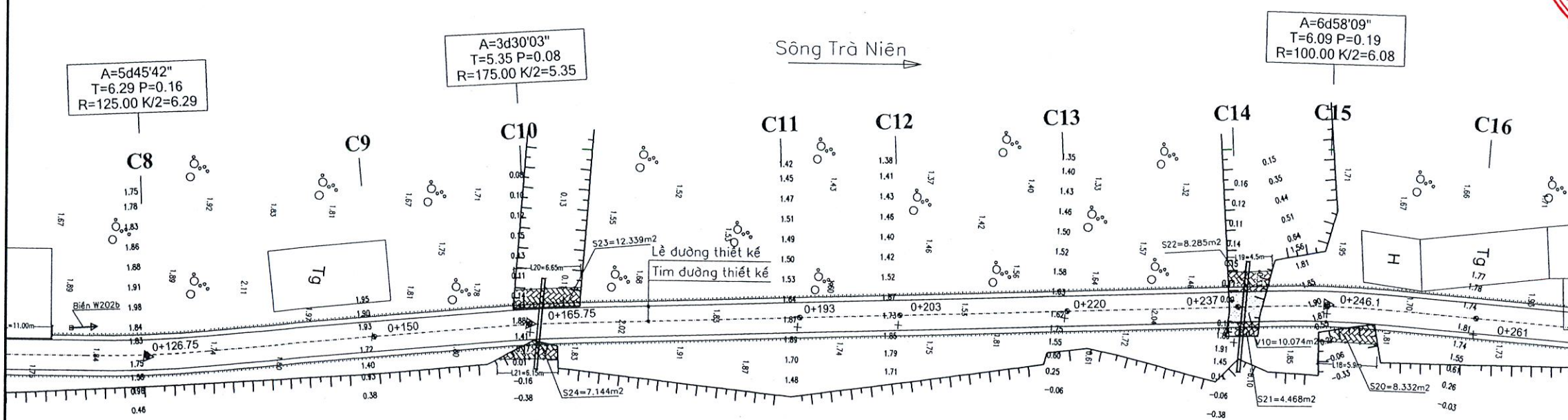
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG VĨNH CHÂU
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-BCT-35
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:
Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ		
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH:		
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BÚI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC:		
ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM:		
KHU VỰC LỀN BÚI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
 CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: txvdmphatco@gmail.com		
GIÁM ĐỐC		
LÝ TÀ BỬU BỬU		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		
		
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
		
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
KIỂM TRA		
		
LÝ TÀ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ		
		
ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ		
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHU TRÊN	/2026	ĐGT-



BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG TL: 1/500
Công trình: Đường đat khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG
CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG ĐAT KHU VỰC LỀN BUỐI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)
HẠNG MỤC:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG
ĐỊA ĐIỂM:
KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT
SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KBT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 Email: xdminhphatco@gmail.com
CHẤM ĐỐC
PHÚ LỢI - TP. CẦN THƠ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
KIỂM TRA
LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400
THIẾT KẾ
ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478
TÊN BẢN VẼ
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
TỶ LỆ
PHÁT HÀNH
K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN
...../2026
BGT-



*Ghi chú:
[Symbol] Diện tích vutốt nổi xuống đường hiện hữu
[Symbol] Diện tích đắp đất ao mương k=0,90
[Symbol] Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
○ - ○ Cũ tràn gia cố ao mương
- Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/ĐT-BCTT-35
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *Phước*

Mai Kim Khánh

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG TL: 1/500
Công trình: Đường đal khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG

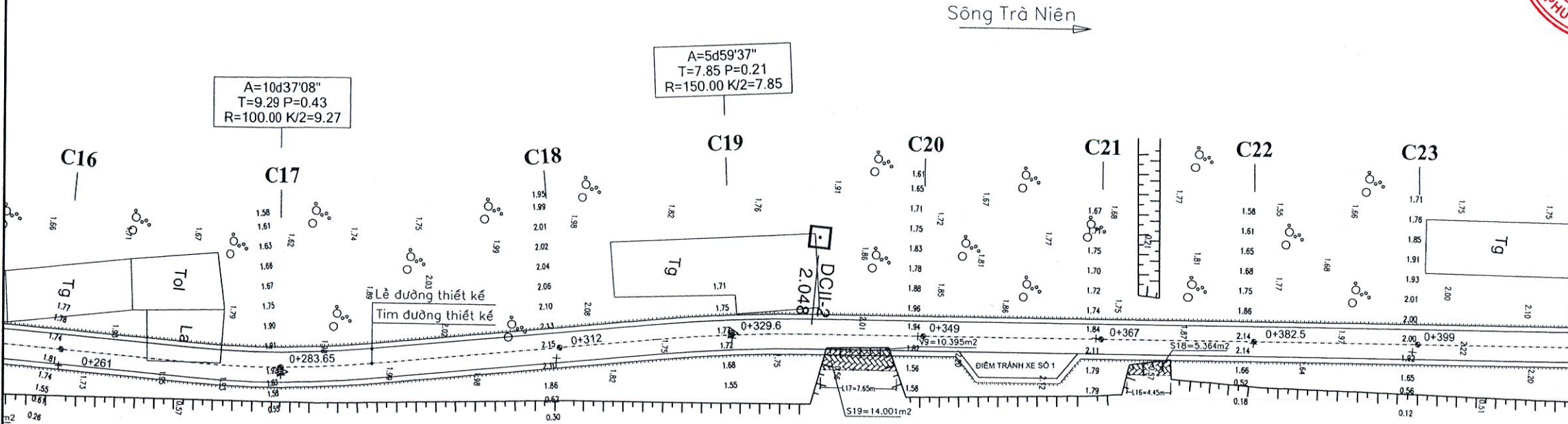
CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BUỐI
(NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)

HẠNG MỤC:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM:
KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CÔNG TY TNHH TV VÀ XD
MINH PHÁT
SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ
ĐIỆN THOẠI: 0907.670.069 - 0907.131.322
EMAIL: txvdmphatco@gmail.com

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ



*Ghi chú:
[Symbol] Diện tích vut nổi xuống đường hiện hữu
[Symbol] Diện tích đắp đất ao mương k=0,90
[Symbol] Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
—○— Cừ tràm gia cố ao mương
— Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DỰNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 351/ĐT-BQT.35
Ngày tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: Mai Kim Khánh

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ
Vandar
TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
Vandar
TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

KIỂM TRA
[Signature]
LÝ TẠ BỬU BỬU
SOT-00121400

THIẾT KẾ
[Signature]
ĐỒNG THANH SANG
CAT-00176478

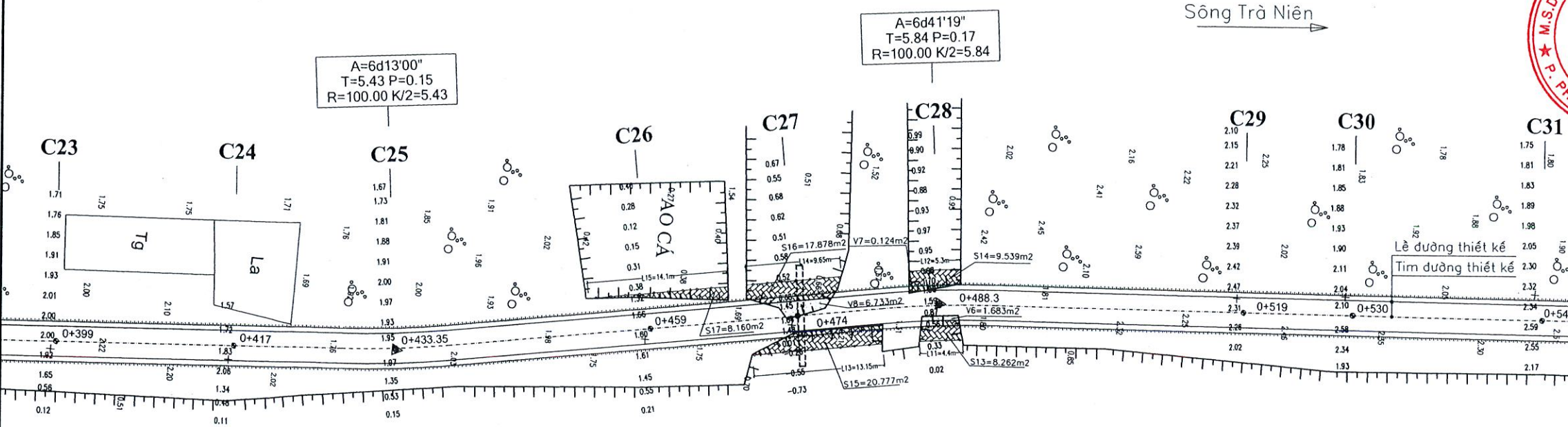
TÊN BẢN VẼ
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHU TRÊN	/2026	ĐGT-

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG TL: 1/500
Công trình: Đường đal khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG
CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BUỐI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)
HẠNG MỤC:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG
ĐỊA ĐIỂM:
KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT
SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com
GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ
TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076
KIỂM TRA
LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400
THIẾT KẾ
ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478
TÊN BẢN VẼ
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
TỶ LỆ
PHÁT HÀNH
K.H BẢN VẼ
NHU TRÊN
...../...../2026
ĐGT-

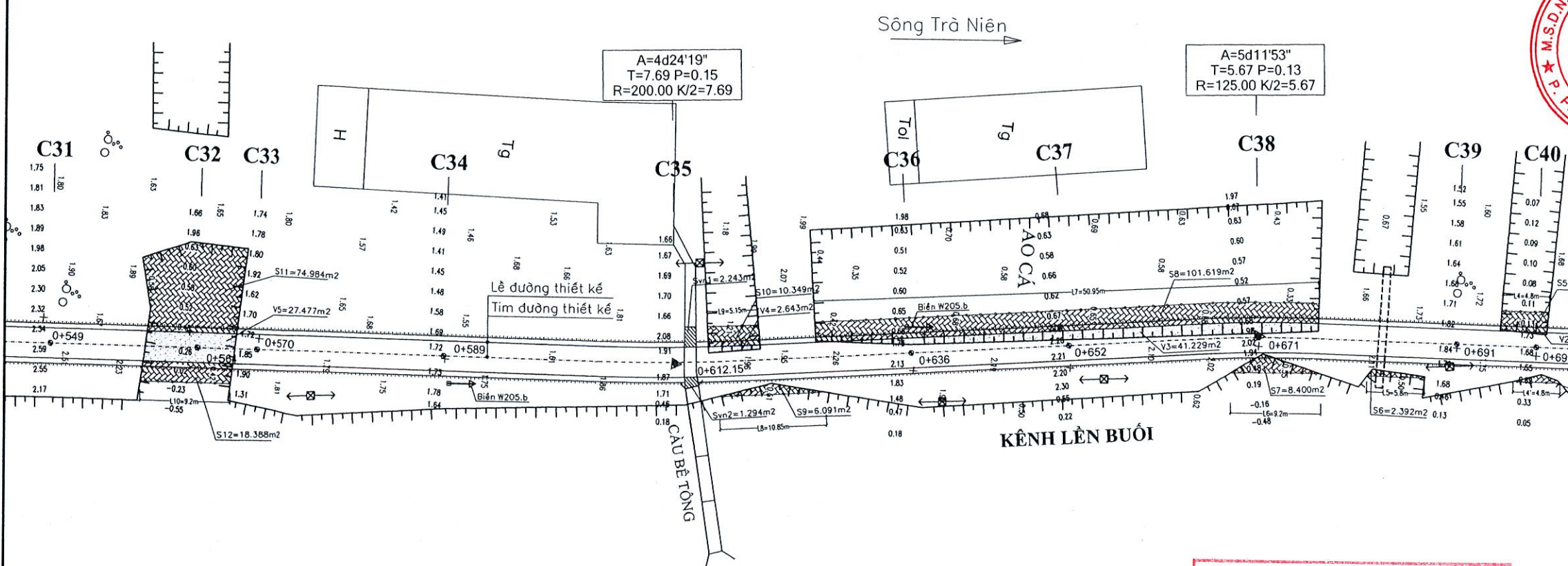


*Ghi chú:
[Symbol] Diện tích vướ nổi xuống đường hiện hữu
[Symbol] Diện tích đắp đất ao mương k=0,90
[Symbol] Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
○—○—○ Cừ tràm gia cố ao mương
— Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 351/DT-BTT.35
Ngày tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: Mai Kim Khánh

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG TL: 1/500
Công trình: Đường đat khu vực Lèn Bưởi (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lèn Bưởi, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG
CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG ĐAT KHU VỰC LÈN BƯỚI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)
HẠNG MỤC:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG
ĐỊA ĐIỂM:
KHU VỰC LÈN BƯỚI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT
SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ DIỆN THOẠI: 0907.670.069 - 0907.131.322 EMAIL: txdminhphatco@gmail.com
GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ
Vandar
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
Vandar
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
KIỂM TRA
Bmm
LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400
THIẾT KẾ
Sam
ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478
TÊN BẢN VẼ
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
TỶ LỆ
PHÁT HÀNH
K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN
...../2026
ĐGT-

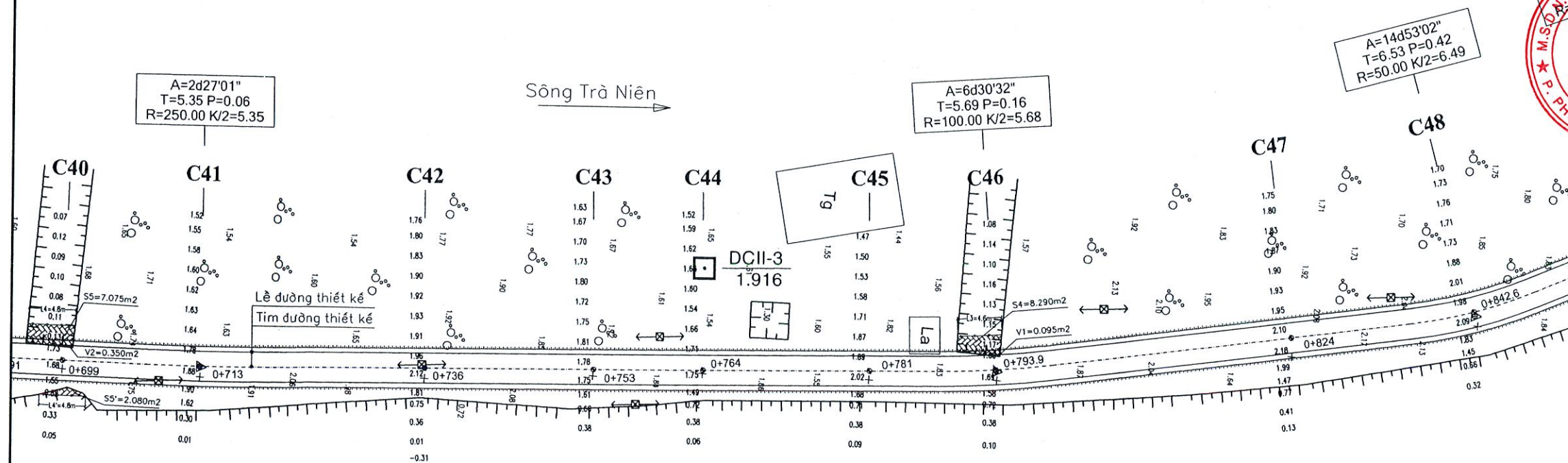


*Ghi chú:
[Symbol] Diện tích vutốt nổi xuống đường hiện hữu
[Symbol] Diện tích đắp đất ao mương k=0,90
[Symbol] Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
○—○ Cừ tràm gia cố ao mương
— Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 351/DT-BCT. 35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG TL: 1/500
Công trình: Đường đat khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ



*Ghi chú:
[Symbol] Diện tích vượt nổi xuống đường hiện hữu
[Symbol] Diện tích đắp đất ao mương k=0,90
[Symbol] Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
○ Cù tràm gia cố ao mương
— Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DƯNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/ĐE-BCT.35
Ngày tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *Phạm Văn Bình*

CHỦ ĐẦU TƯ	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG
CÔNG TRÌNH:	ĐƯỜNG ĐAT KHU VỰC LỀN BUỐI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)
HẠNG MỤC:	ĐƯỜNG GIAO THÔNG
ĐỊA ĐIỂM:	KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT Số 12, Đường số 8, KĐT SA, P. Phú Lợi, TP. Cần Thơ Điện thoại: 0907.670.089 - 0907.131.322 Email: xudminhphatco@gmail.com	GIAM ĐỐC
	LÝ TẠ BỬU BỬU
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	<i>Vandar</i>
	TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	<i>Vandar</i>
	TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
KIỂM TRA	<i>Bonuuu</i>
	LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400
THIẾT KẾ	<i>Son</i>
	ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478
TÊN BẢN VẼ	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH
NHU TRÊN	/...../2026 ĐGT-

PHẦN TRẮC DỌC THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 35/DT-BCT-35

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh

TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG TL: 1/100

Công trình: Đường đat khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG ĐAT KHU VỰC LỀN BUỐI
(NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)

HẠNG MỤC:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM:
KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CÔNG TY TNHH TV VÀ XD
MINH PHÁT
SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ
ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322
EMAIL: txdminhphatco@gmail.com

GIÁM ĐỐC

LÝ TẠ BỬU BỬU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Vanda

TRẦN VĂN ĐA
SOT-00171076

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Vanda

TRẦN VĂN ĐA
SOT-00171076

KIỂM TRA

Bruno

LÝ TẠ BỬU BỬU
SOT-00121400

THIẾT KẾ

Sam

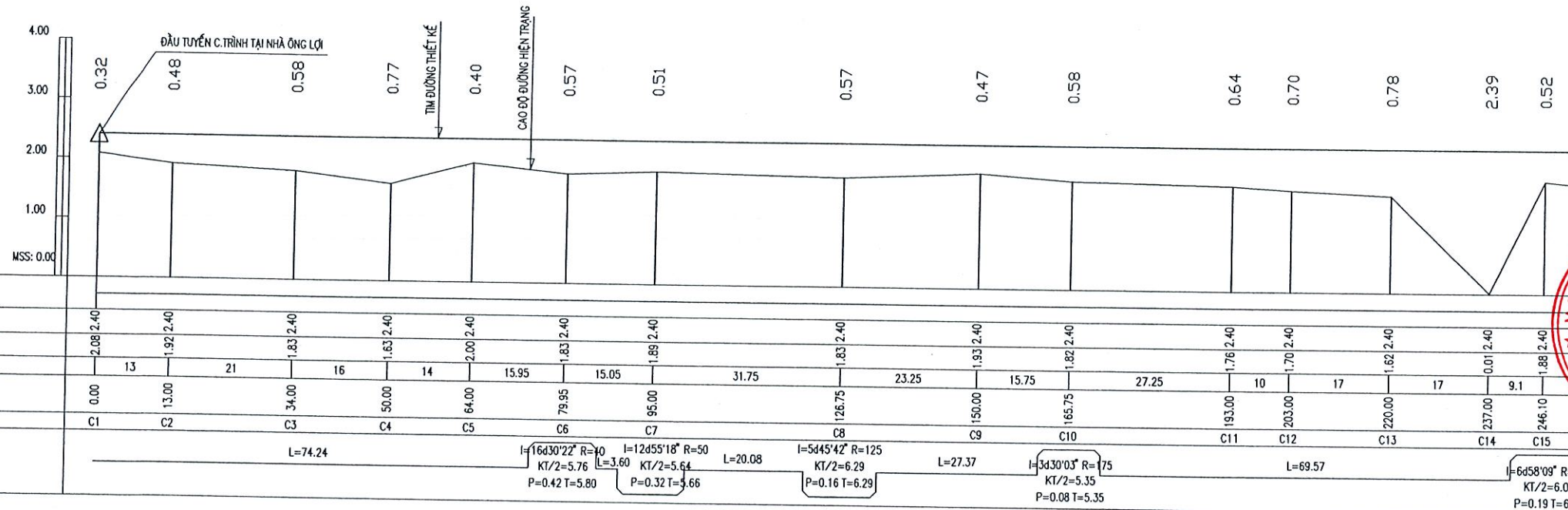
ĐỒNG THANH SANG
CAT-00176478

TÊN BẢN VẼ

TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG

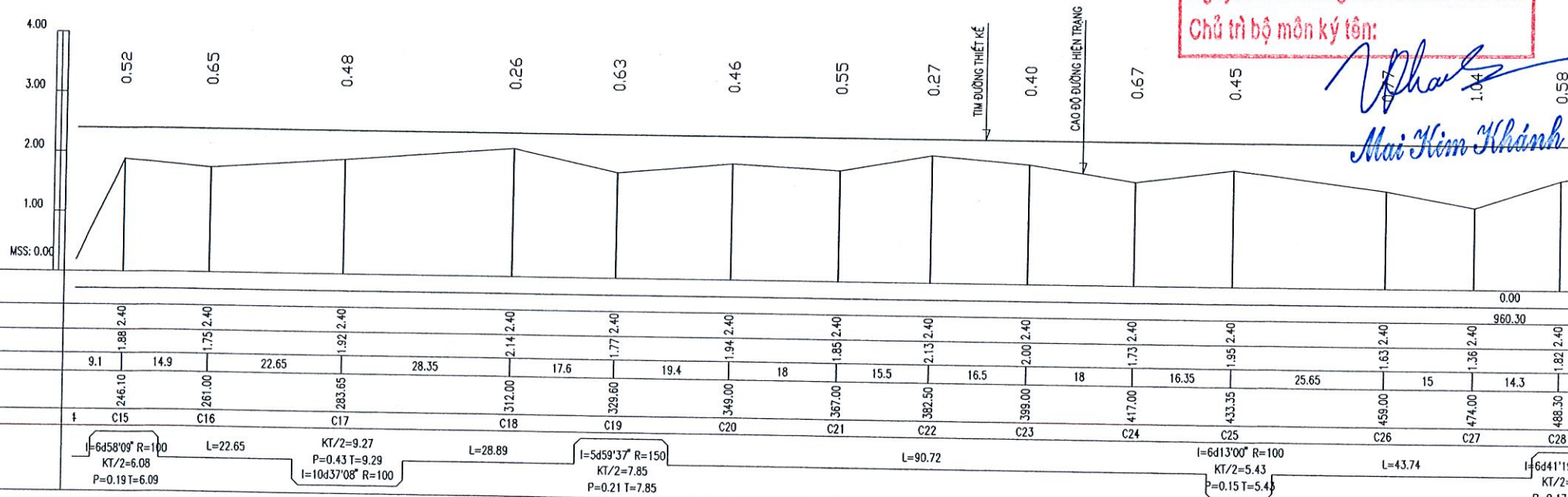
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN	/2026	DGT-



CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-BCT.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh



ĐỘ DỐC (%) / KHOẢNG CÁCH (m)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

*Ghi chú:
- Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG TL: 1/100

Công trình: Đường đal khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BUỐI
(NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)

HẠNG MỤC:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM:
KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CÔNG TY TNHH TV VÀ XD
MINH PHÁT
SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ
DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322
EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD
MINH PHÁT
LÝ TẠ BỬU BỬU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Vanda

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Vanda

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

KIỂM TRA

Buuuuu

LÝ TẠ BỬU BỬU
SOT-00121400

THIẾT KẾ

Sam

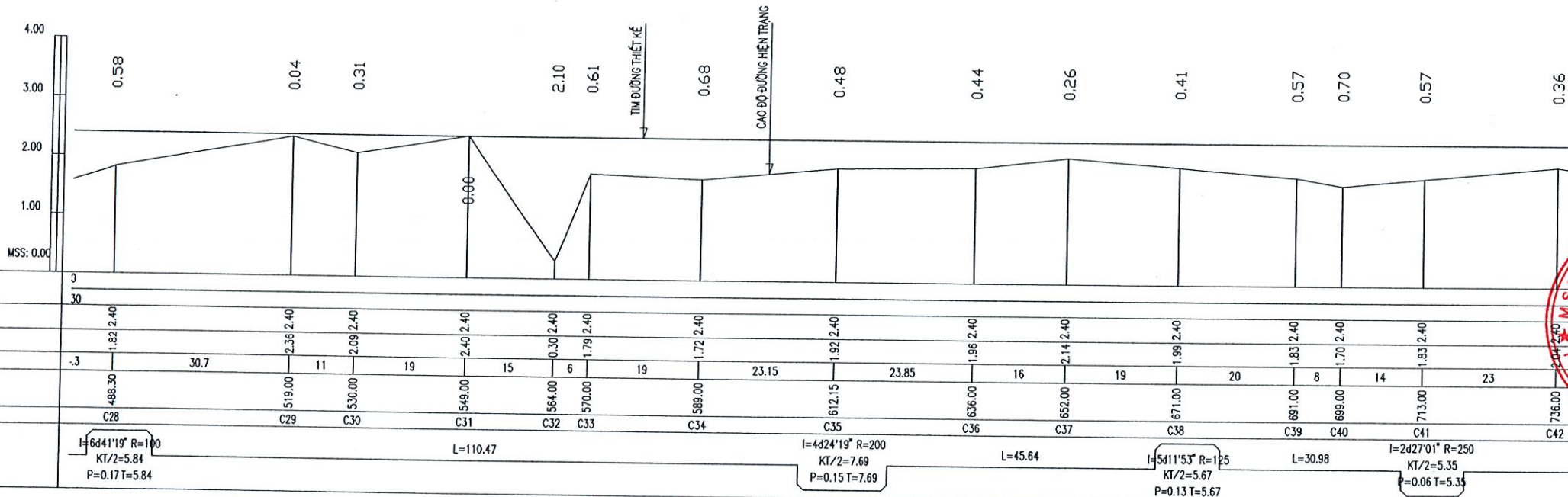
ĐỒNG THANH SANG
CAT-00176478

TÊN BẢN VẼ

TRẮC DỌC THIẾT KẾ TUYẾN ĐƯỜNG

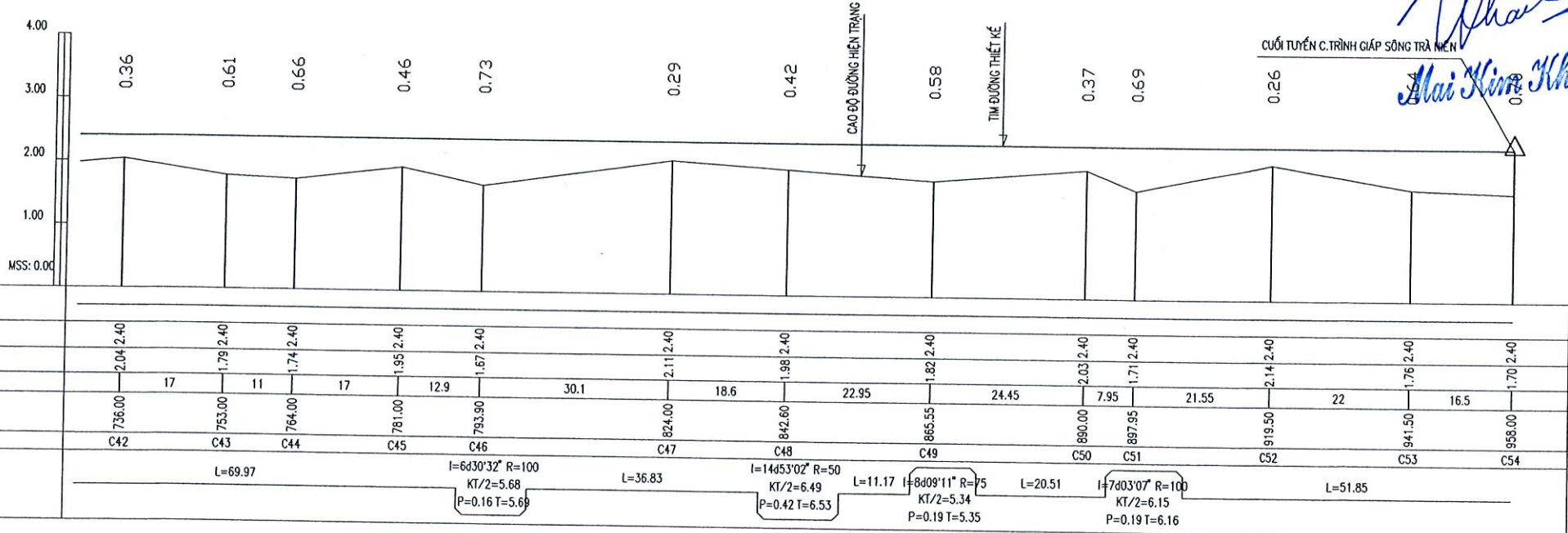
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN	/...../2026	ĐGT-



CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-BCT. 25
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Pha
Mai Kim Khánh



*Ghi chú:
— Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

PHẦN TRẮC NGANG ĐƯỜNG THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 35/DT-BCT-35

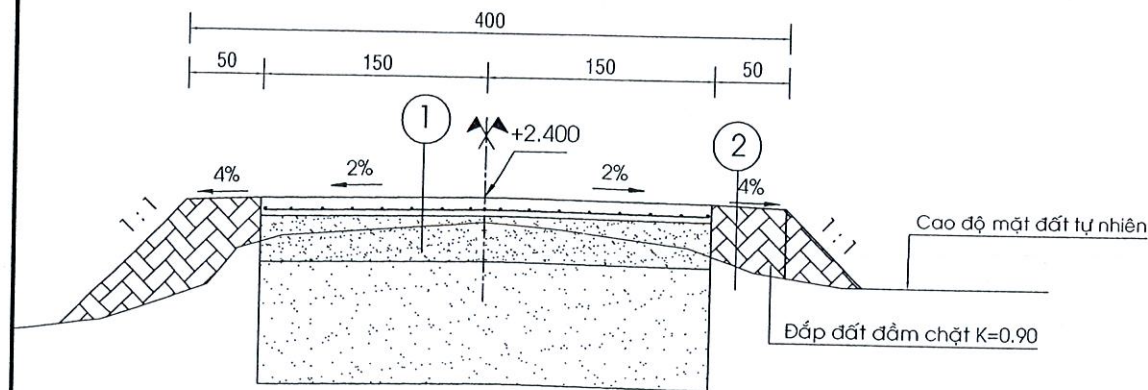
Ngày..... tháng..... năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh

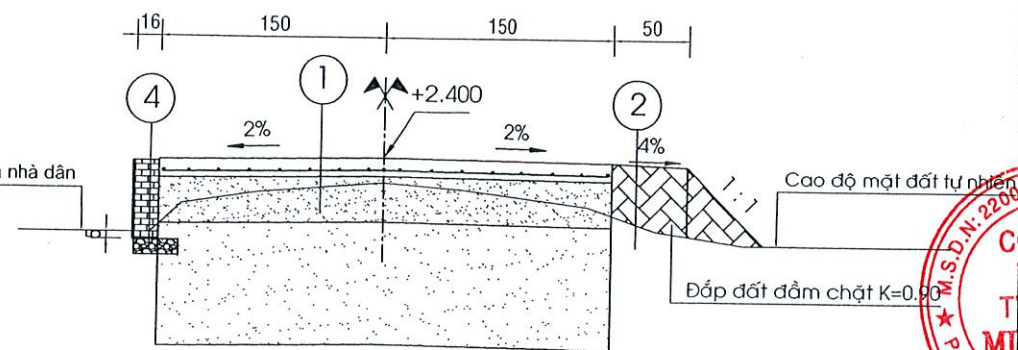
MẶT CẮT NGANG THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH

TỶ LỆ: 1/50



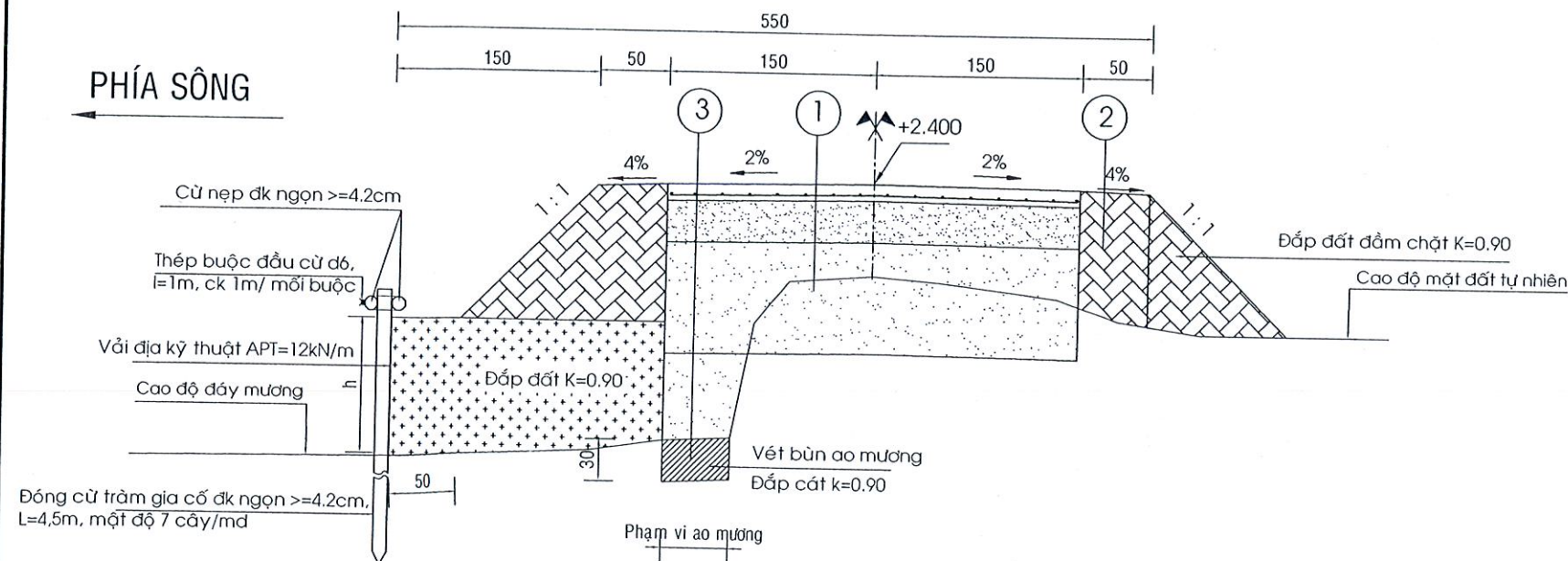
MẶT CẮT NGANG THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH SÁT NHÀ DÂN

TỶ LỆ: 1/50



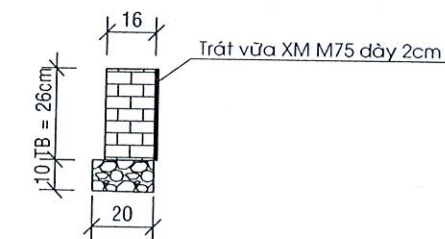
MẶT CẮT NGANG THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH GIA CỐ AO MƯƠNG

TỶ LỆ: 1/50



CHI TIẾT TƯỜNG CHẮN

TỶ LỆ: 1/25



KÝ HIỆU:

① KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG

- Mặt đường BTCT đá 1x2 M250 dày 12cm.
- Lớp nilon ngăn cách
- Lớp cát nền đường dày 30cm, $k \geq 0.95$.
- Lớp cát nền đường dày 80cm, $k \geq 0.90$ (đào lấy đất đắp lẹ).
- Nền đường hiện hữu

② LỀ ĐƯỜNG:

- Đắp đất $k \geq 0.90$,
- tạo mái taluy 1:1

③ KẾT CẤU VỊ TRÍ AO MƯƠNG:

- Mặt đường BTCT đá 1x2 M250 dày 12cm.
- Lớp nilon ngăn cách.
- Lớp cát nền đường dày 30cm, $k \geq 0.95$.
- Lớp cát san lấp, $k \geq 0.90$.
- Vết bùn ao mương hoàn trả bằng cát nền dày 30cm, $k \geq 0.90$.
- Nền đường hiện hữu

④ KẾT CẤU VỊ TRÍ XÂY TƯỜNG:

- Xây tường chắn dày 16cm, vữa M75. Trát tường ngoài dày 2cm vữa M75.
- Lớp bê tông đá 4x6 đệm dày 10cm.

GHI CHÚ:

- Kích thước bản vẽ ghi cm, cao độ ghi cm.

CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG

CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LÊN BUỒI
(NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)

HẠNG MỤC:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM:

KHU VỰC LÊN BUỒI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ



CÔNG TY TNHH TV VÀ XD
MINH PHÁT

Số 12, Đường số 8, KĐT SA, P. Phú Lợi, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0907.670.089 - 0907.131.322
Email: txvdmphatco@gmail.com

GIÁM ĐỐC

LÝ TẠ BỬU BỬU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

KIỂM TRA

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

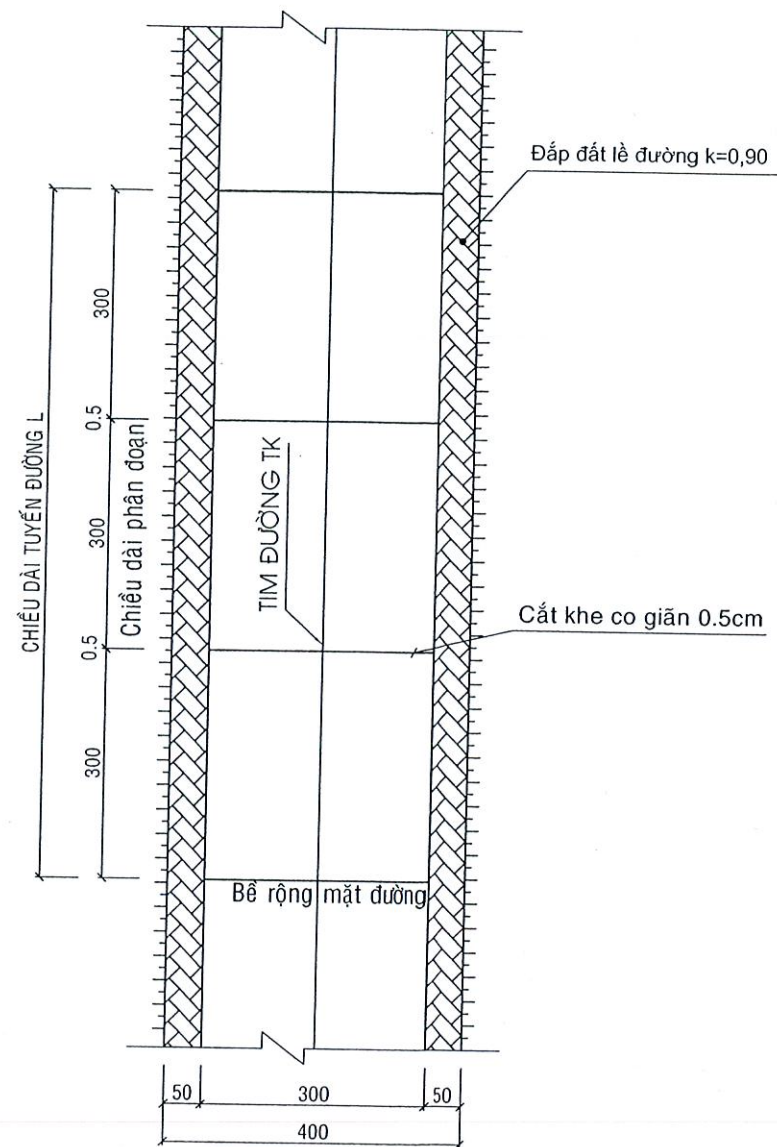
THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

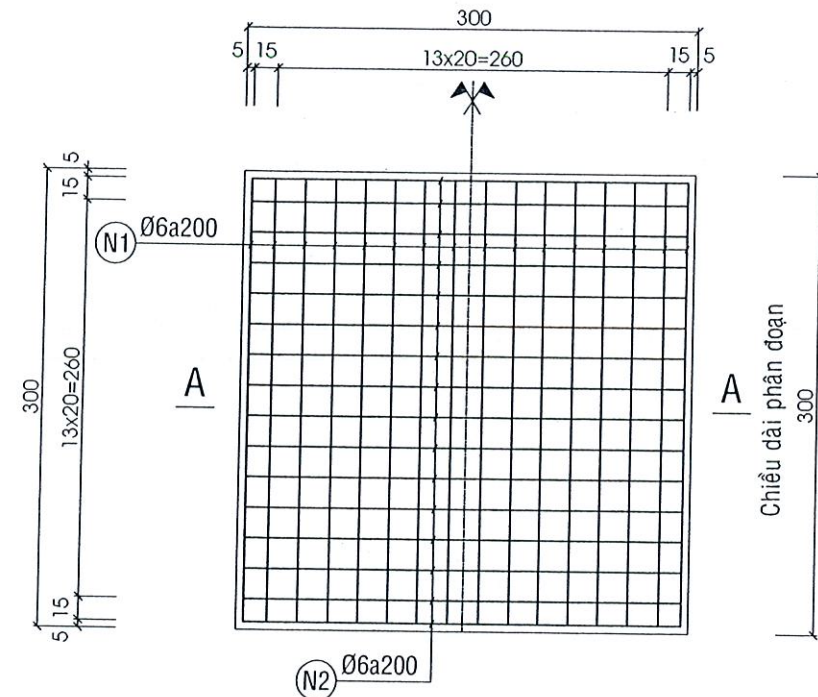
THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

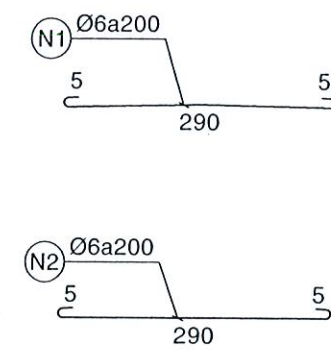
MẶT BẰNG ĐẠI DIỆN
TL: 1/100



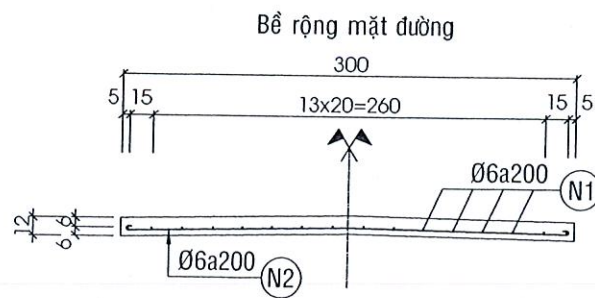
CẤU TẠO LƯỚI THÉP Ø6
MẶT ĐƯỜNG RỘNG 3.0M



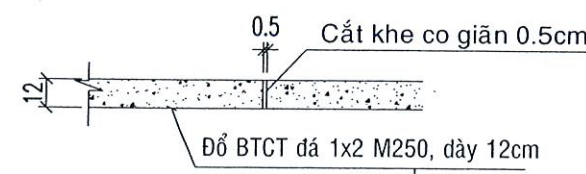
CHI TIẾT THÉP



MẶT CẮT A - A



CHI TIẾT KHE CO GIẤN



BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG THÉP

CẤU KIỆN	KÝ HIỆU	ĐƯỜNG KÍNH	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI		KHỐI LƯỢNG		MẪU THÉP
				1 THANH	T.CỘNG	Đ.VỊ	T.CỘNG	
01 TẤM BTCT KT (4.0x4.0)M	N1	d6	16	3.00	48.00	0.222	10.656	XEM CHI TIẾT
	N2	d6	16	3.00	48.00	0.222	10.656	- " -
	THÉP TRÒN:				21.312 Kg			
- KHỐI LƯỢNG THÉP TRÒN Ø6 TÍNH CHO 1 ĐOẠN (3X3)m: 21.312 Kg/1đoạn								
- KHỐI LƯỢNG THÉP TRÒN Ø6 TÍNH CHO 1M2: 21.312/(3x3) = 2.368Kg/1m2								

* GHI CHÚ :

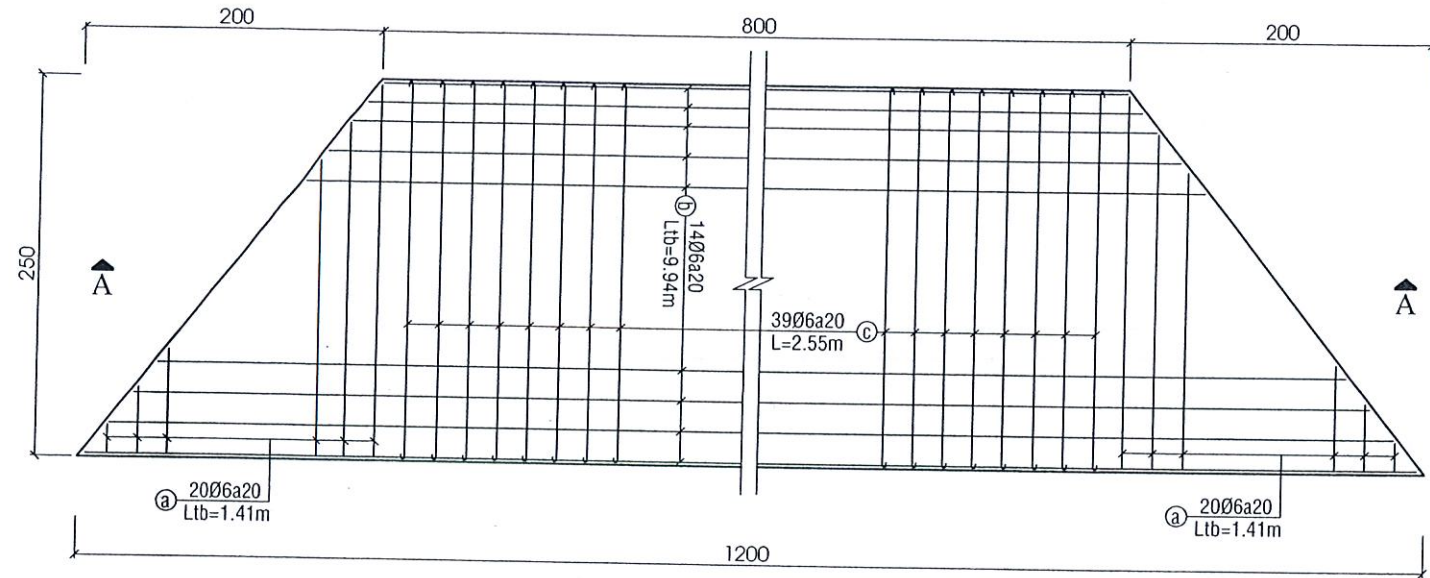
- Kích thước bản vẽ ghi cm.
- Thép thanh tròn trơn, $R_{u} \geq 240$ MPa.
- Thép thanh vằn, $R_{u} \geq 300$ MPa.
- Lưới cốt thép liên kết bằng thép buột hoặc hàn tại hiện trường.
- Thép thi công phải đúng qui cách thiết kế, thép mới không rỉ sét.
- Chiều dài phân đoạn cắt mạch 3m, chiều sâu bằng chiều dày lớp BTCT 12cm.
- Chiều rộng cắt mạch 5mm.

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-BT.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG
CÔNG TRÌNH:	ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀ BUỒI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)
HẠNG MỤC:	ĐƯỜNG GIAO THÔNG
ĐỊA ĐIỂM:	KHU VỰC LỀ BUỒI, PHƯỜNG VINH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT	Số 12, Đường số 8, KĐT 5A, P. Phú Lợi, TP. Cần Thơ Điện thoại: 0907.670.089 - 0907.131.322 Email: tvxdminhphatco@gmail.com
GIÁM ĐỐC	LÝ TẠ BỬU BỬU
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	Trần Văn Đa SOT-00171076
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	Trần Văn Đa SOT-00171076
KIỂM TRA	Trần Văn Đa SOT-00171076
THIẾT KẾ	Trần Văn Đa SOT-00121400
TÊN BẢN VẼ	MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN ĐƯỜNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	TỶ LỆ: NHƯ TRÊN PHÁT HÀNH:/...../2026 K.H BẢN VẼ: ĐGT-

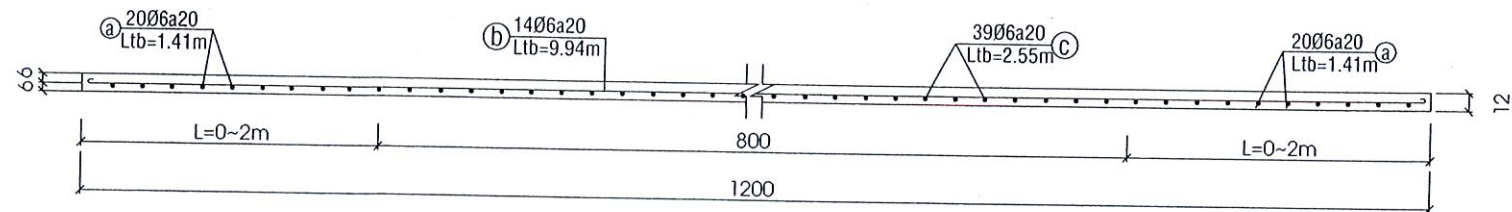
MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP TẦM ĐAN TRÁNH XE

Tỷ lệ: 1/50



MẶT CẮT A-A

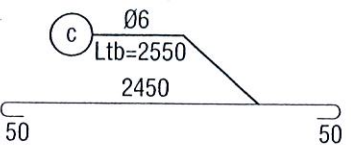
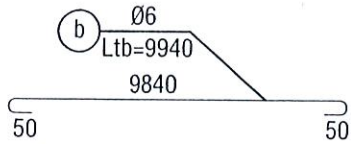
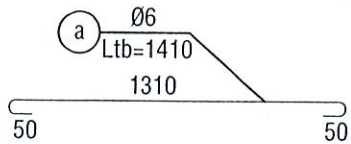
Tỷ lệ: 1/50



BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐAN TRÁNH XE

STT	KÝ HIỆU THÉP	ĐK THÉP (mm)	TL Đ.VỊ (kg/m)	CHIỀU DÀI (m)	SỐ THANH (thanh)	KHỐI LƯỢNG (kg)
3	a	6	0,222	1,41	20	6,26
4	b	6	0,222	9,94	14	30,89
5	c	6	0,222	2,55	39	22,08
TỔNG CỘNG						59,23

QUY CÁCH CỐT THÉP ĐIỂM TRÁNH XE



CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 25/DT-BQT-BS

Ngày tháng năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ đơn vị tính là mm.

CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BUỒI
(NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)

HẠNG MỤC:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM:
KHU VỰC LỀN BUỒI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CÔNG TY TNHH TV VÀ XD
MINH PHÁT
SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ
ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322
EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com

GIÁM ĐỐC

LÝ TẠ BỬU BỬU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ

SOT-00171076

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ

SOT-00171076

KIỂM TRA

LÝ TẠ BỬU BỬU

SOT-00121400

THIẾT KẾ

ĐỒNG THANH SANG

CAT-00176478

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN ĐƯỜNG

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

TỶ LỆ

PHÁT HÀNH

K.H BẢN VẼ

NHƯ TRÊN

...../2026

ĐGT-

MĐ (Đào/Đắp) 2.239-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.432 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

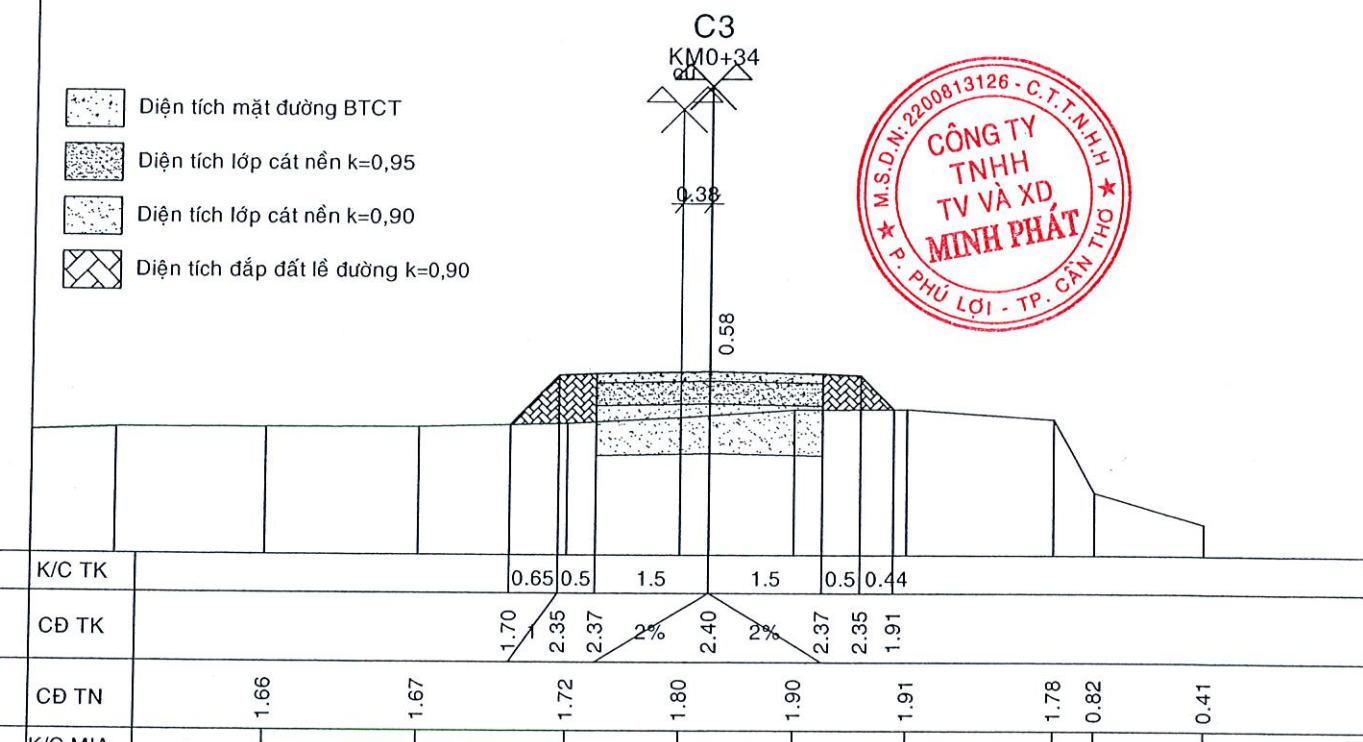
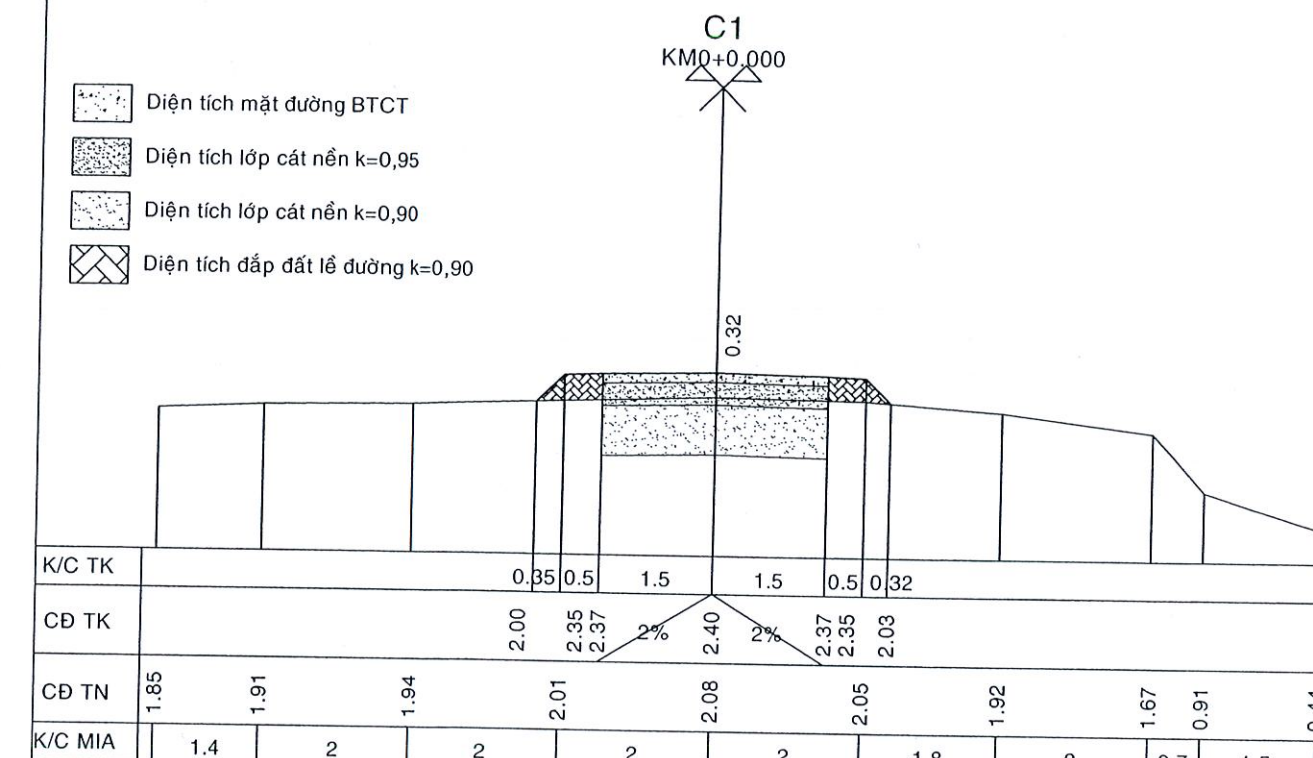
Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

MĐ (Đào/Đắp) 1.535-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.848 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90



MĐ (Đào/Đắp) 1.927-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.465 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

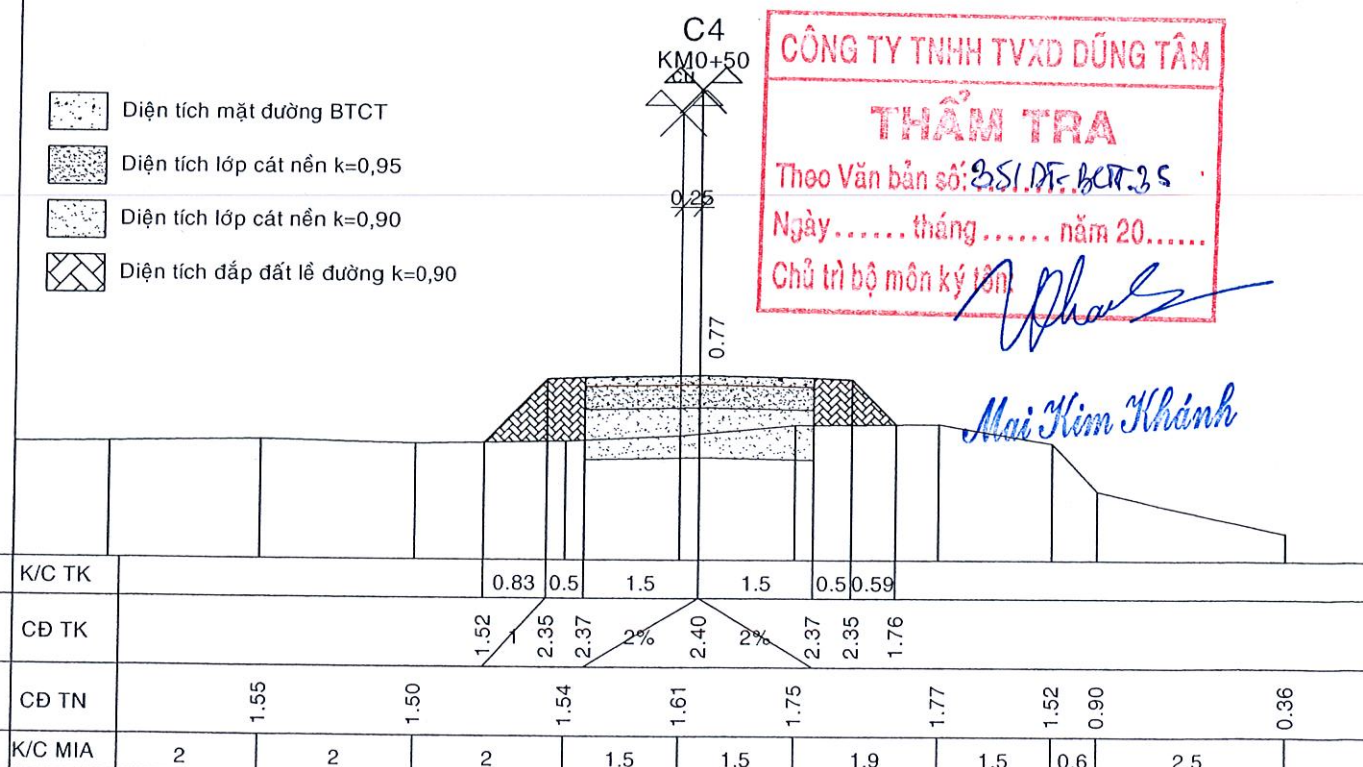
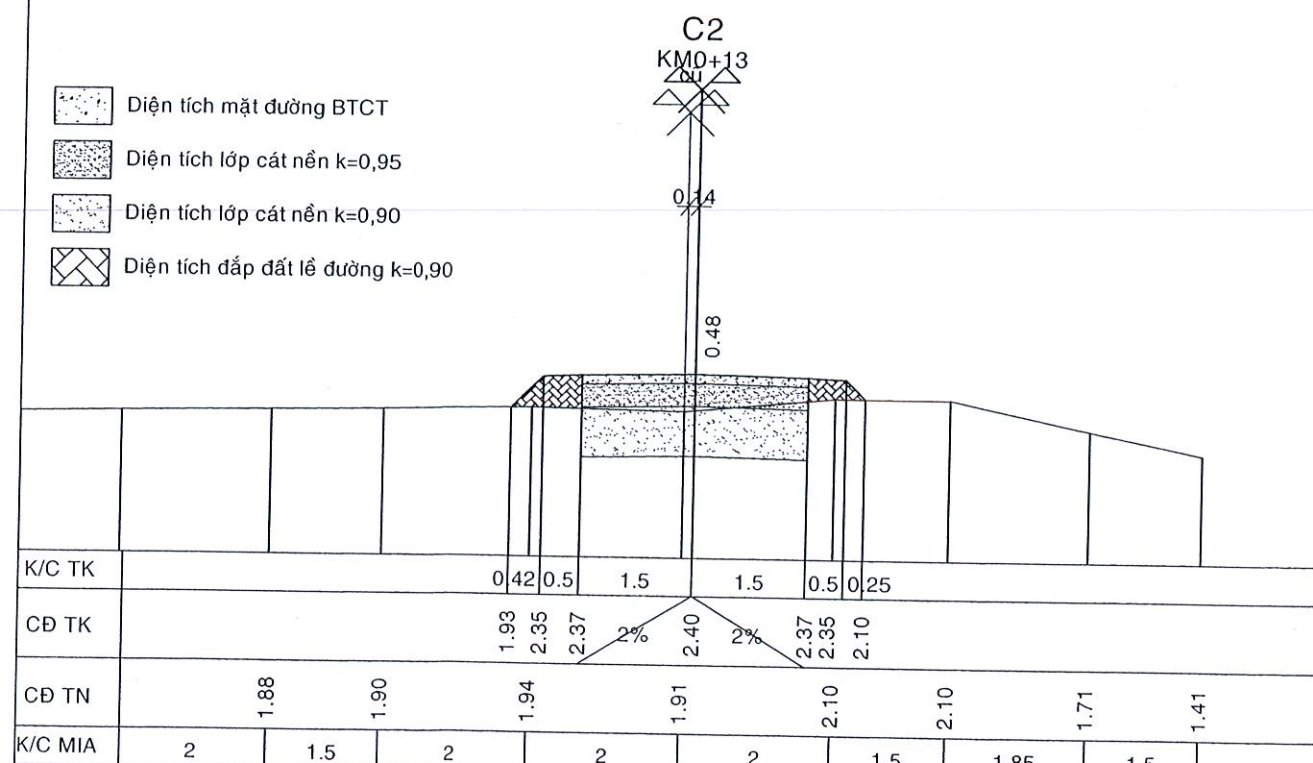
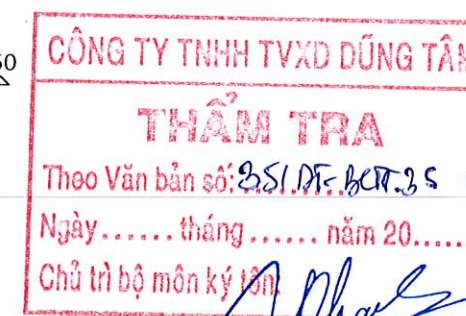
Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

MĐ (Đào/Đắp) 0.989-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-1.224 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90



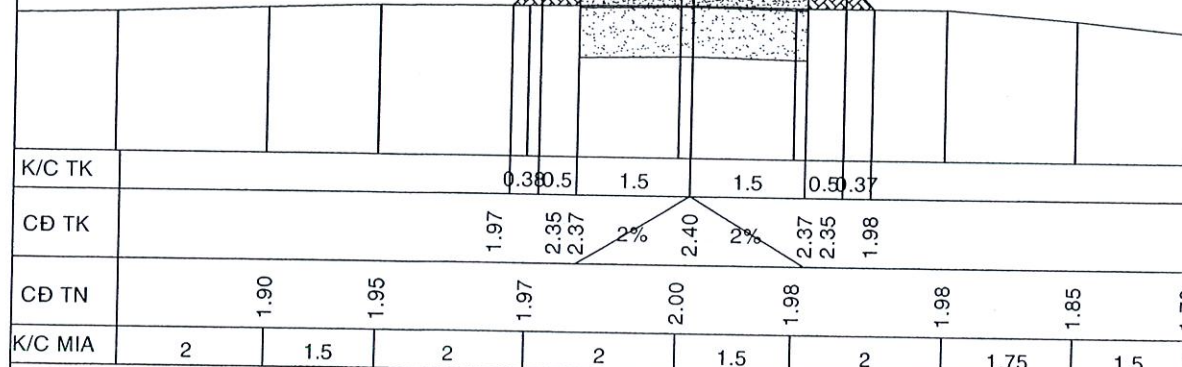
Mai Kim Khánh

MD (Đào/Đắp) 2.024-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.523 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
Diện tích lớp cát nền k=0,95
Diện tích lớp cát nền k=0,90
Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C5
KM0+64
0,16
0,40



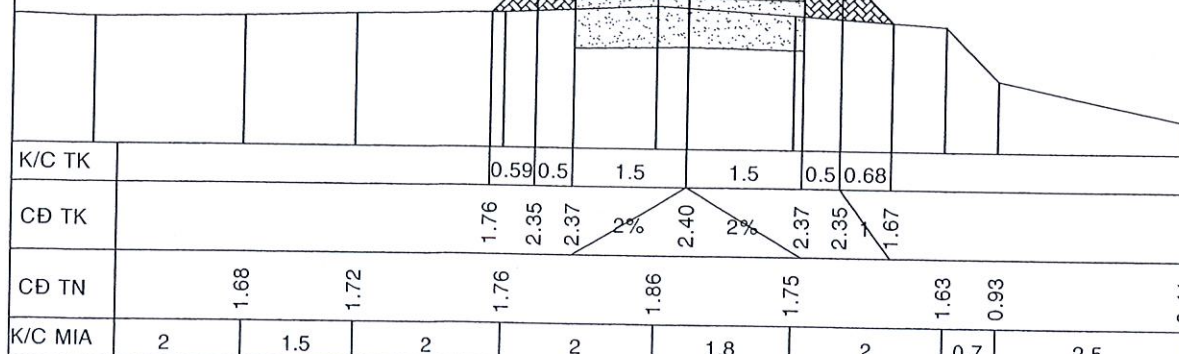
MD (Đào/Đắp) 1.493-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.985 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
Diện tích lớp cát nền k=0,95
Diện tích lớp cát nền k=0,90
Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

Góc I=16d30'22" R=40

C6
KM0+79.95
0,42
0,57



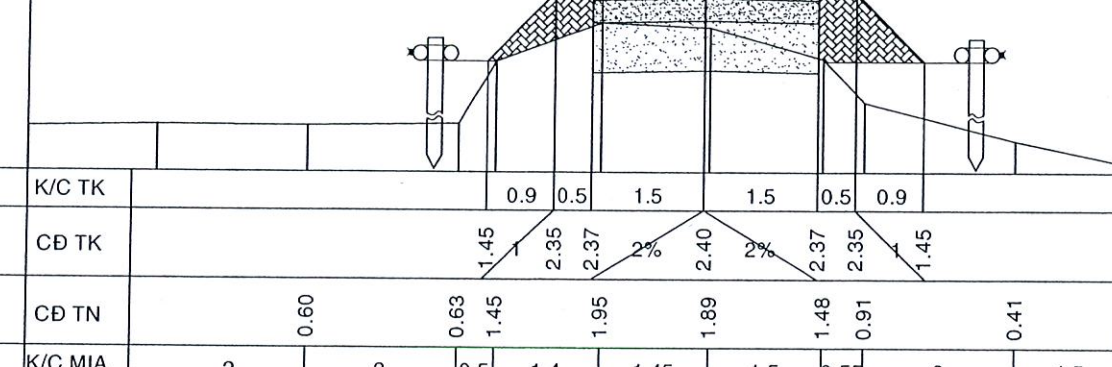
MD (Đào/Đắp) 1.494-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-1.424 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

Góc I=12d55'18" R=50

- Diện tích mặt đường BTCT
Diện tích lớp cát nền k=0,95
Diện tích lớp cát nền k=0,90
Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C7
KM0+95
1,38
0,51



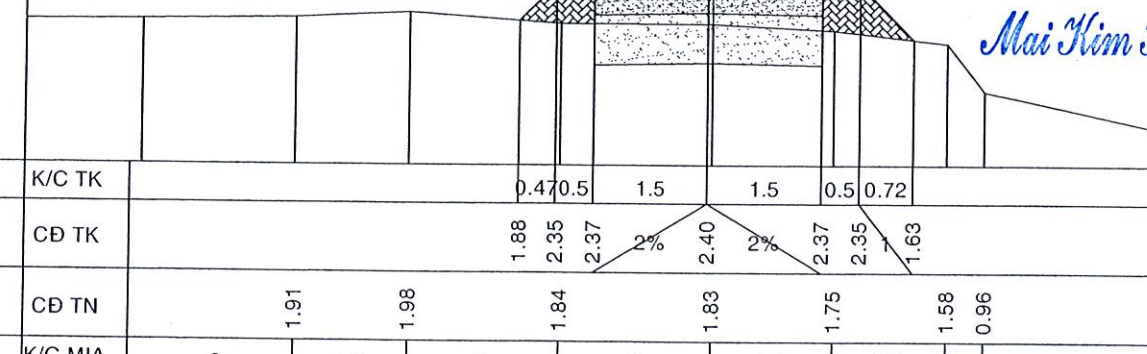
MD (Đào/Đắp) 1.499-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.921 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

Góc I=5d45'42" R=125

- Diện tích mặt đường BTCT
Diện tích lớp cát nền k=0,95
Diện tích lớp cát nền k=0,90
Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C8
KM0+126.75
0,26
0,57

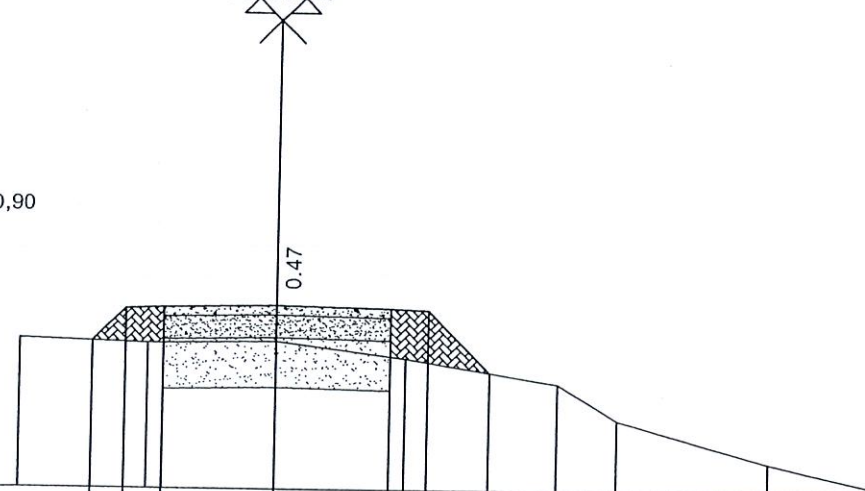
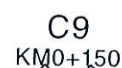


CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 851/ĐP-BCTT.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *Phước*

Mai Kim Khánh

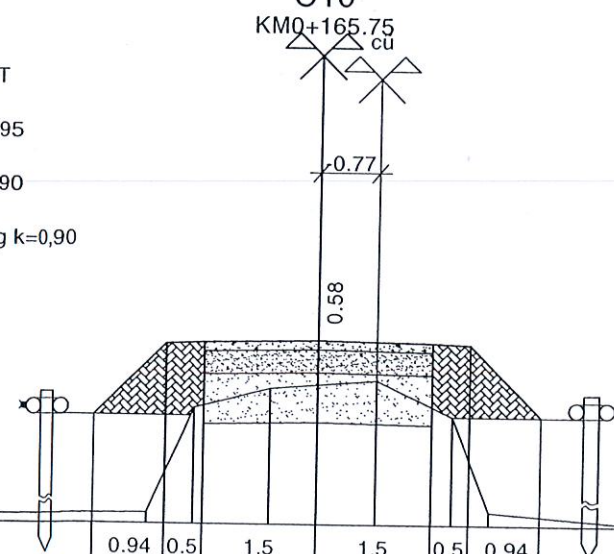
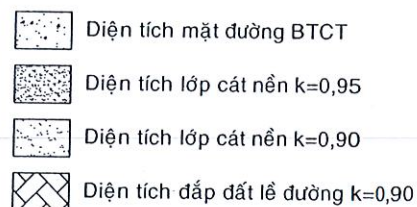
Đường Tự Nhiên _____
Đường Thiết Kế _____
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

-  Diện tích mặt đường BTCT
-  Diện tích lớp cát nền $k=0,95$
-  Diện tích lớp cát nền $k=0,90$
-  Diện tích đắp đất lề đường $k=0,90$

[illegible]

Đường Tự Nhiên _____
Đường Thiết Kế _____
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

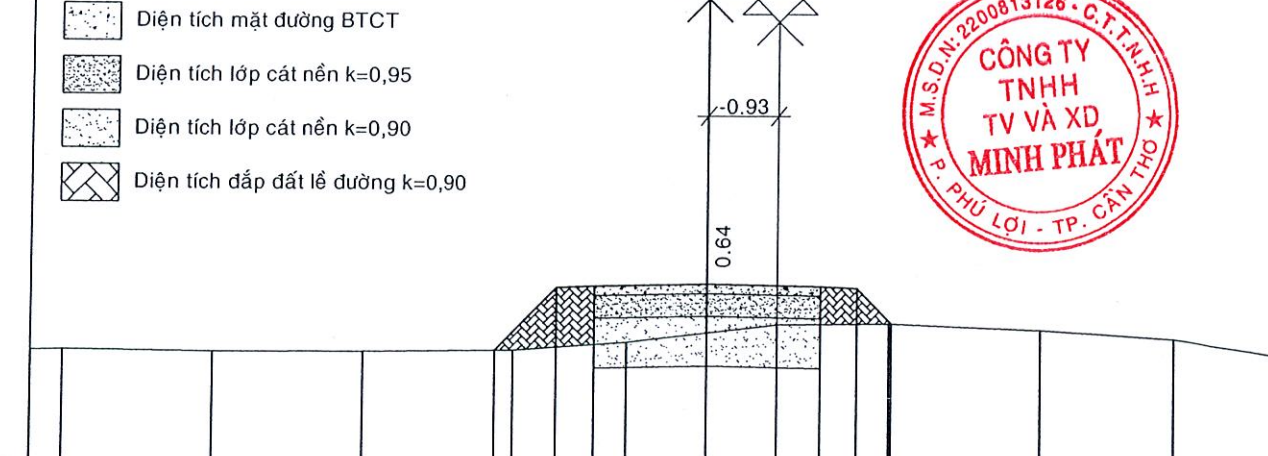
C10
KMQ+165



K/C TK				0.94	0.5	1.5	1.5	0.5	0.94				
CĐ TK				1.41	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	1.41	
CĐ TN	0.13	0.11		0.14	1.51	1.77		1.88		1.41	0.17	0.01	-0.16
K/C MIA	2	2		0.6	1	1.4	1	0.5	2				

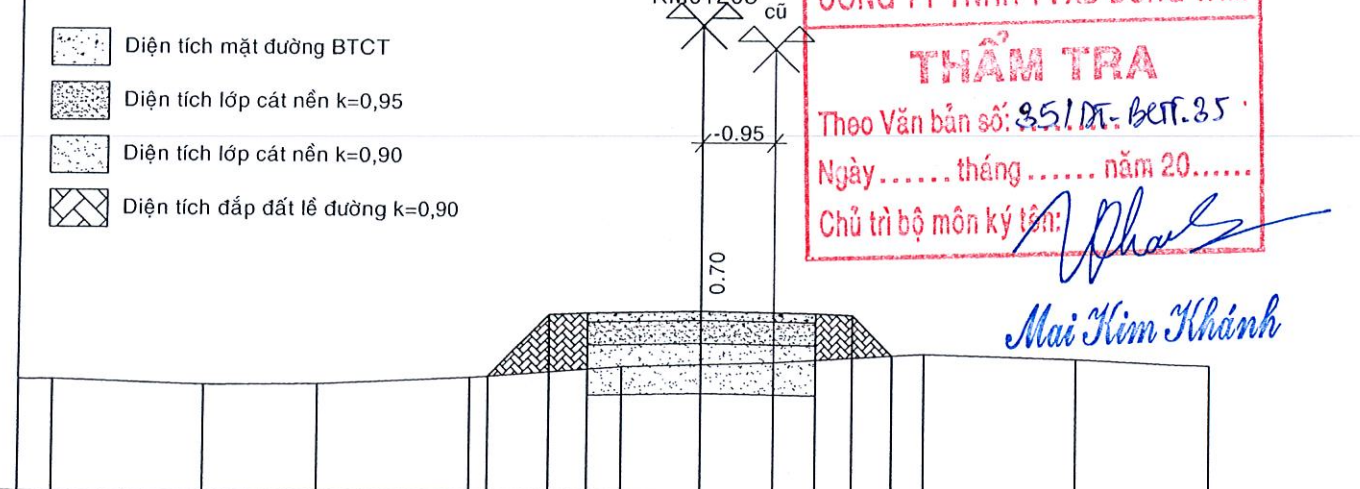
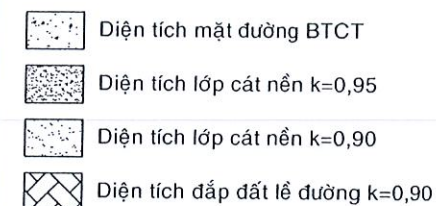
Đường Tự Nhiên _____
Đường Thiết Kế _____
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

-  Diện tích mặt đường BTCT
-  Diện tích lớp cát nền $k=0,95$
-  Diện tích lớp cát nền $k=0,90$
-  Diện tích đắp đất lề đường $k=0,90$

[illegible]

Đường Tự Nhiên _____
Đường Thiết Kế _____
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

C12
KM0+203



K/C TK				0.81	0.5	1.5	1.5	0.5	0.53			
CD TK				1.54	2.35	2.37	2.40	2.37	2.35	1.82		
CD TN	1.40	1.42	1.52		1.67		1.73		1.85	1.79	1.71	
K/C MIA		1.5	2	2		2		2		2	1.8	

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂN

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 351/DT-BCT.35

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

Mai Kim Khánh

MD (Đào/Đắp) 0.961-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-1.167 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

MD (Đào/Đắp) 1.689-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.745 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C13
KM0+220_{cũ}

Góc I=6d58'09" R=100

C15
KM0+246.1_{cũ}



- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

K/C TK				0.76	0.5	1.5	1.5	0.5	0.67										
CĐ TK				1.59	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	1.68							
CĐ TN	1.50		1.52		1.58		1.63		1.62		1.75		1.55	0.60	0.25		-0.06		
K/C MIA		2		2		2		2		1.3		2		0.7		2			

MD (Đào/Đắp) 0.000-3.671 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-1.424 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-1.215 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

K/C TK				0.52	0.5	1.5	1.5	0.5	0.48										
CĐ TK				1.83	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	1.87							
CĐ TN		0.64	1.56		1.81		1.85		1.90		1.87	0.55	0.22		-0.06		-0.33		
K/C MIA		2		0.8		2		2.2		2		1.75	0.75	2		2		1.5	

MD (Đào/Đắp) 1.349-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.900 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C14
KM0+237

cũ

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C16
KM0+261

cũ

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-BTT.35
Ngày tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên

Mai Kim Khánh

K/C TK				0.79	0.5	1.5	1.5	0.5	0.81										
CĐ TK				1.56	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	1.54							
CĐ TN		0.14		0.15		0.11		0.00		0.11	1.74	1.80	1.91	1.45	0.11		-0.06		
K/C MIA		1.7		2		2		2		0.7	0.6	1.4	1	0.6	2		0.5		

K/C TK				0.57	0.5	1.5	1.5	0.5	0.58										
CĐ TK				1.78	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	1.77							
CĐ TN				1.77	1.78			1.74		1.81		1.74	1.55	0.61		0.26			
K/C MIA				1.15		2		2		1.6		1.5	0.5	2		1.77			

MĐ (Đào/Đắp) 1.787-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.702 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100
Góc l=10d37'08" R=100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C17
KM0+283.65
cũ

K/C TK				0.45	0.5	1.5	1.5	0.5	0.53										
CĐ TK				1.90	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	1.82							
CĐ TN	1.67		1.75	1.90		1.91		1.92		1.83	1.58	0.55							
K/C MIA		2	2	1.5	2		1.75	1	0.75	2.5									

MĐ (Đào/Đắp) 2.471-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.288 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C18
KM0+312
cũ

K/C TK				0.24	0.5	1.5	1.5	0.5	0.23										
CĐ TK				2.11	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	2.12							
CĐ TN	2.04		2.06	2.10		2.13		2.15		2.10	1.86	0.62	0.30						
K/C MIA		1.5	1.5	2	2		2.15	2.15	0.7	2									

MĐ (Đào/Đắp) 1.325-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-1.010 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

Góc l=5d59'37" R=150

C19
KM0+329.6

K/C TK				0.62	0.5	1.5	1.5	0.5	0.64										
CĐ TK				1.73	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	1.71							
CĐ TN	1.71		1.73	1.75		1.77		1.72		1.68	1.65	1.55							
K/C MIA		1.3	1.5	1.5	2	1.5	1.5	1.6											

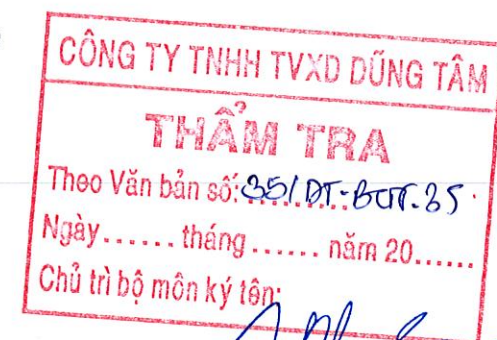
MĐ (Đào/Đắp) 1.796-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.733 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C20
KM0+349

K/C TK				0.41	0.5	1.5	1.5	0.5	0.61										
CĐ TK				1.94	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	1.74							
CĐ TN	1.78		1.88	1.96		1.94		1.82		1.71	1.56	1.58							
K/C MIA	2	2	2	2	2	1.5	1.5	2	1.1										



MD (Đào/Đắp) 1.693-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.666 (m²)
W vlmd 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

MD (Đào/Đắp) 2.045-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.517 (m²)
W vlmd 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C21
KM0+367



0.98

0.55

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C23
KM0+399 cũ



0.75

0.40

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%



MD (Đào/Đắp) 2.390-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.476 (m²)
W vlmd 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

MD (Đào/Đắp) 1.299-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.898 (m²)
W vlmd 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C22
KM0+382.5



0.2

0.27

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C24
KM0+417 cũ



1.37

0.67

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

2%

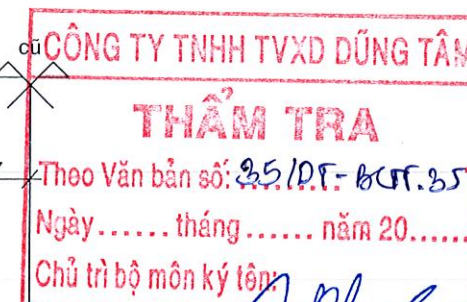
2%

2%

2%

2%

2%



MD (Đào/Đắp) 1.901-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.585 (m²)
W vmd 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

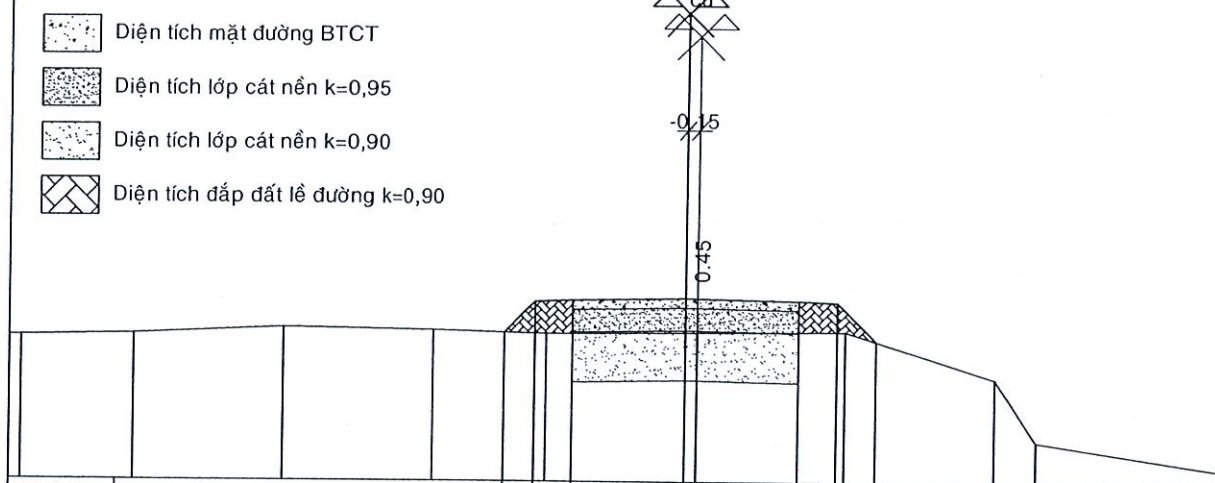
Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100
Góc I=6d13'00" R=100

MD (Đào/Đắp) 0.357-0.686 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-1.707 (m²)
W vmd 0.360-0.900-1.737 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C25
KM0+433.35



K/C TK	0.41	0.5	1.5	1.5	0.5	0.51
CĐ TK	1.94	2.35	2.37	2.40	2.37	2.35
CĐ TN	1.91	2.00	1.97	1.93	1.95	1.97
K/C MIA	2	2	1.5	2	1.95	2

MD (Đào/Đắp) 0.929-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-1.480 (m²)
W vmd 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

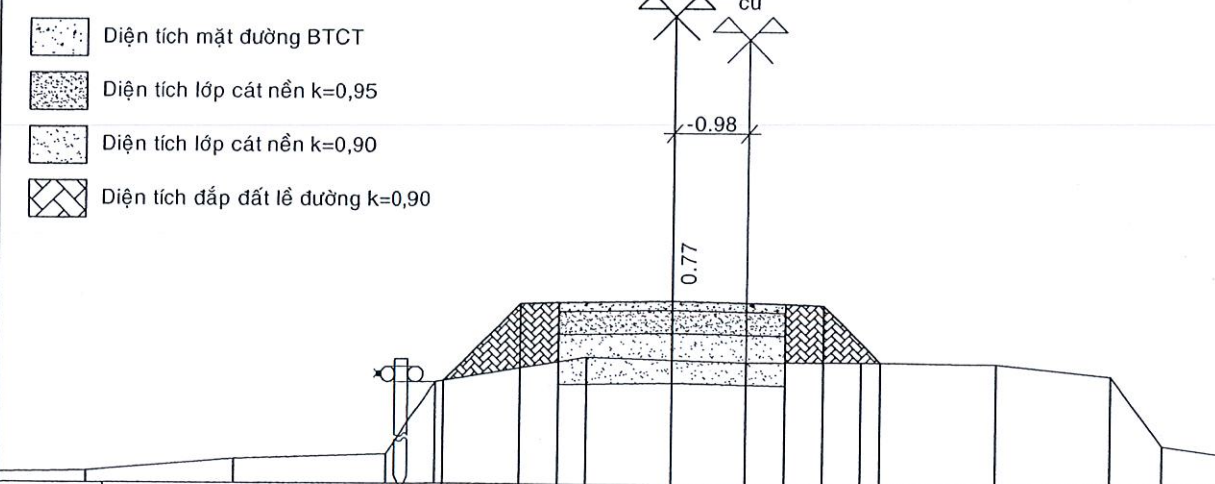
Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

MD (Đào/Đắp) 1.187-0.003 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-1.310 (m²)
W vmd 0.360-0.900-1.830 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C26
KM0+459 cũ

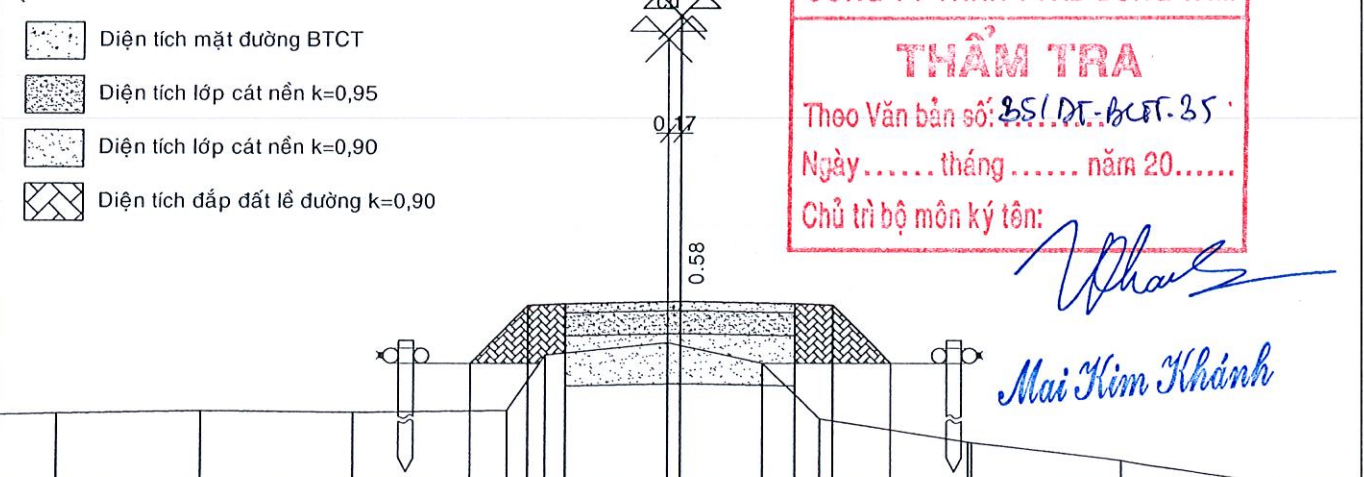


K/C TK	1.01	0.5	1.5	1.5	0.5	0.74
CĐ TK	1.34	2.35	2.37	2.40	2.37	2.35
CĐ TN	0.31	0.38	1.32	1.66	1.60	1.61
K/C MIA	2	2	0.7	2	2.1	1.5

Góc I=6d41'19" R=100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C28
KM0+488.3



K/C TK	0.76	0.5	1.5	1.5	0.5	0.76
CĐ TK	1.59	2.35	2.37	2.40	2.37	2.35
CĐ TN	0.97	0.95	0.98	1.70	1.86	1.59
K/C MIA	1.9	2	2	0.5	1.6	1.25



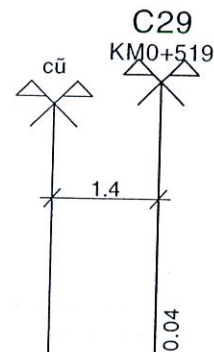
CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 85/DT-BCT-35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh

MĐ (Đào/Đắp) 3.148-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.056-0.048 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

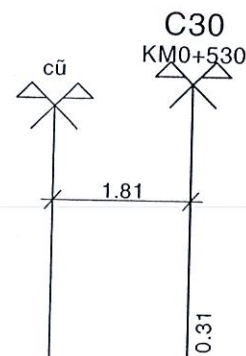


K/C TK	0.1	0.5	1.5	1.5	0.5						
CĐ TK	2.45	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	2.26		
CĐ TN	2.37		2.39	2.42	2.47	2.31	2.26	2.22	2.02		
K/C MIA		1.5	2	2	2	1.5	1.3	1.5			

MĐ (Đào/Đắp) 2.519-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.079-0.202 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

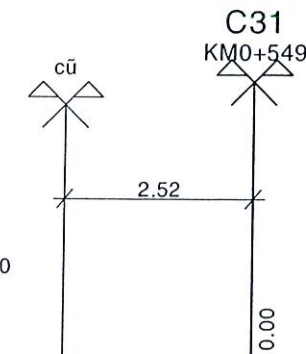


K/C TK	0.2	0.5	1.5	1.5	0.5	0.23					
CĐ TK	2.06	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	2.58		
CĐ TN	1.90		2.11	2.04	2.10	2.58	2.34	1.93			
K/C MIA	2	2	2	2	2	2	1.45				

MĐ (Đào/Đắp) 3.326-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.138-0.016 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

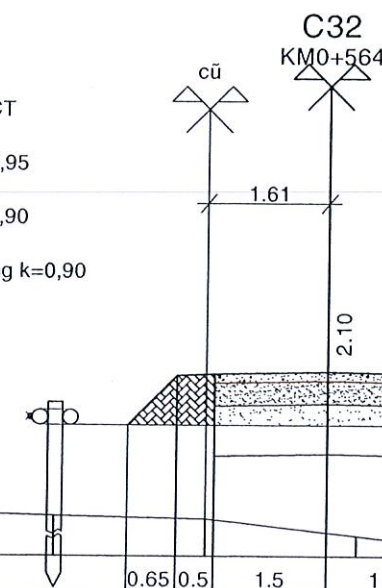


K/C TK			0.5	1.5	1.5	0.5	0.23				
CĐ TK			2.32	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	2.58
CĐ TN		2.05		2.30	2.32	2.34	2.59		2.55	2.17	
K/C MIA	1.5	2	2	2	2	2	1.9				

MĐ (Đào/Đắp) 0.000-2.894 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-1.083 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-0.795 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90



K/C TK			0.65	0.5	1.5	1.5	0.5	0.65			
CĐ TK			1.70	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	1.70
CĐ TN		0.58	0.52	0.48	0.26	0.02	-0.23	-0.55			
K/C MIA	2	2	2	2	2	2	2	2			

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-BCT-35
Ngày tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *Phạm*

Mai Kim Khánh

MD (Đào/Đắp) 1.430-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.874 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

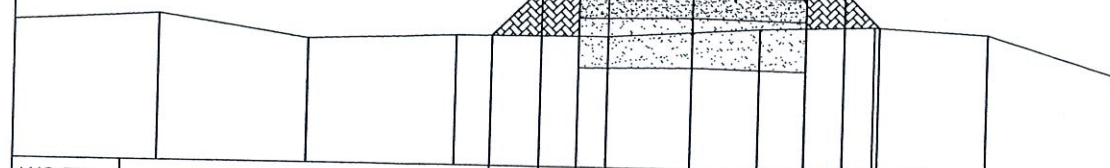
MD (Đào/Đắp) 1.884-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.562 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

Góc I=4d24'19" R=200

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C33
KM0+570



K/C TK				0.65	0.5	1.5	1.5	0.5	0.45			
CĐ TK				1.70	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	1.90
CĐ TN	1.92		1.62		1.70		1.72		1.85		1.90	1.83
K/C MIA		2		2		2		2		1.5	1.5	1.75

MD (Đào/Đắp) 1.196-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-1.077 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

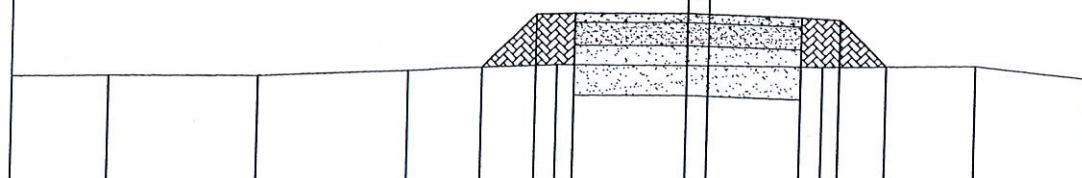
Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

MD (Đào/Đắp) 1.620-0.171 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.673 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-1.671 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

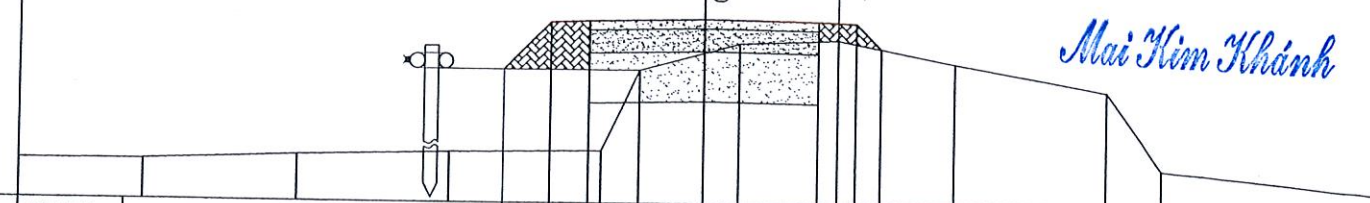
C34
KM0+589



K/C TK				0.71	0.5	1.5	1.5	0.5	0.6			
CĐ TK				1.64	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	1.75
CĐ TN		1.48		1.58		1.69		1.72		1.73		1.78
K/C MIA		2		2		2		2		1.5	2	1.5

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C36
KM0+636



K/C TK				0.62	0.5	1.5	1.5	0.5	0.33			
CĐ TK				1.73	2.35	2.37	2%	2.40	2%	2.37	2.35	2.02
CĐ TN	0.52		0.60		0.65		0.68		1.73		2.08	2.13
K/C MIA		2		2		2		0.5	1.3	1.3	1.55	2



CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/Đ.T. BCT. 35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

Mai Kim Khánh

MĐ (Đào/Đắp) 1.957-0.217 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.579 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-1.563 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

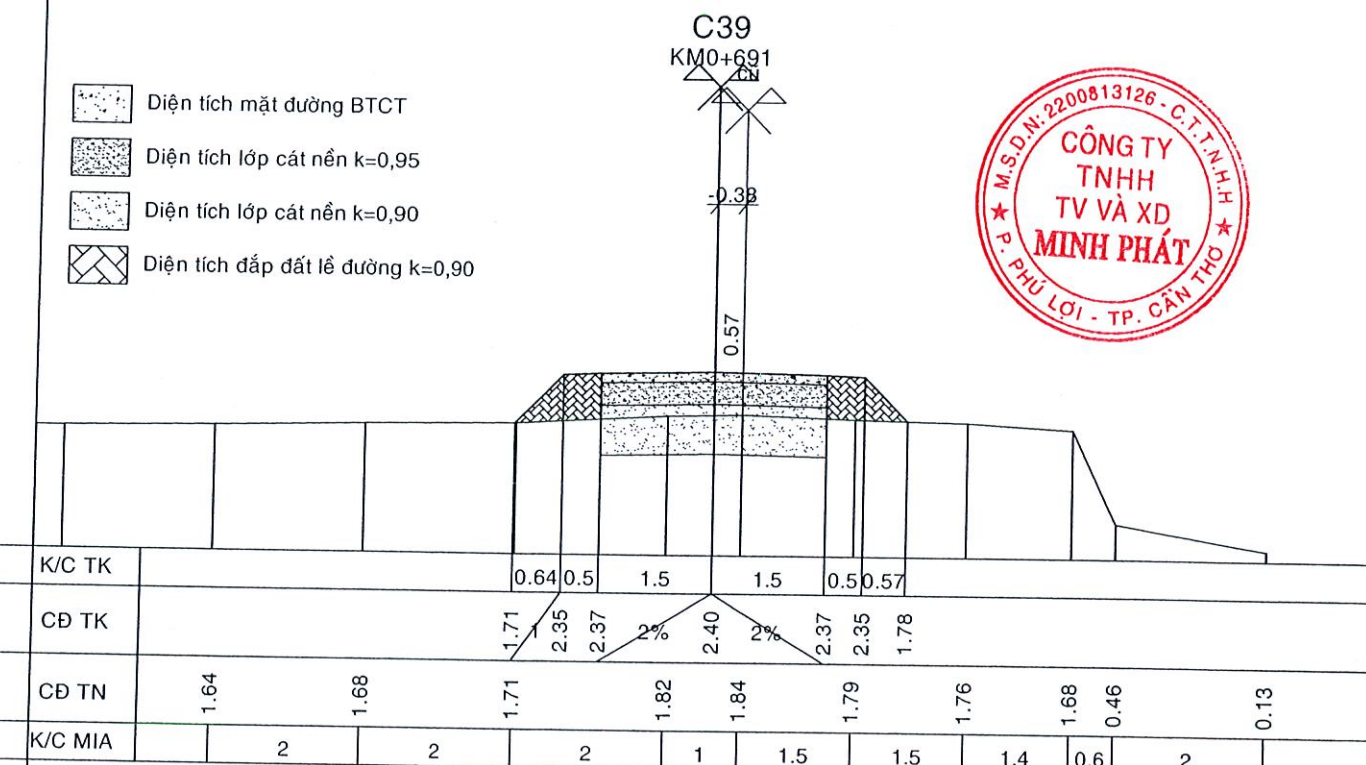
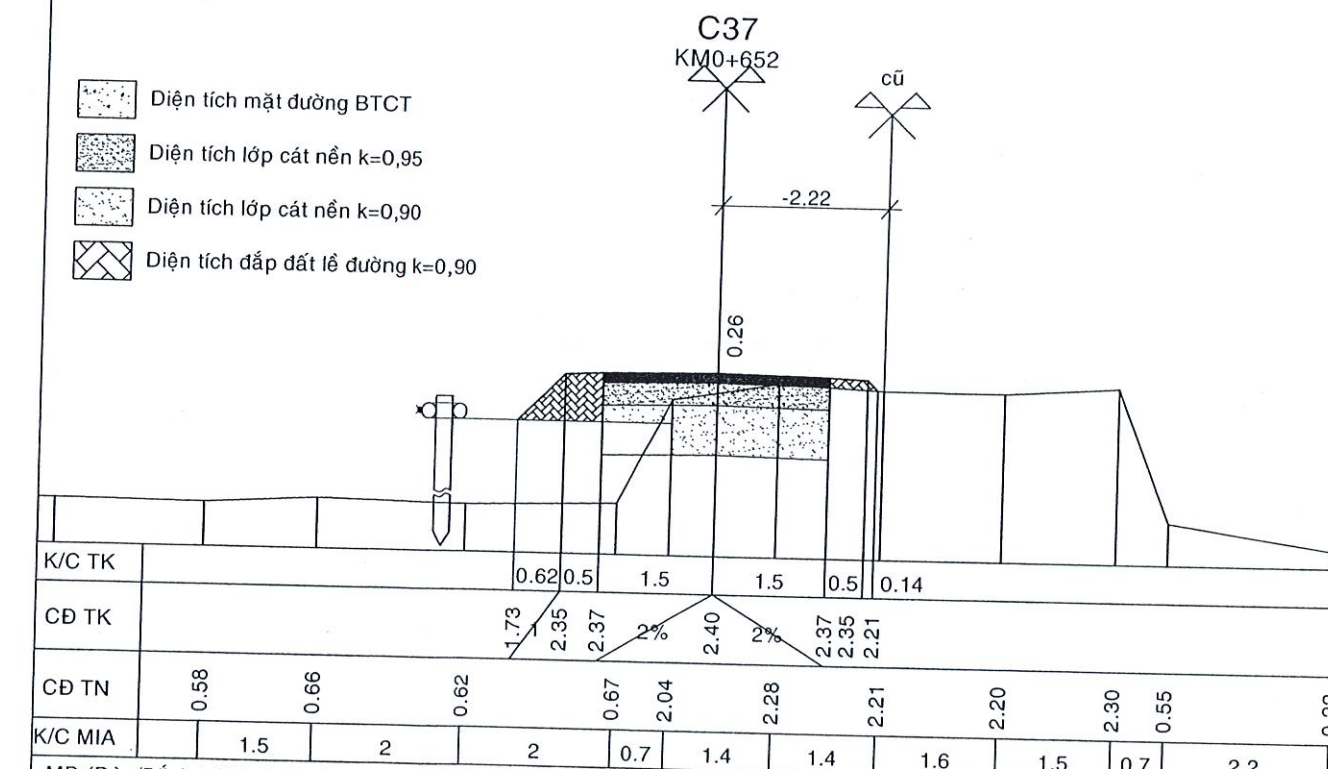
Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

MĐ (Đào/Đắp) 1.505-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.939 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90



MĐ (Đào/Đắp) 1.398-0.403 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.935 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-1.501 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

MĐ (Đào/Đắp) 1.121-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-3.844 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-1.886 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

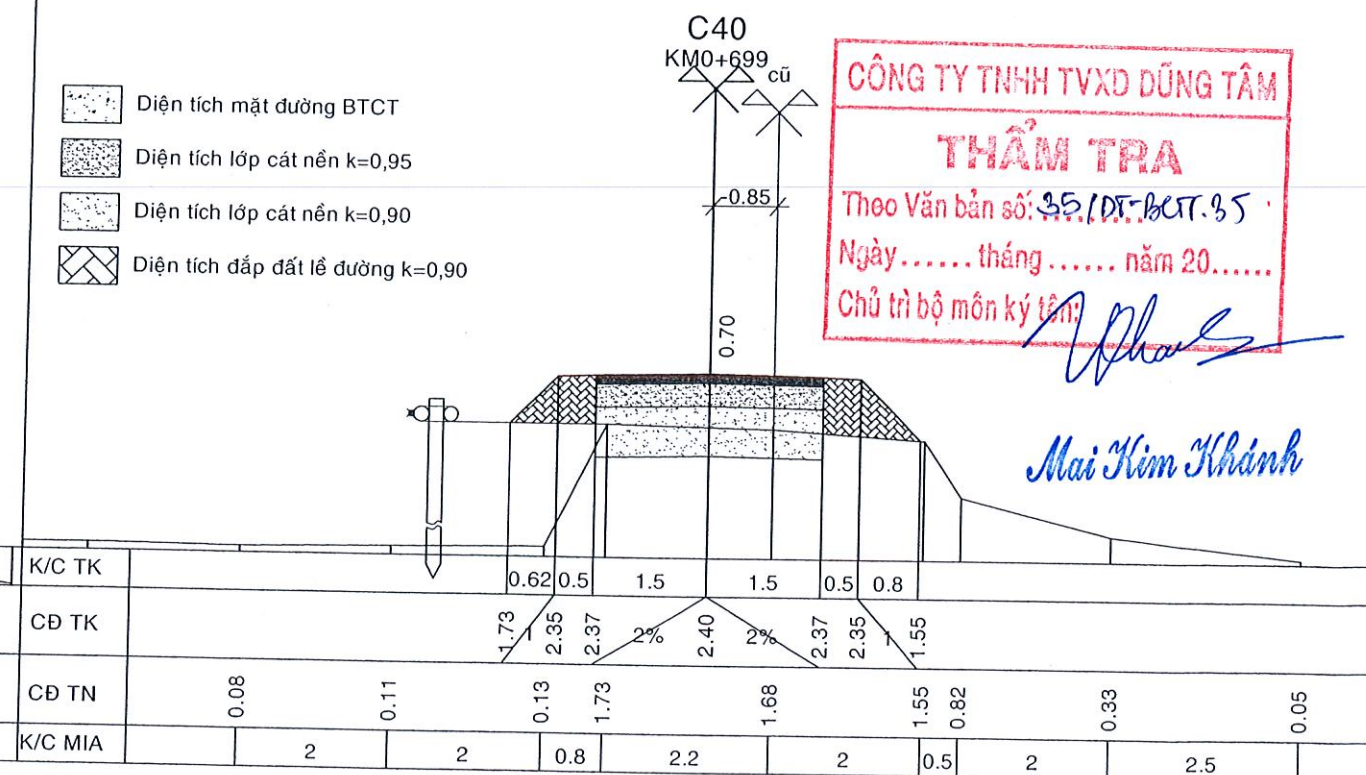
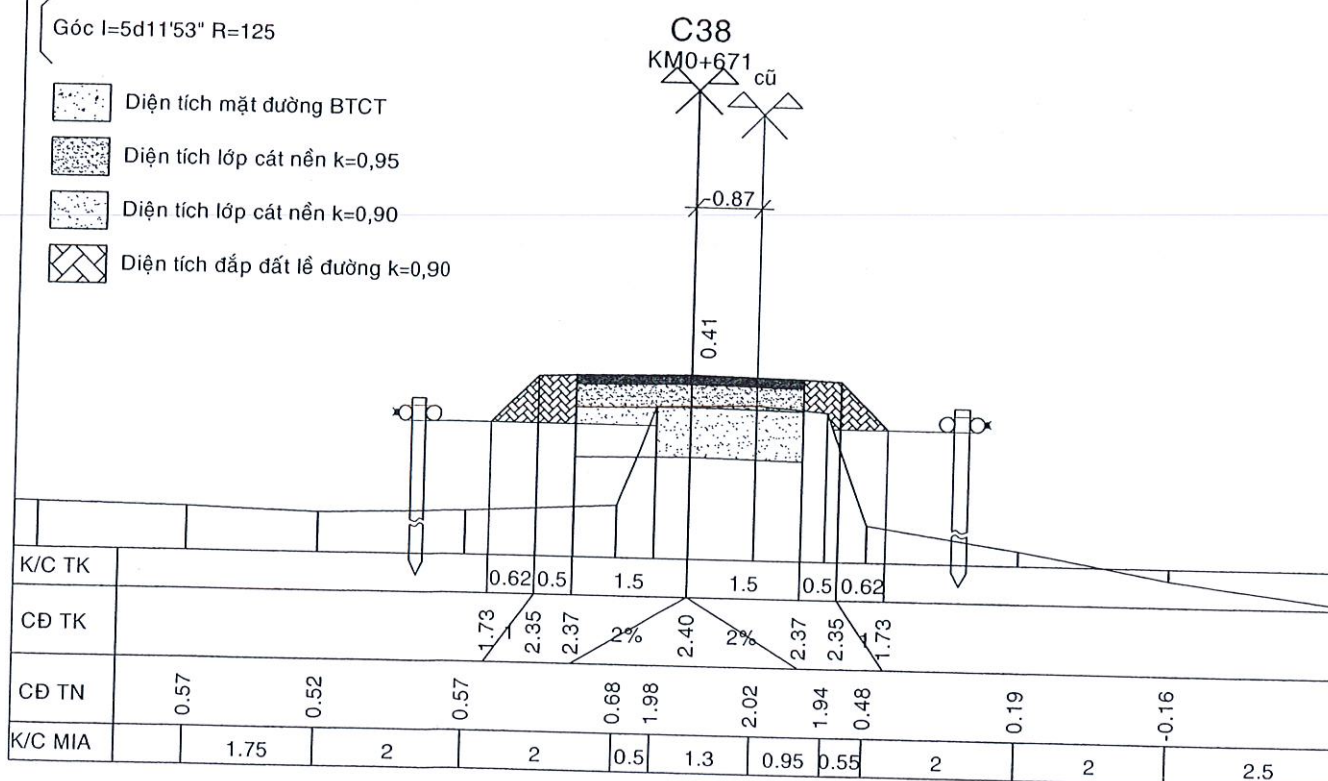
Góc l=5d11'53" R=125

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

CÔNG TY TNHH TVXD DƯNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/ĐT-BCT.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *Phan*

Mai Kim Khánh



MĐ (Đào/Đắp) 1.529-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.881 (m²)
W vldm 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

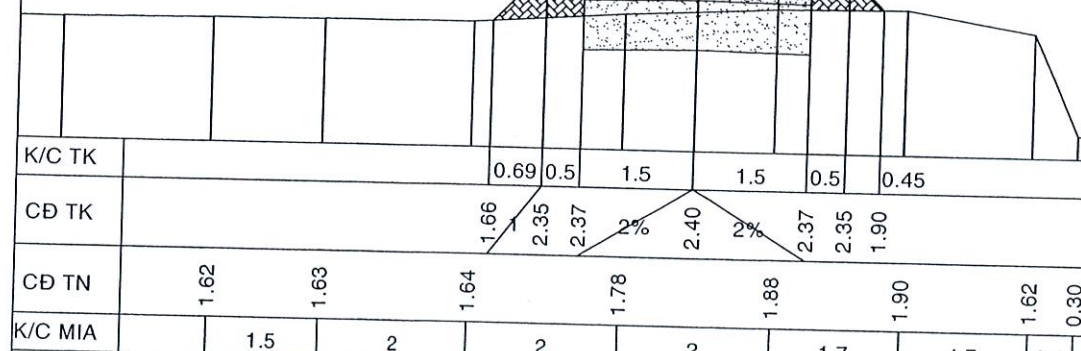
Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100
Góc l=2d27'01" R=250

MĐ (Đào/Đắp) 1.422-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.926 (m²)
W vldm 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

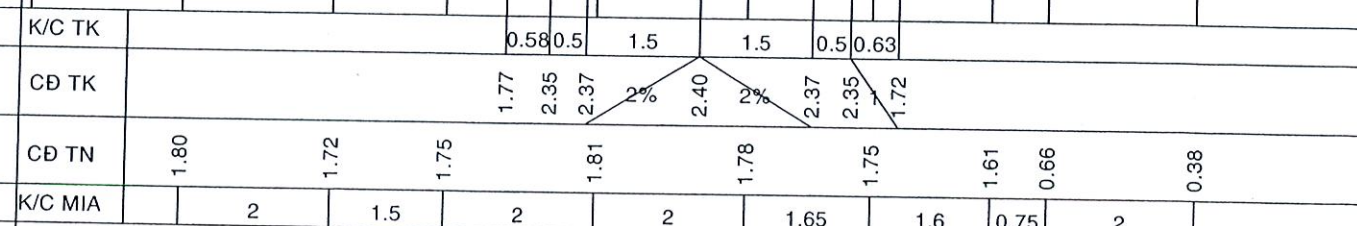
- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C41
KM0+713
cũ
-1.06
0.57



MĐ (Đào/Đắp) 2.150-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.565 (m²)
W vldm 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

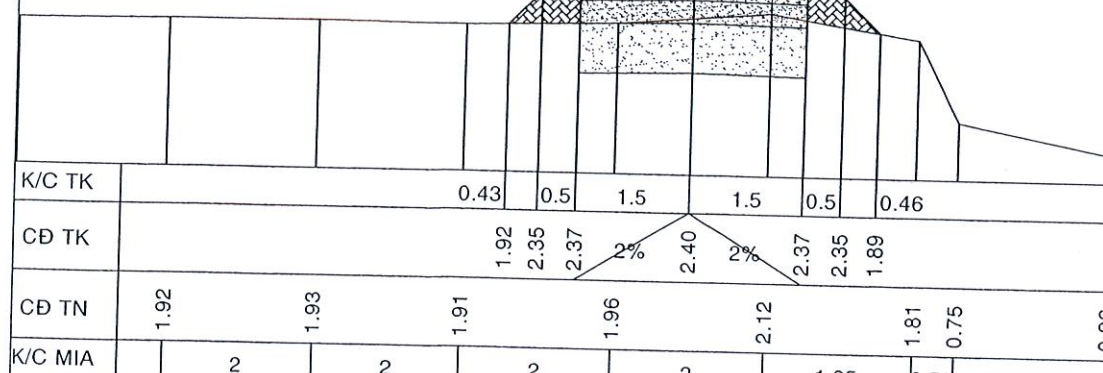


MĐ (Đào/Đắp) 1.247-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-1.168 (m²)
W vldm 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C42
KM0+736
cũ
-1.02
0.36

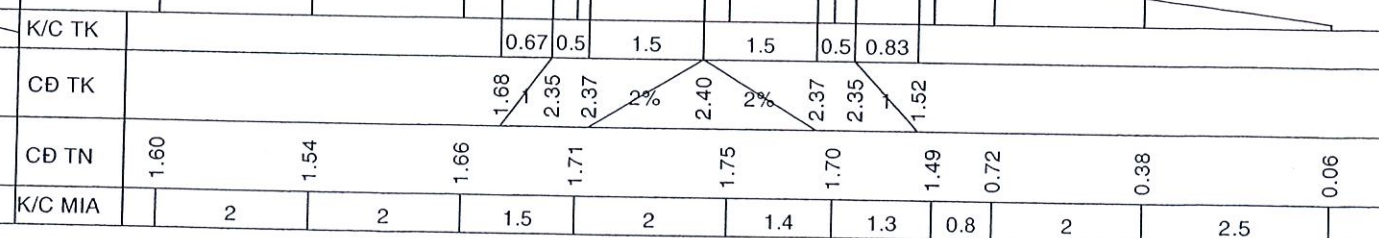


MĐ (Đào/Đắp) 2.150-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.565 (m²)
W vldm 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C44
KM0+764
cũ
-0.33
0.66



MĐ (Đào/Đắp) 1.247-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-1.168 (m²)
W vldm 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

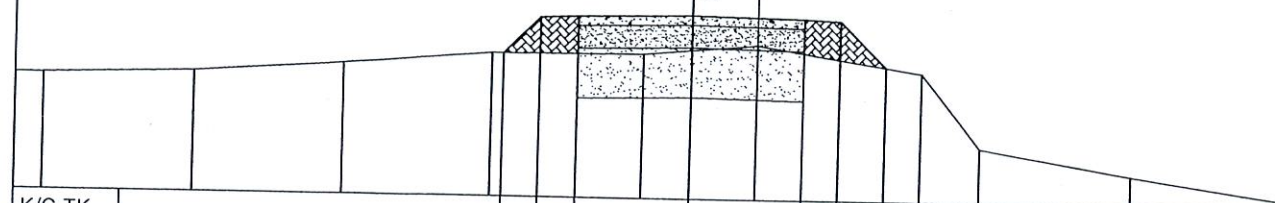
Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-KT-35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

Mai Kim Khánh

Đường Tự Nhiên _____
Đường Thiết Kế _____
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

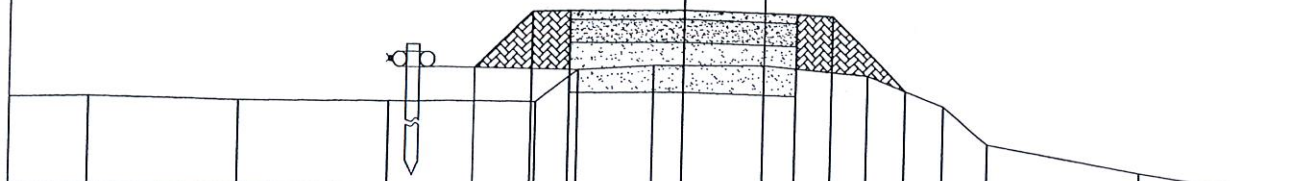
C45
KM0+781
cū

[illegible]

Đường Tự Nhiên _____
Đường Thiết Kế _____
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

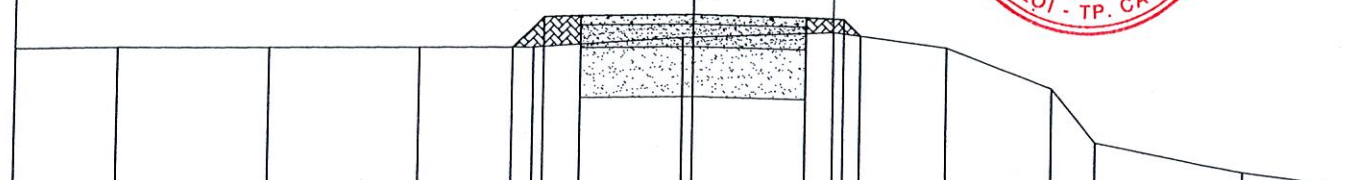
Góc $I=6d30'32''$ $R=100$

C46
KM0+793.9
cũ

[illegible]

Đường Tự Nhiên _____
Đường Thiết Kế _____
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

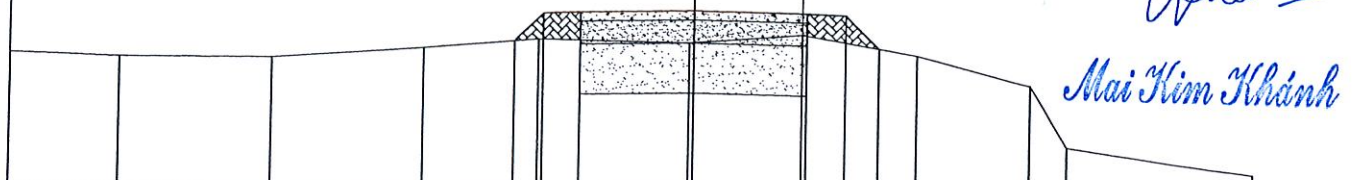
C47
KM0+824

[illegible]

Đường Tự Nhiên _____
Đường Thiết Kế _____
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

Góc I=14d53'02" R=50

C48
KM0+842.6

[illegible]

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂN

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 85/BC.35

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh

MD (Đào/Đắp) 1.517-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.877 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

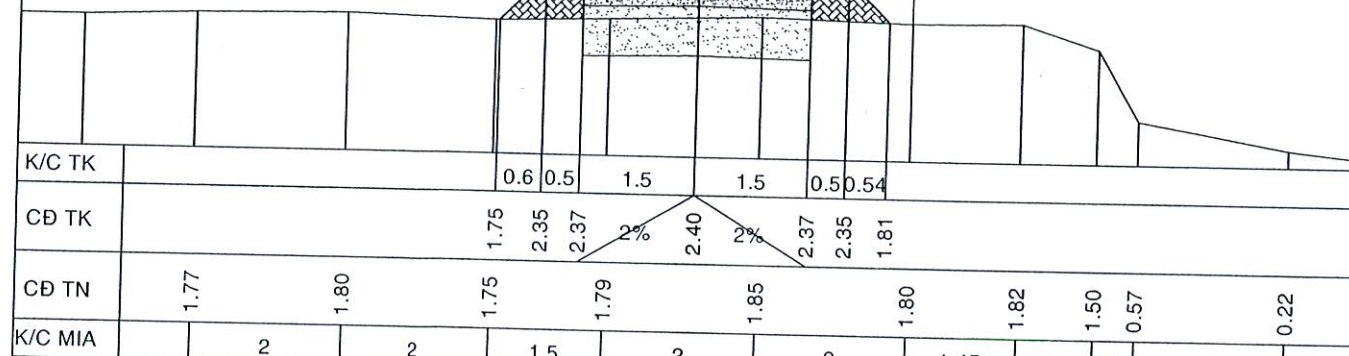
Góc I=8d09'11" R=75

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C49
KM0+865.55

-2.85

0.58



MD (Đào/Đắp) 2.154-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.429 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

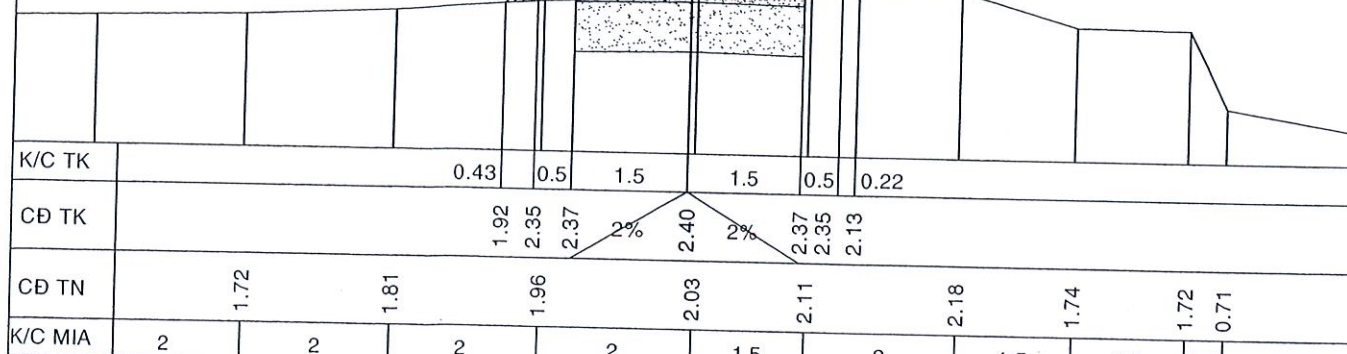
Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C50
KM0+890

-3.59

0.37



MD (Đào/Đắp) 1.335-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.677 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

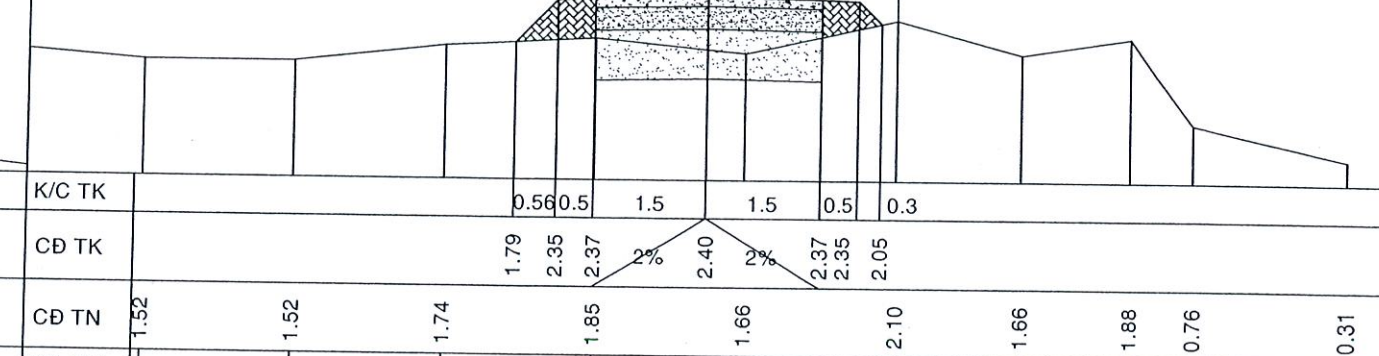
Góc I=7d03'07" R=100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C51
KM0+897.95

-2.51

0.69



MD (Đào/Đắp) 2.405-0.000 (m²)
MR (Đào/Đắp) 0.000-0.000 (m²)
PN (Đào/Đắp) 0.000-0.574 (m²)
W vlmđ 0.360-0.900-2.100 (m²)
W vlmr 0.000-0.000-0.000 (m²)

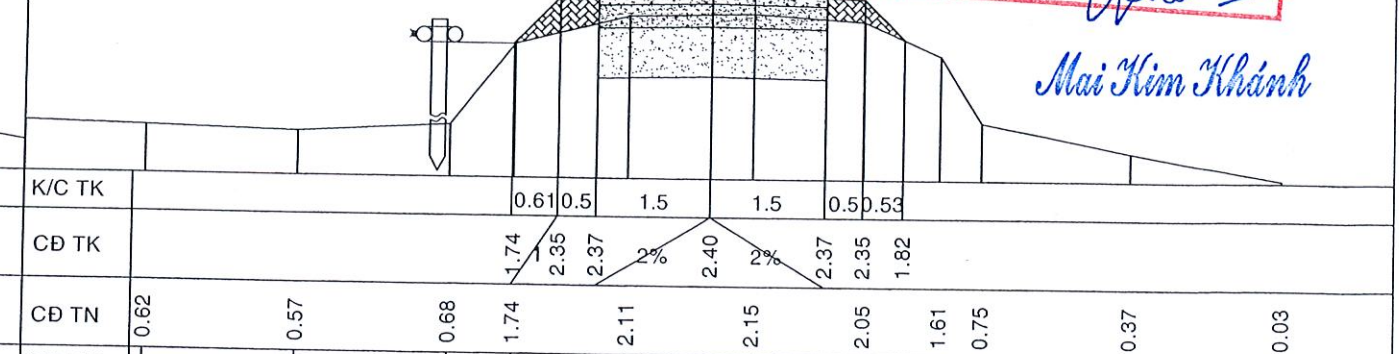
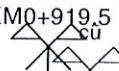
Đường Tự Nhiên
Đường Thiết Kế
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

- Diện tích mặt đường BTCT
- Diện tích lớp cát nền k=0,95
- Diện tích lớp cát nền k=0,90
- Diện tích đắp đất lề đường k=0,90

C52
KM0+919.5

-0.56

0.26

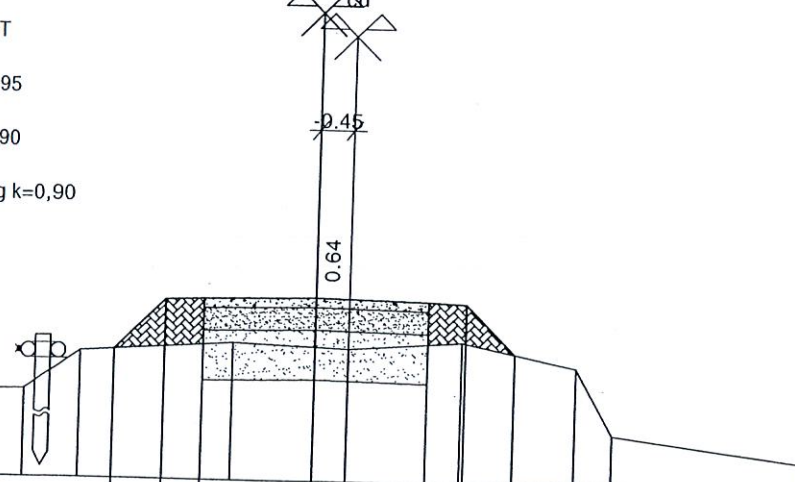


CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 351/DT-BT-35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *Phan*

Mai Kim Khánh

Đường Tự Nhiên _____
Đường Thiết Kế _____
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

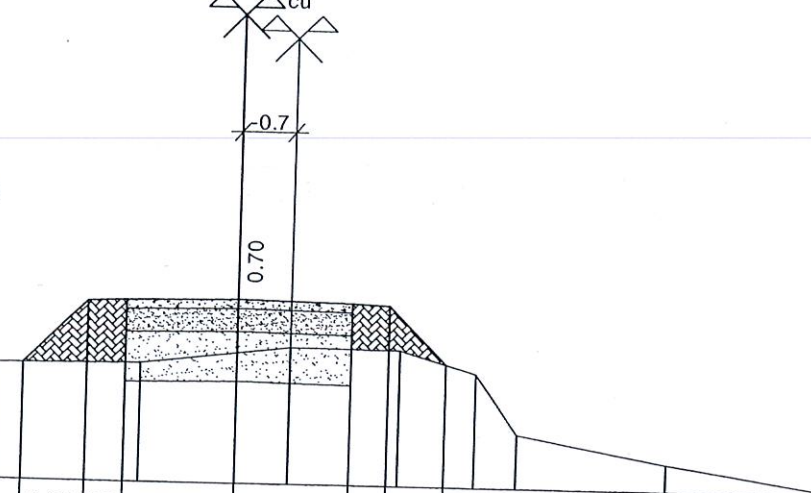
C53
KM0+941.5



MĐ (Đào/Đắp)	1.117-0.000 (m ²)
MR (Đào/Đắp)	0.000-0.000 (m ²)
PN (Đào/Đắp)	0.000-1.241 (m ²)
W vlmd	0.360-0.900-2.100 (m ²)
W vlmr	0.000-0.000-0.000 (m ²)

Đường Tự Nhiên _____
Đường Thiết Kế _____
Tỷ Lệ (X,Y) 1/100 1/100

C54
KM0+958



K/C TK				0.82	0.5	1.5	1.5	0.5	0.76			
CD TK				1.53	2.35	2.37	2.40	2.37	2.35	1.59		
CD TN	1.53	1.58	1.52		1.55		1.78	1.77	1.48	0.70	0.35	0.05
K/C MIA		1.8	2	2	2		1.45	1	0.55	2	2	

THẨM TRÁ

Ngày..... tháng..... năm 20.....

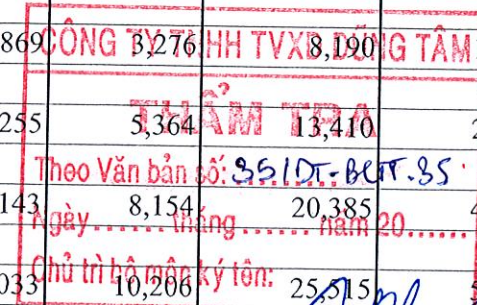
Chủ trì bộ môn ký tên:

Phạm
Mai Kim Khánh

BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP

Công trình: Đường đat khu vực Lèn Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm: Khu vực Lèn Buối, phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ

STT	Ký hiệu	Lý trình	Khoảng cách lề (m)	Diện tích đào nền đường (m2)	Diện tích đắp đất lề k=0,90 (m2)	DT các lớp kết cấu nền đường (m2)			Bề rộng mặt đường (m)	KL đào nền đường (m3)	KL xấp đất lề đường k=0,90 (m3)	Khối lượng phần đường hiện hữu (m2)			Diện tích mặt đường (m2)
						Diện tích BTCT dày 12cm	Diện tích cát MĐ K=0,95 dày 30cm	Diện tích cát K=0,90 nền đường dày 65cm				Diện tích BTCT dày 12cm	Diện tích cát MĐ K=0,95 dày 30cm	Diện tích cát K=0,90 nền đường dày 65cm	
1	C1	KM0+0.00		2,239	0,432	0,360	0,900	1,950	3,000						
			13,000							27,079	5,831	4,680	11,700	25,350	39,000
2	C2	13,000		1,927	0,465	0,360	0,900	1,950	3,000						
			21,000							36,351	13,787	7,560	18,900	40,950	63,000
3	C3	34,000		1,535	0,848	0,360	0,900	1,950	3,000						
			16,000							20,192	16,576	5,760	14,400	31,200	48,000
4	C4	50,000		0,989	1,224	0,360	0,900	1,950	3,000						
			14,000							21,091	12,229	5,040	12,600	27,300	42,000
5	C5	64,000		2,024	0,523	0,360	0,900	1,950	3,000						
			15,950							28,048	12,026	5,742	14,355	31,103	47,850
6	C6	79,950		1,493	0,985	0,360	0,900	1,950	3,000						
			15,050							22,477	18,128	5,418	13,545	29,348	45,150
7	C7	95,000		1,494	1,424	0,360	0,900	1,950	3,000						
			31,750							47,514	37,227	11,430	28,575	61,913	95,250
8	C8	126,750		1,499	0,921	0,360	0,900	1,950	3,000						
			23,250							37,026	21,413	8,370	20,925	45,338	69,750
9	C9	150,000		1,686	0,921	0,360	0,900	1,950	3,000						
			15,750							23,507	21,428	5,670	14,175	30,713	47,250
10	C10	165,750		1,299	1,800	0,360	0,900	1,950	3,000						
			27,250							35,847	38,913	9,810	24,525	55,138	81,750
11	C11	193,000		1,332	1,056	0,360	0,900	1,950	3,000						
			10,000							12,460	10,850	3,600	9,000	19,500	30,000
12	C12	203,000		1,160	1,114	0,360	0,900	1,950	3,000						
			17,000							18,029	19,389	6,120	15,300	33,150	51,000
13	C13	220,000		0,961	1,167	0,360	0,900	1,950	3,000						
			17,000							8,169	22,024	6,120	15,300	26,903	51,000
14	C14	237,000		0,000	1,424	0,360	0,900	1,215	3,000						
			9,100							7,685	9,869	8,190	14,401	27,300	
15	C15	246,100		1,689	0,745	0,360	0,900	1,950	3,000						
			14,900							22,633	12,255	5,364	13,410	29,055	44,700
16	C16	261,000		1,349	0,900	0,360	0,900	1,950	3,000						
			22,650							35,515	18,143	8,154	20,385	44,168	67,950
17	C17	283,650		1,787	0,702	0,360	0,900	1,950	3,000						
			28,350							60,357	14,033	10,206	25,515	55,283	85,050
18	C18	312,000		2,471	0,288	0,360	0,900	1,950	3,000						
			17,600							33,405	11,422	6,336	15,840	34,320	52,800
19	C19	329,600		1,325	1,010	0,360	0,900	1,950	3,000						
			19,400							30,274	16,907	6,984	17,460	37,830	58,200
20	C20	349,000		1,796	0,733	0,360	0,900	1,950	3,000						
			18,000							31,401	12,591	6,480	16,200	35,100	54,000
21	C21	367,000		1,693	0,666	0,360	0,900	1,950	3,000						



Chủ trì kỹ thuật: *[Signature]*
Mai Kim Khánh

STT	Ký hiệu	Lý trình	Khoảng cách lề (m)	Diện tích đào nền đường (m2)	Diện tích đắp đất lề k=0,90 (m2)	Diện tích BTCT dày 12cm	Diện tích cát MĐ K=0,95 dày 30cm	Diện tích cát K=0,90 nền đường dày 65cm	Bề rộng mặt đường (m)	KL đào nền đường (m3)	KL đắp đất lề đường k=0,90 (m3)	Diện tích BTCT dày 12cm	Diện tích cát MĐ K=0,95 dày 30cm	Diện tích cát K=0,90 nền đường dày 65cm	Diện tích mặt đường (m2)
22	C22	382,500	15,500	2,390	0,476	0,360	0,900	1,950	3,000	31,643	8,851	5,580	13,950	30,225	46,500
23	C23	399,000	16,500	2,045	0,517	0,360	0,900	1,950	3,000	36,589	8,192	5,940	14,850	32,175	49,500
24	C24	417,000	18,000	1,299	0,898	0,360	0,900	1,950	3,000	30,096	12,735	6,480	16,200	35,100	54,000
25	C25	433,350	16,350	1,901	0,585	0,360	0,900	1,950	3,000	26,160	12,124	5,886	14,715	31,883	49,050
26	C26	459,000	25,650	0,929	1,480	0,360	0,900	1,950	3,000	36,295	26,484	9,234	23,085	50,018	76,950
27	C27	474,000	15,000	0,357	1,707	0,360	0,900	1,737	3,000	9,645	23,903	5,400	13,500	27,653	45,000
28	C28	488,300	14,300	1,187	1,310	0,360	0,900	1,830	3,000	11,040	21,572	5,148	12,870	25,504	42,900
29	C29	519,000	30,700	3,214	0,048	0,360	0,900	1,950	3,000	67,555	20,845	11,052	27,630	58,023	92,100
30	C30	530,000	11,000	2,598	0,202	0,360	0,900	1,950	3,000	31,966	1,375	3,960	9,900	21,450	33,000
31	C31	549,000	19,000	3,464	0,016	0,360	0,900	1,950	3,000	57,589	2,071	6,840	17,100	37,050	57,000
32	C32	564,000	15,000	0,000	1,083	0,360	0,900	0,795	3,000	25,980	8,243	5,400	13,500	20,588	45,000
33	C33	570,000	6,000	1,430	0,874	0,360	0,900	1,950	3,000	4,290	5,871	2,160	5,400	8,235	18,000
34	C34	589,000	19,000	1,196	1,077	0,360	0,900	1,950	3,000	24,947	18,535	6,840	17,100	37,050	57,000
35	C35	612,150	23,150	1,884	0,562	0,360	0,900	1,950	3,000	35,651	18,971	8,334	20,835	45,143	69,450
36	C36	636,000	23,850	1,620	0,673	0,360	0,900	1,671	3,000	41,785	14,727	8,586	21,465	43,180	71,550
37	C37	652,000	16,000	1,957	0,579	0,360	0,900	1,563	3,000	28,616	10,016	5,760	14,400	25,872	48,000
38	C38	671,000	19,000	1,398	0,935	0,360	0,900	1,501	3,000	31,873	14,383	6,840	17,100	29,108	57,000
39	C39	691,000	20,000	1,505	0,393	0,360	0,900	1,950	3,000	29,030	13,280	7,200	18,000	34,510	60,000
40	C40	699,000	8,000	1,121	1,176	0,360	0,900	1,886	3,000	10,504	6,276	2,880	7,200	15,344	24,000
41	C41	713,000	14,000	1,529	0,881	0,360	0,900	1,950	3,000	18,550	14,399	5,040	12,600	26,852	42,000
42	C42	736,000	23,000	2,150	0,565	0,360	0,900	1,950	3,000	42,309	16,629	8,280	20,700	44,850	69,000
43	C43	753,000	17,000	1,422	0,926	0,360	0,900	1,950	3,000	30,362	12,674	6,120	15,300	33,150	51,000
44	C44	764,000	11,000	1,247	1,168	0,360	0,900	1,950	3,000	14,680	11,517	3,960	9,900	21,450	33,000



CÔNG TY TNHH TV & XD DUNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/VT-T.Đ.T.35
Ngày: 5/04/2023 tháng 12 năm 2023
Chủ trì bộ môn ký tên: *Mai Kim Khánh*

STT	Ký hiệu	Lý trình	Khoảng cách lề (m)	Diện tích đào nền đường (m2)	Diện tích đắp đất lề k=0,90 (m2)	Diện tích BTCT dày 12cm	Diện tích cát MĐ K=0,95 dày 30cm	Diện tích cát K=0,90 nền đường dày 65cm	Bề rộng mặt đường (m)	KL đào nền đường (m3)	KL xấp đất lề đường k=0,90 (m3)	Diện tích BTCT dày 12cm	Diện tích cát MĐ K=0,95 dày 30cm	Diện tích cát K=0,90 nền đường dày 65cm	Diện tích mặt đường (m2)
45	C45	781,000	17,000	1,870	0,743	0,360	0,900	1,950	3,000	26,495	16,244	6,120	15,300	33,150	51,000
46	C46	793,900	12,900	1,033	1,341	0,360	0,900	1,917	3,000	18,724	13,442	4,644	11,610	24,942	38,700
47	C47	824,000	30,100	2,340	0,384	0,360	0,900	1,950	3,000	50,764	25,961	10,836	27,090	58,198	90,300
48	C48	842,600	18,600	2,100	0,478	0,360	0,900	1,950	3,000	41,292	8,017	6,696	16,740	36,270	55,800
49	C49	865,550	22,950	1,517	0,877	0,360	0,900	1,950	3,000	41,505	15,549	8,262	20,655	44,753	68,850
50	C50	890,000	24,450	2,154	0,429	0,360	0,900	1,950	3,000	44,878	15,966	8,802	22,005	47,678	73,350
51	C51	897,950	7,950	1,335	0,677	0,360	0,900	1,950	3,000	13,869	4,396	2,862	7,155	15,503	23,850
52	C52	919,500	21,550	2,405	0,574	0,360	0,900	1,950	3,000	40,299	13,480	7,758	19,395	42,023	64,650
53	C53	941,500	22,000	1,380	0,932	0,360	0,900	1,950	3,000	41,635	16,566	7,920	19,800	42,900	66,000
54	C54	958,000	16,500	1,117	1,241	0,360	0,900	1,950	3,000	20,600	17,927	5,940	14,850	32,175	49,500
TỔNG CỘNG			958,000							1576,276	796,262	344,880	862,200	1818,068	2874,000

- Khối lượng đào nền đường: 1576,276 m³
- Khối lượng đắp đất lề đường: 796,262 m³
- Khối lượng lớp cát nền k=0,90, H=65cm: 1818,068 m³
- Khối lượng cát nền đường k=0,95, H=50cm: 862,200 m³
- Khối lượng BTCT đá 1x2 M250 dày 12cm: 344,880 m³
- Diện tích lót tấm nilon ngăn cách: 2874,000 m²
- Diện tích mặt đường bê tông cốt thép: 2874,000 m²

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-BCT-35
Ngày tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

Mai Kim Khánh

PHẦN THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 351/DT-BCT.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Phạm
Mai Kim Khánh

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỔ AO MƯƠNG TL: 1/200
Công trình: Đường đal khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BUỐI
(NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)

HẠNG MỤC:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM:
KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CÔNG TY TNHH TV VÀ XD
MINH PHÁT
SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KDT SA. P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ
DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322
EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ
TRẦN VĂN ĐA
SOT-00171076

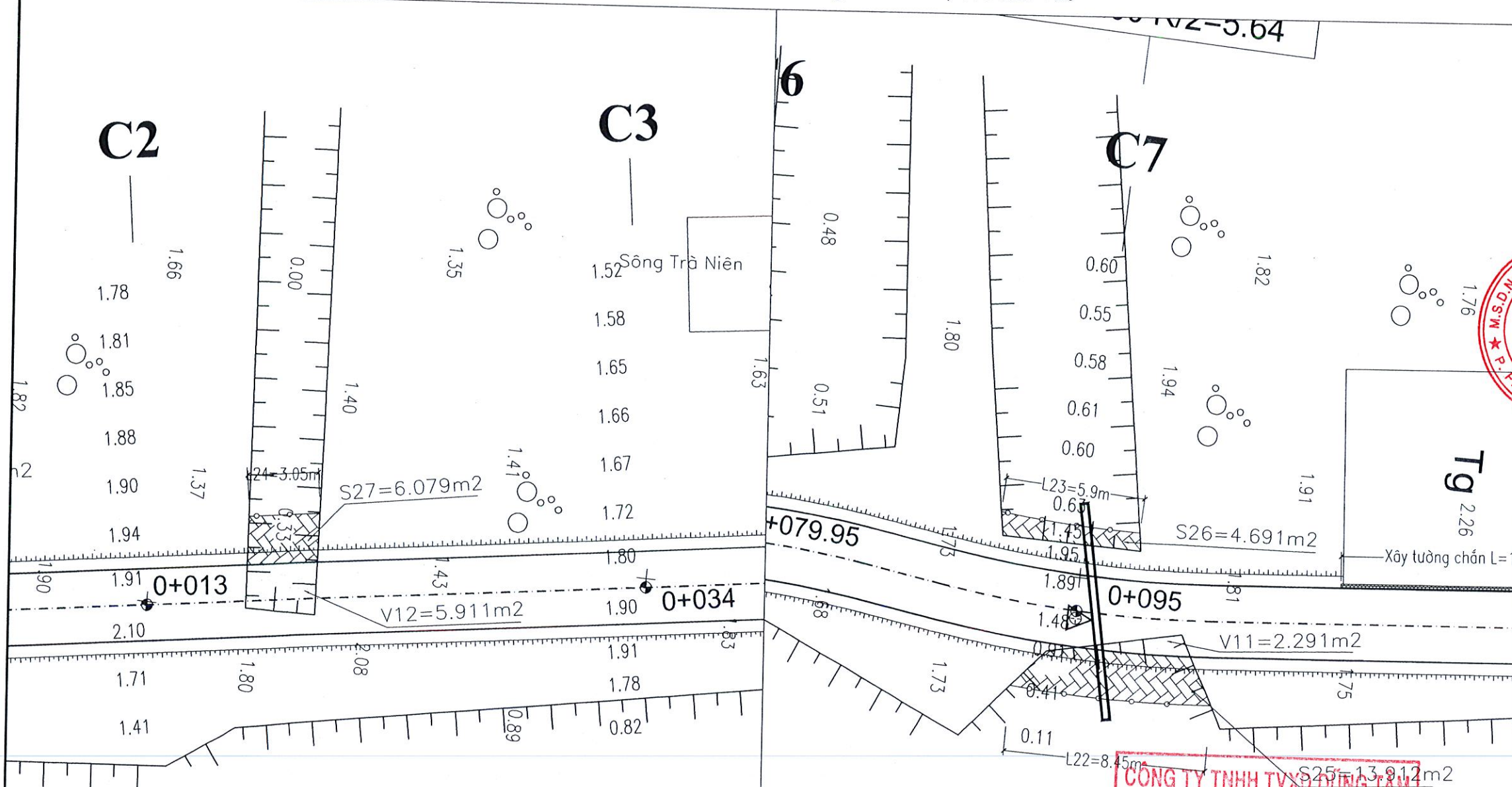
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
TRẦN VĂN ĐA
SOT-00171076

KIỂM TRA
LÝ TẠ BỬU BỬU
SOT-00121400

THIẾT KẾ
ĐỒNG THANH SANG
CAT-00176478

TÊN BẢN VẼ
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỔ AO MƯƠNG

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
TỶ LỆ
PHÁT HÀNH
K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN
...../2026
ĐGT-

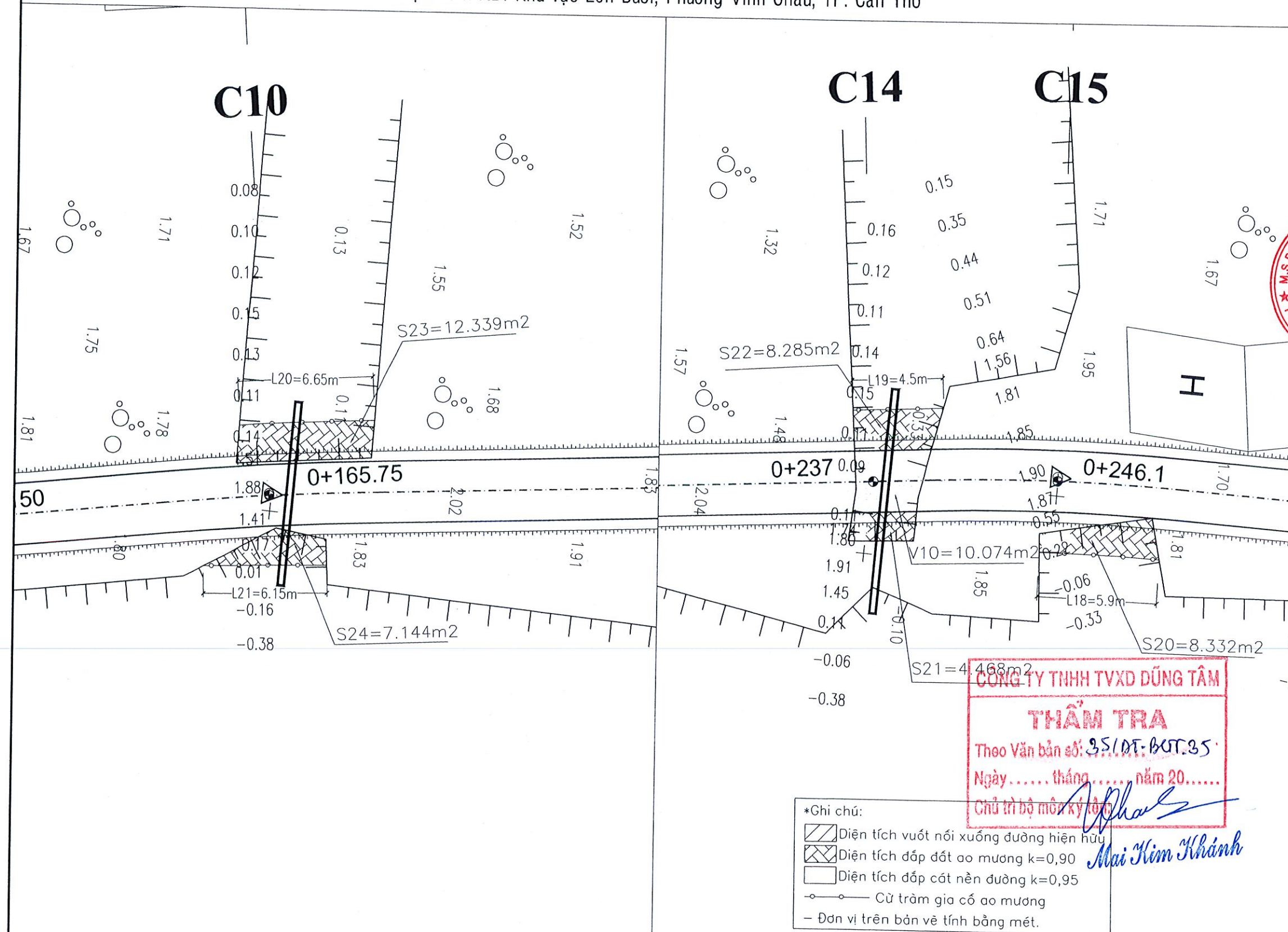


*Ghi chú:
[Hatched box] Diện tích vut nổi xuống đường hiện hữu
[Cross-hatched box] Diện tích đắp đất ao mương k=0,80
[White box] Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
○—○ Cừ tràm gia cố ao mương
— Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TV VÀ XD DUNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/ĐT-BCT.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

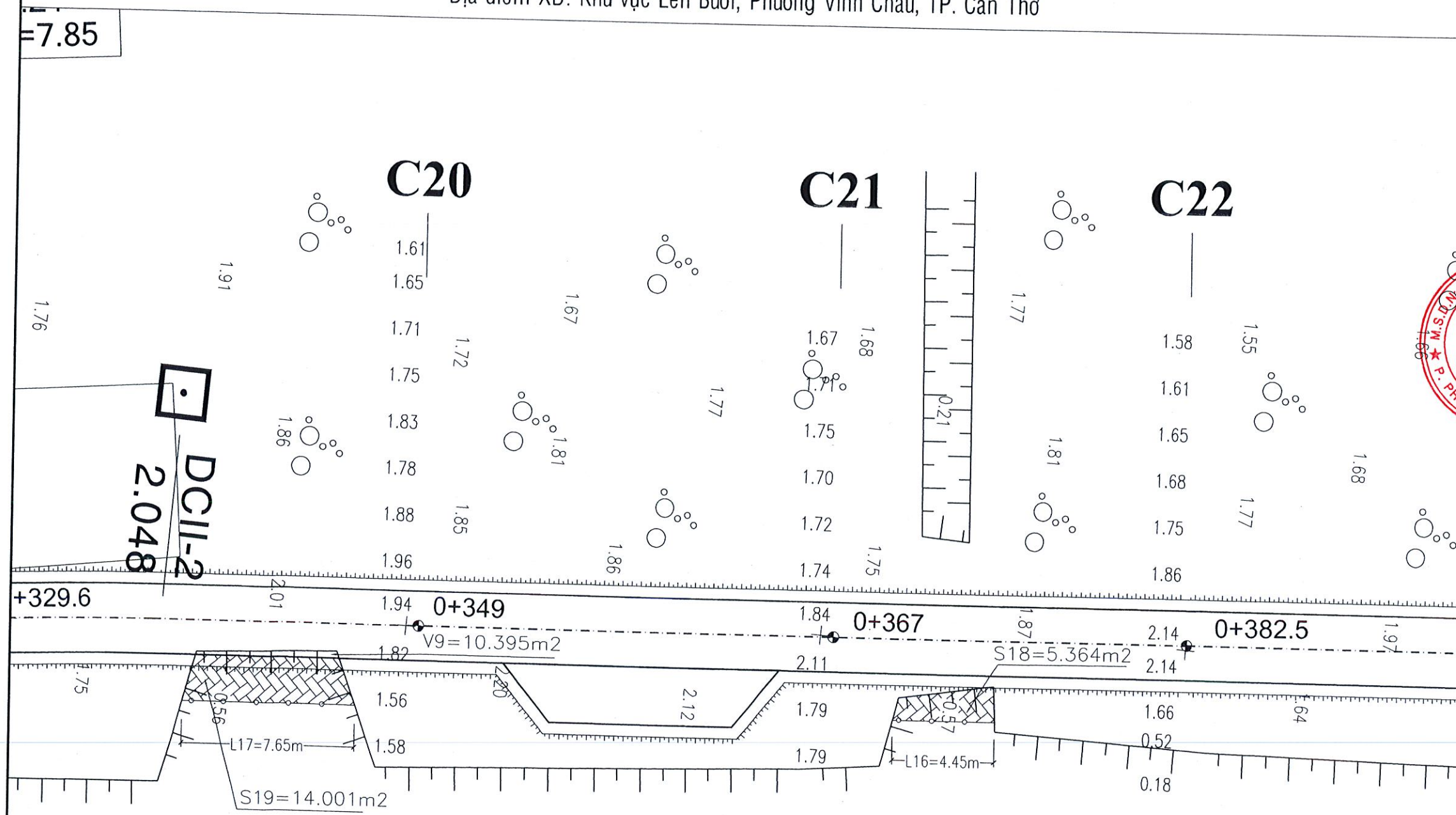
Mai Kim Khánh

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG TL: 1/200
Công trình: Đường đal khu vực Lền Bưởi (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Bưởi, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ



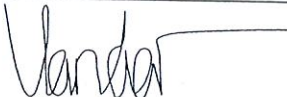
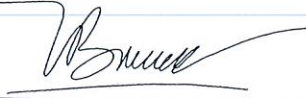
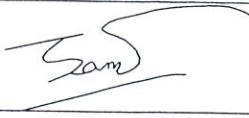
CHỦ ĐẦU TƯ PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BƯỚI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)
HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG
ĐỊA ĐIỂM: KHU VỰC LỀN BƯỚI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: tvxdminhphat@gmail.com
GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT PHÚ LỢI - TP. CẦN THƠ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ Vandar TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ Vandar TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
KIỂM TRA Brunner LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400
THIẾT KẾ Sang ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478
TÊN BẢN VẼ BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
TỶ LỆ NHƯ TRÊN
PHÁT HÀNH/...../2026
K.H BẢN VẼ DGT

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG TL: 1/200
Công trình: Đường đal khu vực Lèn Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lèn Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

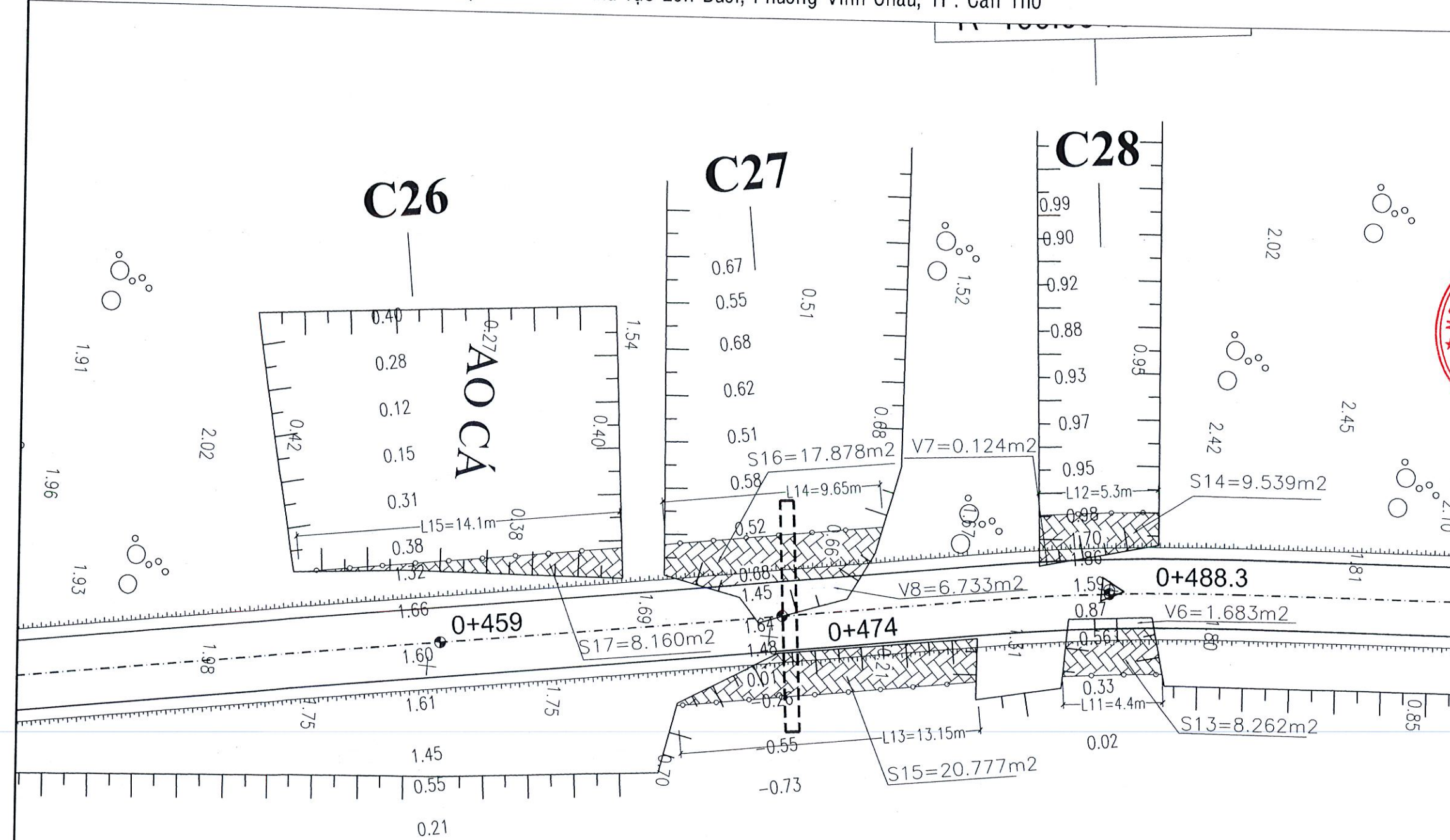


*Ghi chú:
[Symbol] Diện tích vut nổi xuống đường hiện hữu
[Symbol] Diện tích đắp đất ao mương k=0,90
[Symbol] Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
—○— Cừ tràm gia cố ao mương
— Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

KÊNH LÈN BUỐI
CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-BUỒI.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *Phước*
Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ		
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH:		
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BÚI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC:		
ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM:		
KHU VỰC LỀN BÚI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
 CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com		
GIÁM ĐỐC		
 TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
 TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
 TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
KIỂM TRA		
 LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ		
 ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ		
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHU TRÊN	/2026	ĐGT-

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG TL: 1/200
Công trình: Đường đal khu vực Lèn Bưởi (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lèn Bưởi, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

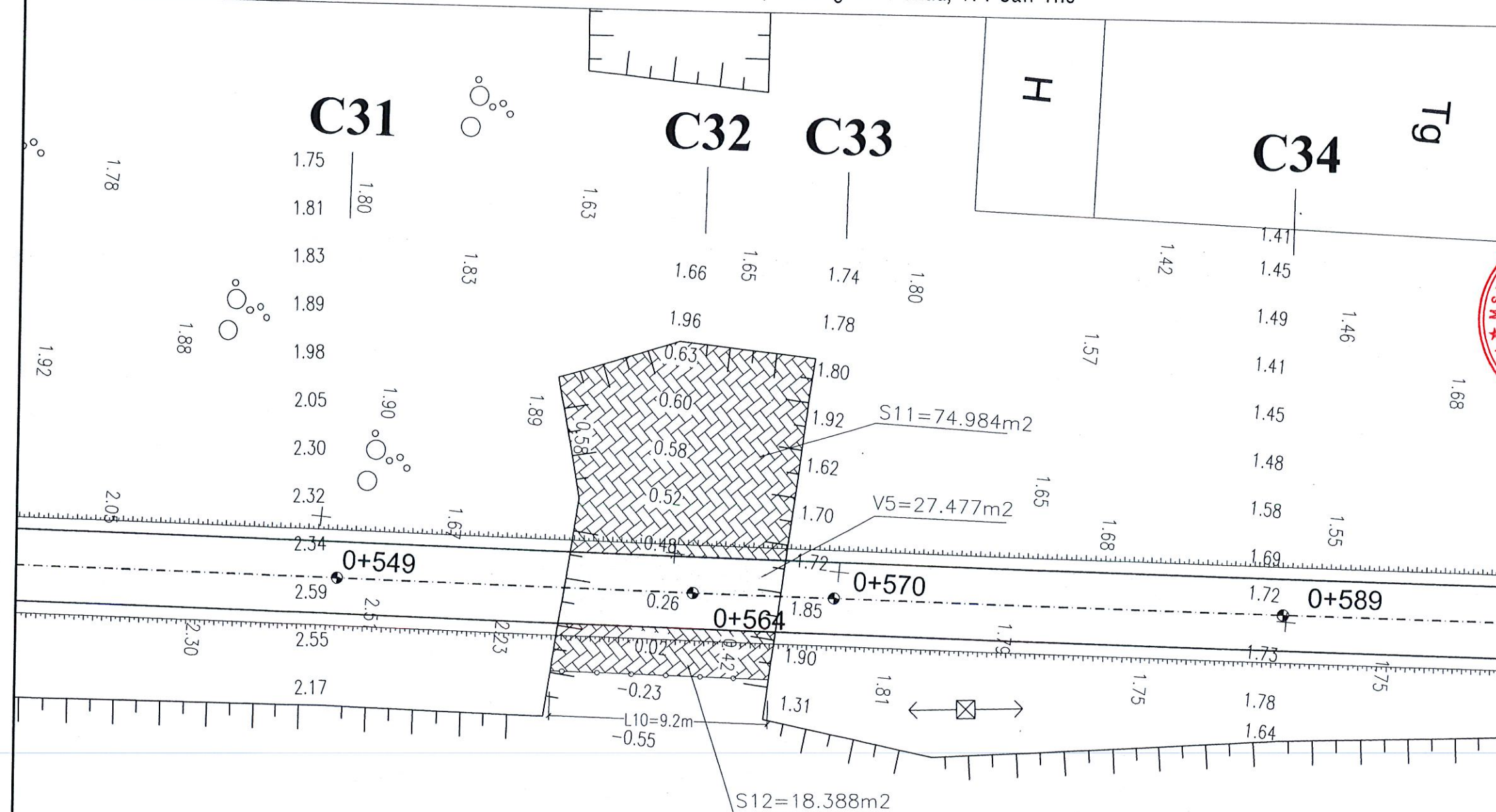


*Ghi chú:
[Symbol] Diện tích vướn nổi xuống đường hiện hữu
[Symbol] Diện tích đắp đất ao mương k=0,90
[Symbol] Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
○ Cừ tràm gia cố ao mương
- Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DỨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-BCT.35
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*
Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG
CÔNG TRÌNH:	ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LÈN BƯỚI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)
HẠNG MỤC:	ĐƯỜNG GIAO THÔNG
ĐỊA ĐIỂM:	KHU VỰC LÈN BƯỚI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT Số 12, Đường số 8, KĐT SA, P. Phú Lợi, TP. Cần Thơ Điện thoại: 0907.670.089 - 0907.131.322 Email: tvxdminhphatco@gmail.com	
<i>[Red circular stamp: CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT]</i>	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	
<i>[Signature]</i>	
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
<i>[Signature]</i>	
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076	
KIỂM TRA	
<i>[Signature]</i>	
LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400	
THIẾT KẾ	
<i>[Signature]</i>	
ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478	
TÊN BẢN VẼ	
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG	
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH
NHU TRÊN	/2026
K.H BẢN VẼ	
ĐGT	

Công trình: Đường đal khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ



- *Ghi chú:**
-  Diện tích vuốt nổi xuống đường hiện hữu
 -  Diện tích đắp đất ao mương $k=0,90$
 -  Diện tích đắp cát nền đường $k=0,95$
 -  Cừ tràm gia cố ao mương
 - Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 35/DT-BCT.25

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên: 

CHỦ ĐẦU TƯ		
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SỐC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH:		
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BUỒI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC:		
ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM:		
KHU VỰC LỀN BUỒI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT		
SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KDT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ		
DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322		
EMAIL: tv.dinhphatco@gmail.com		
MINH PHÁT		
CÔNG TY		
TV VÀ XD		
MINH PHÁT		
GIÁM ĐỐC		
LÝ TẠ BỬU BỬU		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		
Vandar		
TRẦN VĂN ĐÀ		
SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
Vandar		
TRẦN VĂN ĐÀ		
SOT-00171076		
KIỂM TRA		
Brunner		
LÝ TẠ BỬU BỬU		
SOT-00121400		
THIẾT KẾ		
Sam		
ĐỒNG THANH SANG		
CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ		
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CÔ AO MƯƠNG		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHU TRÊN	/...../2026	ĐGT-

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG TL: 1/200
Công trình: Đường đal khu vực Lèn Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lèn Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LÈN BUỐI
(NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)

HẠNG MỤC:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM:
KHU VỰC LÈN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CÔNG TY TNHH TV VÀ XD
MINH PHÁT
SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ
DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322
EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com

CÔNG TY TNHH TV VÀ XD
MINH PHÁT
PHÚ LỢI - TP. CẦN THƠ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐÀ
SOT-00171076

KIỂM TRA

LÝ TẠ BỬU BỬU
SOT-00121400

THIẾT KẾ

ĐỒNG THANH SANG
CAT-00176478

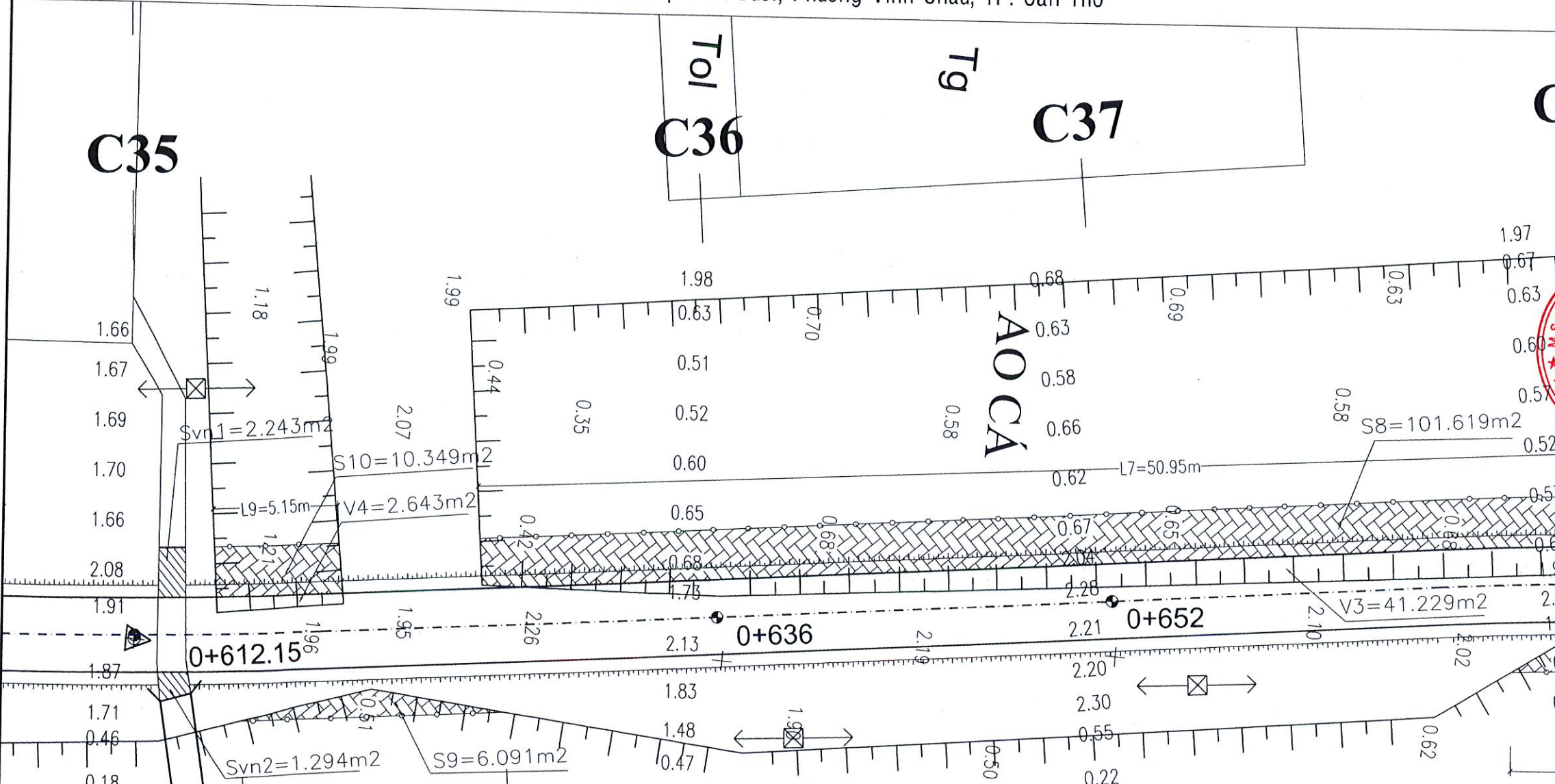
TÊN BẢN VẼ
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

TỶ LỆ
NHƯ TRÊN

PHÁT HÀNH
...../...../2026

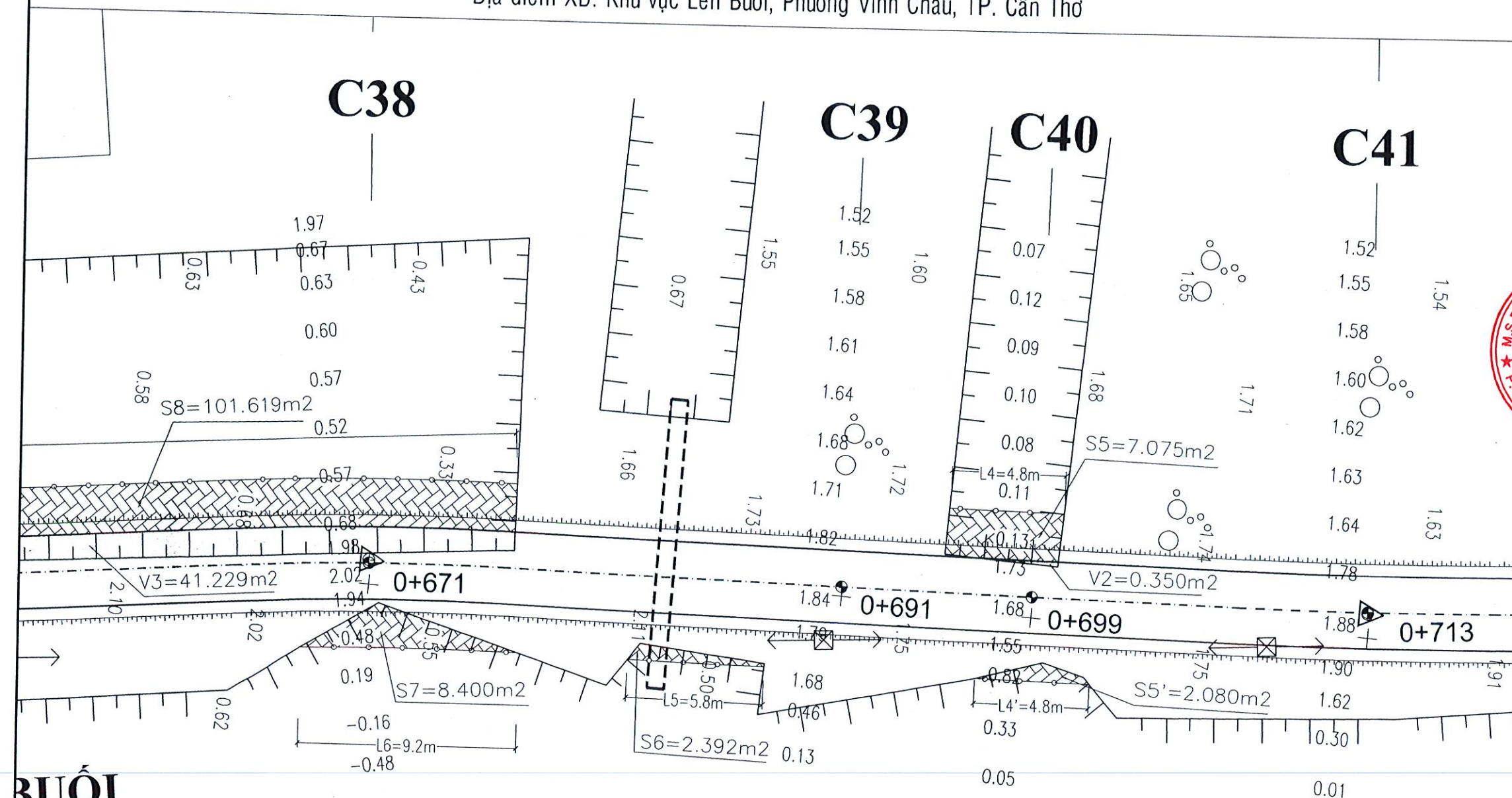
K.H BẢN VẼ
DGT-



*Ghi chú:
Diện tích vướn nổi xuống đường hiện hữu
Diện tích đắp đất ao mương k=0,90
Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
Cử trâm gia cố ao mương
Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DỮNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 851/DT-ĐC.T.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: Mai Kim Khánh

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG TL: 1/200
Công trình: Đường đat khu vực Lèn Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lèn Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

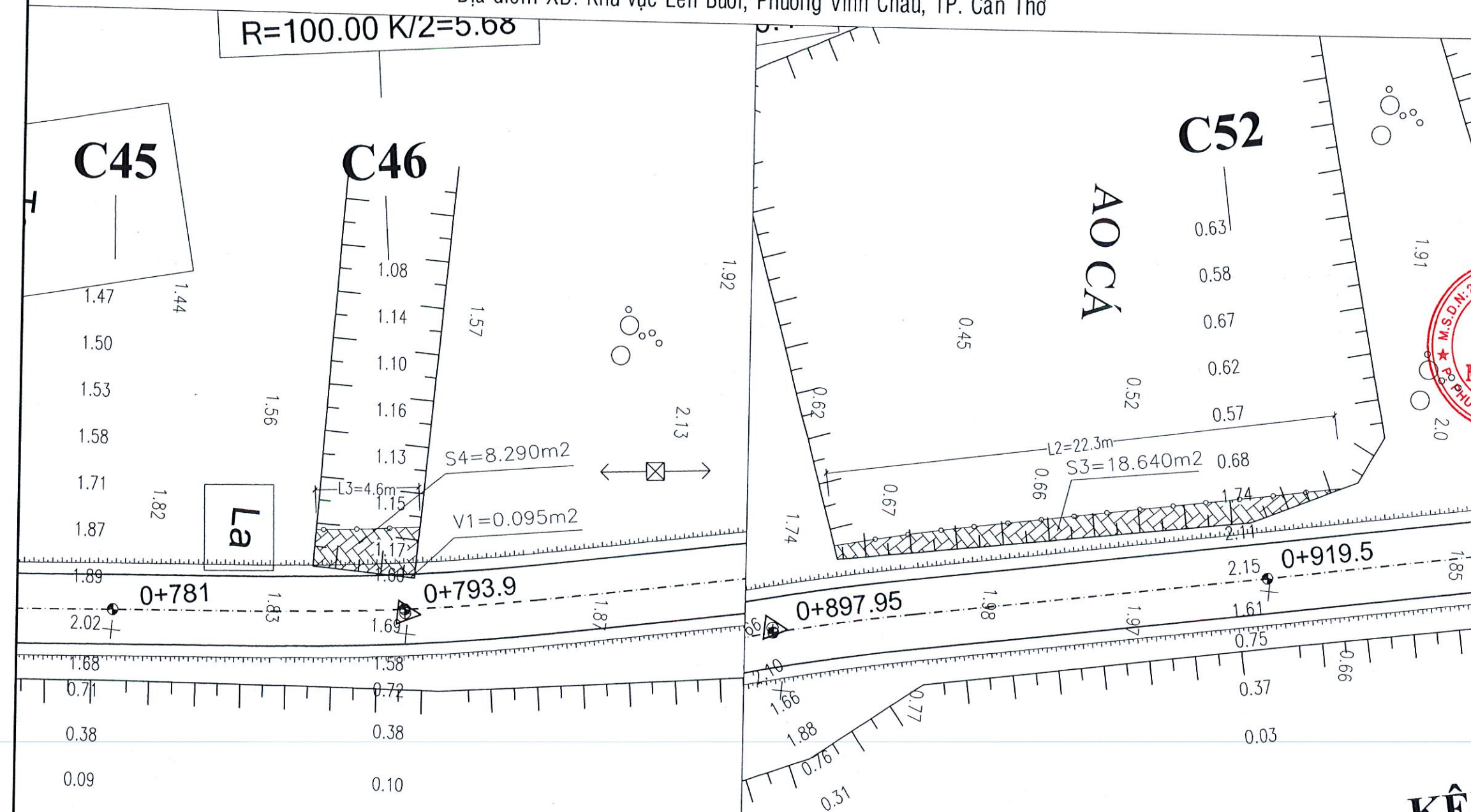


*Ghi chú:
- Diện tích vượt nổi xuống đường hiện hữu
- Diện tích đắp đất ao mương k=0,90
- Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
- Cờ tròn gia cố ao mương
- Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/ĐT-BCT.35
Ngày tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *Mai Kim Khánh*

CHỦ ĐẦU TƯ PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG ĐAT KHU VỰC LÈN BUỐI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)
HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG
ĐỊA ĐIỂM: KHU VỰC LÈN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: txdmphat@gmail.com
GIÁM ĐỐC <i>[Signature]</i> CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT P. PHÚ LỢI - TP. CẦN THƠ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ <i>[Signature]</i> TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ <i>[Signature]</i> TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
KIỂM TRA <i>[Signature]</i> LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400
THIẾT KẾ <i>[Signature]</i> ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478
TÊN BẢN VẼ BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
TỶ LỆ NHƯ TRÊN
PHÁT HÀNH/2026
K.H BẢN VẼ ĐGT

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG TL: 1/200
Công trình: Đường đal khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ



CHỦ ĐẦU TƯ		
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH:		
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BUỐI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC:		
ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM:		
KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT		
SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ		
DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322		
EMAIL: txdminhphatco@gmail.com		
GIÁM ĐỐC		
LÝ TẠ BỬU BỬU		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		
TRẦN VĂN ĐÀ		
SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
TRẦN VĂN ĐÀ		
SOT-00171076		
KIỂM TRA		
LÝ TẠ BỬU BỬU		
SOT-00121400		
THIẾT KẾ		
ĐỒNG THANH SANG		
CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ		
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN	/...../2026	

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM

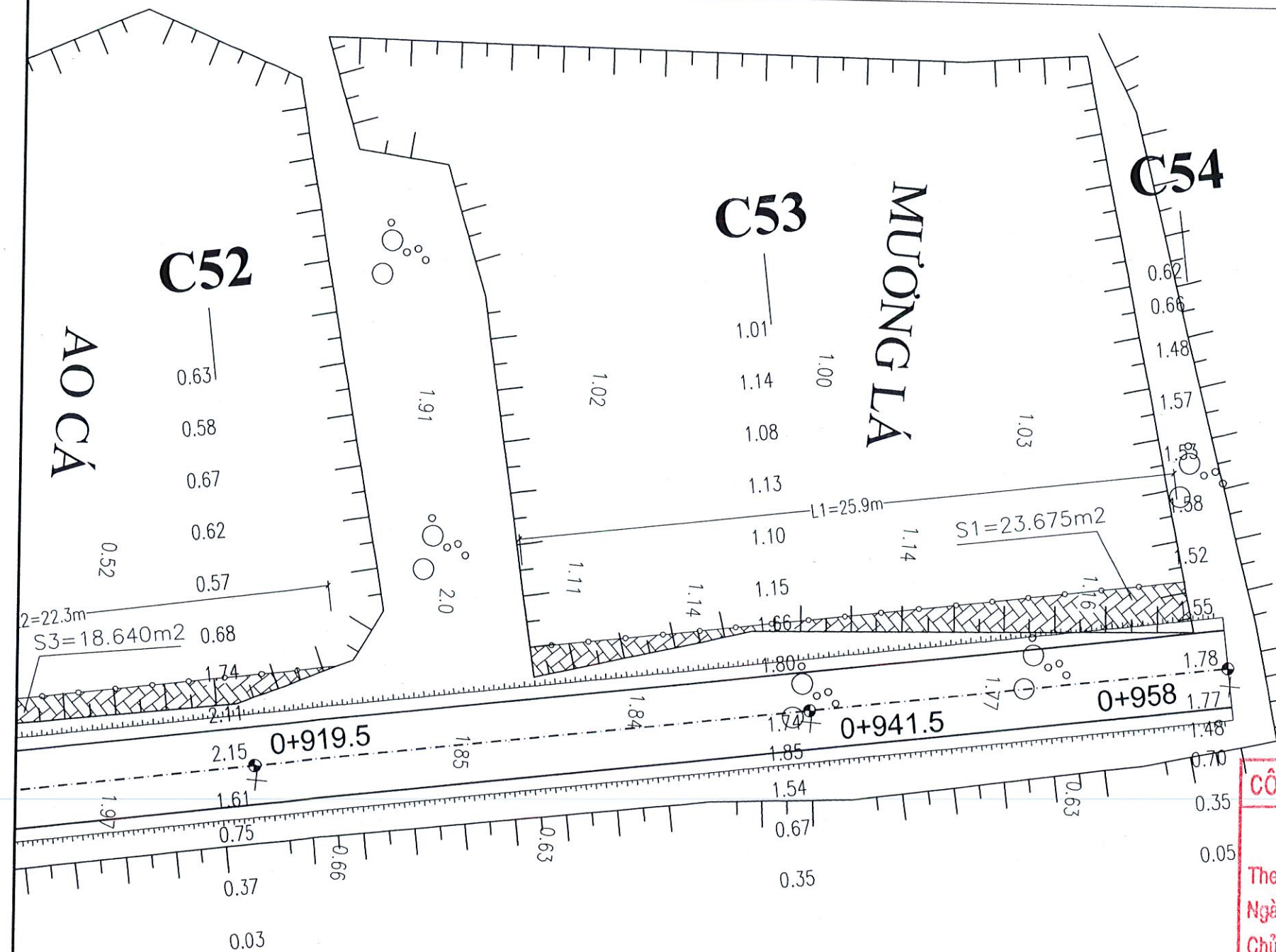
THẨM TRA

Theo Văn bản số: 35/VA.25

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên: Mai Kim Khánh

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG TL: 1/200
Công trình: Đường đal khu vực Lèn Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lèn Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ



KÊNH LÈN BUỐI

KÊNH TRÀ NIÊN

- *Chú chú:
- Diện tích vướ nổi xuống đường hiện hữu
 - Diện tích đắp đất ao mương k=0,90
 - Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
 - Cừ tràm gia cố ao mương
 - Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DỨNG TÂM

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 351/DT-BCT.25

Ngày tháng năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG

CÔNG TRÌNH:
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LÈN BUỐI
(NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)

HẠNG MỤC:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM:
KHU VỰC LÈN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CÔNG TY TNHH TV VÀ XD
MINH PHÁT
Số 12, Đường Số 8, KĐT SA, P. Phú Lợi, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0907.670.089 - 0907.131.322
Email: tvxdminhphatco@gmail.com

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT

LÝ TẠ BỬU BỬU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐA

SOT-00171076

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐA

SOT-00171076

KIỂM TRA

LÝ TẠ BỬU BỬU

SOT-00121400

THIẾT KẾ

ĐỒNG THANH SANG

CAT-00176478

TÊN BẢN VẼ

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIA CỐ AO MƯƠNG

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

TỶ LỆ

PHÁT HÀNH

K.H BẢN VẼ

NHƯ TRÊN

...../2026

BẢNG KHỐI LƯỢNG SAN LẮNG AO MƯƠNG
 Công trình: Đường đal khu vực Lèn Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
 Địa điểm: Khu vực Lèn Buối, phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ

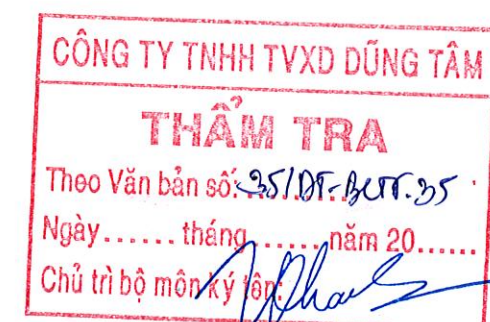
STT	Ký hiệu	Chiều dài (m)	Diện tích đắp đất lè hoặc cát ao mương trong lòng đường (m2)	CĐ đáy mương (m)	CĐ san lấp (m)	Chiều cao san lấp (m)	KL cừ tràm gia cố bờ sông (m)	KL cừ tràm nẹp cổ (m)	KL vãi địa kỹ thuật (m2)	KL đắp đất gia cố ao mương (m3)	KL đắp cát gia cố nền đường k=0,9 (cộng thêm vét bùn 30cm) (m3)	KL vét bùn 30cm lòng đường (m3)
(a)	(b)	(c)	(d)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(n)	(o)	(p)	(r)
1	L1	25,900		1,150	1,550	0,400	815,850	51,800	23,310			
2	L2	22,300		0,680	1,740	1,060	702,450	44,600	34,788			
3	L3	4,600		1,170	1,600	0,430	144,900	9,200	4,278			
4	L4	4,800		0,130	1,730	1,600	151,200	9,600	10,080			
4	L4'	4,800		0,820	1,550	0,730	151,200	9,600	5,904			
5	L5	5,800		0,500	1,680	1,180	182,700	11,600	9,744			
6	L6	9,200		0,480	1,730	1,250	289,800	18,400	16,100			
7	L7	50,950		0,680	1,730	1,050	1604,925	101,900	78,973			
8	L8	10,850		0,510	1,950	1,440	341,775	21,700	21,049			
9	L9	5,150		1,210	1,950	0,740	162,225	10,300	6,386			
10	L10	9,200		-0,230	1,700	1,930	289,800	18,400	22,356			
11	L11	4,400		0,560	1,590	1,030	138,600	8,800	6,732			
12	L12	5,300		0,980	1,590	0,610	166,950	10,600	5,883			
13	L13	13,150		0,010	1,450	1,440	414,225	26,300	25,511			
14	L14	9,650		0,520	1,450	0,930	303,975	19,300	13,800			
15	L15	14,100		0,380	1,320	0,940	444,150	28,200	20,304			
16	L16	4,450		0,370	1,790	1,420	140,175	8,900	8,544			
17	L17	7,650		0,560	1,560	1,000	240,975	15,300	11,475			
18	L18	5,900		0,220	1,870	1,650	185,850	11,800	12,685			
19	L19	4,500		0,150	1,560	1,410	141,750	9,000	8,595			
20	L20	6,150		0,140	1,510	1,370	193,725	12,300	11,501			
21	L21	6,650		0,010	1,410	1,400	209,475	13,300	12,635			
22	L22	8,450		0,410	1,410	1,000	266,175	16,900	12,675			
23	L23	5,900		0,630	1,450	0,820	185,850	11,800	7,788			
24	L24	3,050		0,330	1,370	1,040	96,075	6,100	4,697			
25	S1		23,675	1,150	1,550	0,400				9,470		
27	S3		18,640	0,680	1,740	1,060				19,758		
28	S4		8,290	1,170	1,600	0,430				3,565		
29	S5		7,075	0,130	1,730	1,600				11,320		
29	S5'		2,080	0,820	1,550	0,730				1,518		
30	S6		2,392	0,500	1,680	1,180				2,823		
31	S7		8,400	0,480	1,730	1,250				10,500		
32	S8		101,619	0,680	1,730	1,050				106,700		
33	S9		6,091	0,510	1,950	1,440				8,771		
34	S10		10,349	1,210	1,950	0,740				7,658		
35	S11		74,984	0,520	1,700	1,180				88,481		
36	S12		18,388	0,020	1,700	1,680				30,892		
37	S13		8,262	0,870	1,590	0,720				5,949		
38	S14		9,539	0,980	1,590	0,610				5,819		
39	S15		20,777	0,010	1,450	1,440				29,919		
40	S16		17,878	0,520	1,450	0,930				16,627		



Mai Kim Khánh

STT	Ký hiệu	Chiều dài (m)	Diện tích đắp đất lề hoặc cát ao mương trong lòng đường (m2)	CD đáy mương (m)	CD san lấp (m)	Chiều cao san lấp (m)	KL cừ tràm gia cố bờ sông (m)	KL cừ tràm nạp cỏ (m)	KL vải địa kỹ thuật (m2)	KL đắp đất gia cố ao mương (m3)	KL đắp cát gia cố nền đường k=0,9 (cộng thêm vét bùn 30cm) (m3)	KL vét bùn 30cm lòng đường (m3)
41	S17		8,160	0,380	1,320	0,940				7,670		
42	S18		5,364	0,570	1,790	1,220				6,544		
43	S19		14,001	0,560	1,560	1,000				14,001		
44	S20		8,332	0,550	1,870	1,320				10,998		
45	S21		4,468	0,110	1,800	1,690				7,551		
46	S22		8,285	0,110	1,560	1,450				12,013		
47	S23		12,339	0,140	1,510	1,370				16,904		
48	S24		7,144	0,170	1,410	1,240				8,859		
49	S25		13,912	0,910	1,410	0,500				6,956		
50	S26		4,691	0,630	1,450	0,820				3,847		
51	S27		6,079	0,330	1,370	1,040				6,322		
52	V1		0,095	1,170	1,600	0,430				0,041	0,069	0,029
53	V2		0,350	0,130	1,730	1,600				0,560	0,665	0,105
54	V3		41,229	0,680	1,730	1,050				43,290	55,659	12,369
55	V4		2,643	1,210	1,950	0,740				1,956	2,749	0,793
56	V5		27,477	0,260	1,700	1,440				39,567	47,810	8,243
57	V6		1,683	0,870	1,590	0,720				1,212	1,717	0,505
58	V7		0,124	0,980	1,590	0,610				0,076	0,113	0,037
59	V8		6,733	0,680	1,450	0,770				5,184	7,204	2,020
60	V9		10,395	0,560	1,560	1,000				10,395	13,514	3,119
61	V10		10,074	0,090	1,560	1,470				14,809	17,831	3,022
62	V11		2,291	0,910	1,410	0,500				1,146	1,833	0,687
63	V12		5,911	0,330	1,370	1,040				6,147	7,921	1,773
TỔNG CỘNG		252,850					7964,775	505,700	395,792	585,817	157,085	32,702

- Chiều dài đóng cừ tràm: 252,850 m (c)
- Khối lượng đóng cừ tràm gia cố ao mương: 7964,775 m (i) = (c) x 7 cây x 4,5m x 1 hàng
- Khối lượng cừ tràm nạp cỏ gia cố ao mương: 505,700 m (j) = (c) x 2 cây
- Khối lượng vải địa kỹ thuật: 395,792 m2 (n) = (c) x ((h) + 0,5m)
- Khối lượng đắp đất gia cố ao mương K=0,9: 585,817 m3 (o) = (c) x (h) + (d) x (h)
- Khối lượng đắp cát ao mương K=0,9: 157,085 m3 (p) = (d) x (g)
- Khối vét bùn ao mương K=0,9: 32,702 m3 (r) = (d) x 0,3m



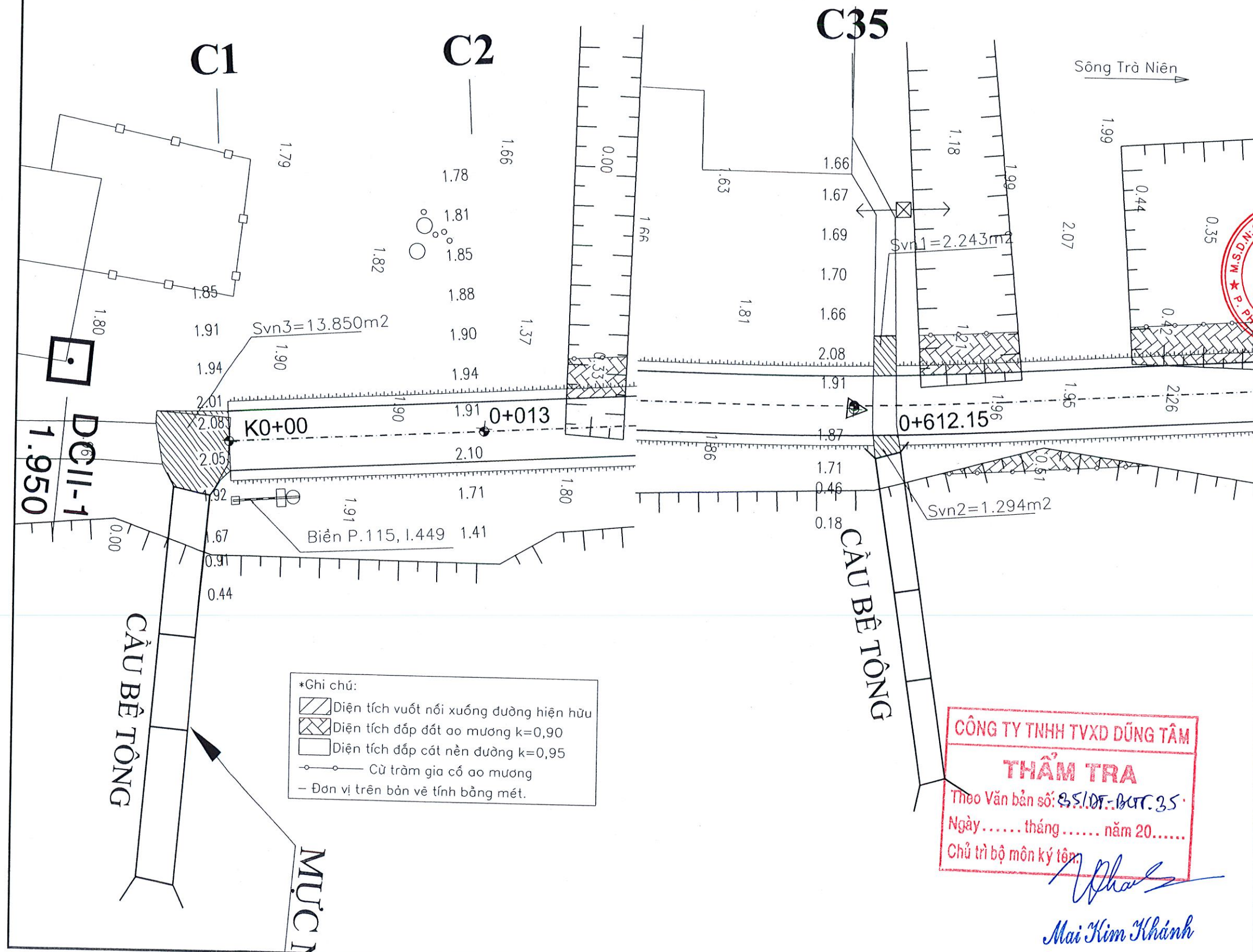
Mai Kim Khánh

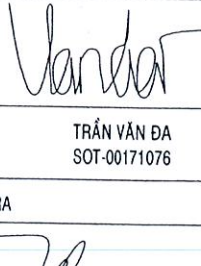
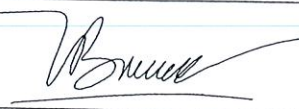
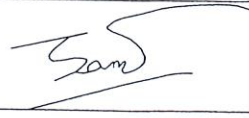
PHẦN BÌNH ĐỒ VỊ TRÍ VUỐT NỐI VÀ ĐIỂM TRÁNH XE

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-BCT.25
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ VUỐT NỐI ĐƯỜNG HIỆN HỮU TL: 1/200
Công trình: Đường đat khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

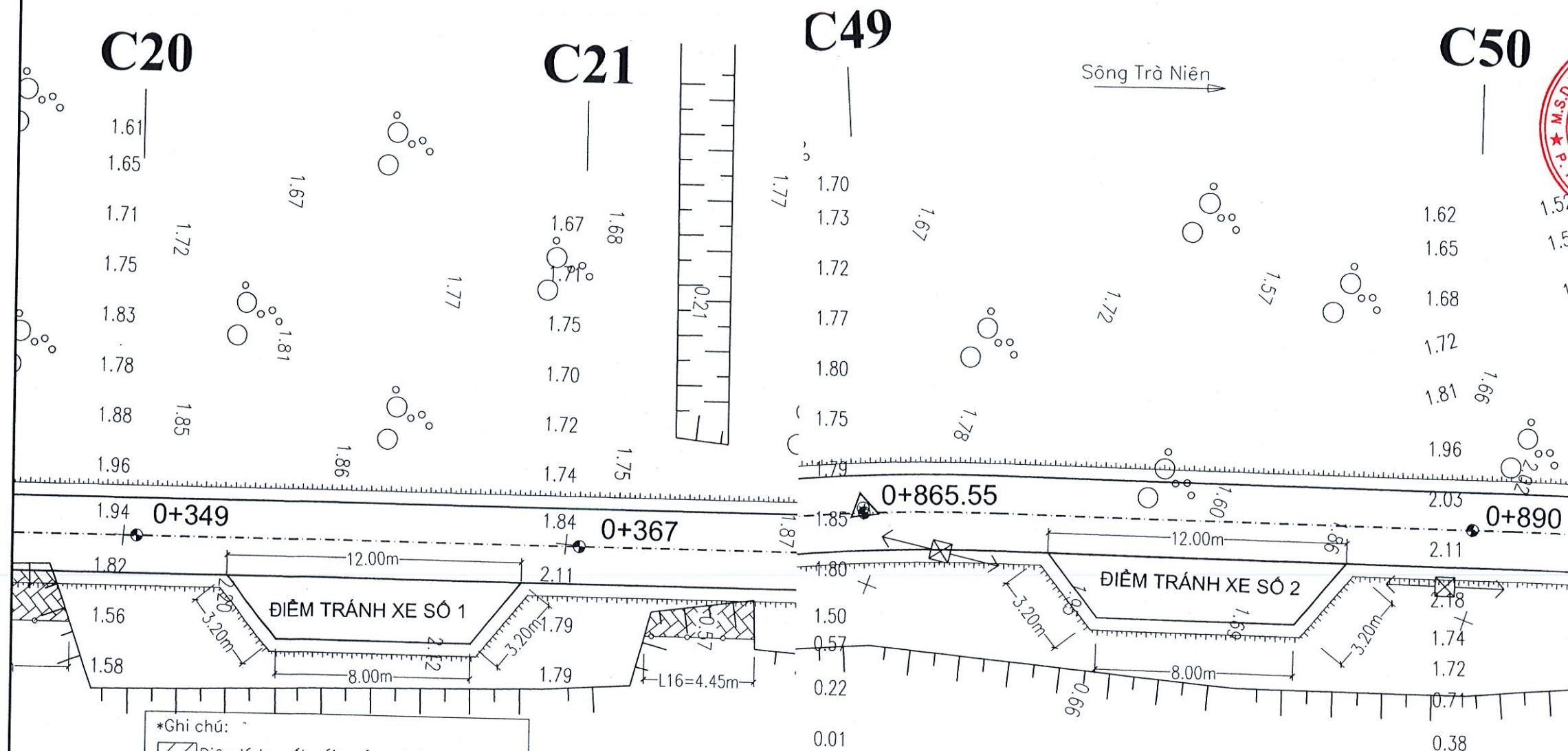


CHỦ ĐẦU TƯ		
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH:		
ĐƯỜNG ĐAT KHU VỰC LẾN BUỒI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC:		
ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM:		
KHU VỰC LẾN BUỒI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
 CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỘC, TP. CẦN THƠ DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: txdmphalco@gmail.com		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		
 CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		
		
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
		
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
KIỂM TRA		
		
LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ		
		
ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ		
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ VUỐT NỐI		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHU TRÊN	/...../2026	ĐGT-

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 85/DT-BCT.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *Phước*
Mai Kim Khánh

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ĐIỂM TRÁNH XE TL: 1/200
Công trình: Đường đal khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

d09'11"
i5 P=0.19
i0 K/2=5.34



*Ghi chú:
- Diện tích vướn nổi xuống đường hiện hữu
- Diện tích đắp đất ao mương k=0,90
- Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
- Cờ trảm gia cố ao mương
- Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DUNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 351/DT-BCT.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *Phước*

Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BUỐI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)
HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG
ĐỊA ĐIỂM: KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KDT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com
GIÁM ĐỐC <i>Phước</i>
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ <i>Vandar</i>
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ <i>Vandar</i>
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
KIỂM TRA <i>Bonuu</i>
LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400
THIẾT KẾ <i>Son</i>
ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478
TÊN BẢN VẼ BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ ĐIỂM TRÁNH XE
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
TỶ LỆ NHƯ TRÊN
PHÁT HÀNH/...../2026
K.H BẢN VẼ BGT-

BẢNG KHỐI LƯỢNG VUỐT NỔI VÀ ĐIỂM TRÁNH XE

Công trình: Đường đal khu vực Lền Buồi (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)

Địa điểm: Khu vực Lền Buồi, phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ

- Cao độ mép đường: + 2,37

STT	Ký hiệu	Diện tích vuốt mỗi (m2)	Cao độ tự nhiên vuốt nổi	Chiều cao vuốt nổi trung bình (m)	Chiều dài đắp đất lè (m)	Khối lượng đắp đất lè (m3)	Khối lượng cát nền k=0,95 (m3)
1	Svn1	2,243	2,08	0,290	3,000	0,561	0,191
2	Svn2	1,294	1,87	0,500	1,000	0,375	0,246
3	Svn3	13,850	2,05	0,320	4,600	0,972	1,388
TỔNG CỘNG		17,387			8,600	1,908	1,822



* Khối lượng điểm tránh xe

STT	Ký hiệu	Diện tích (m2)	Cao độ tự nhiên vuốt nổi	Chiều cao vuốt nổi trung bình (m)	Chiều dài đắp đất lè (m)	Khối lượng đắp đất lè (m3)	Khối lượng BTCT đá 1x2 12cm (m3)	Khối lượng cát nền k=0,95 (m3)
1	Điểm số 1	25,000	1,71	0,325	14,880	3,204	3,000	7,500
2	Điểm số 2	25,000	1,68	0,340	14,880	3,390	3,000	7,500
TỔNG CỘNG		50,000			29,760	6,594	6,000	15,000



Mai Kim Khánh

PHẦN BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TƯỜNG CHẮN

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM

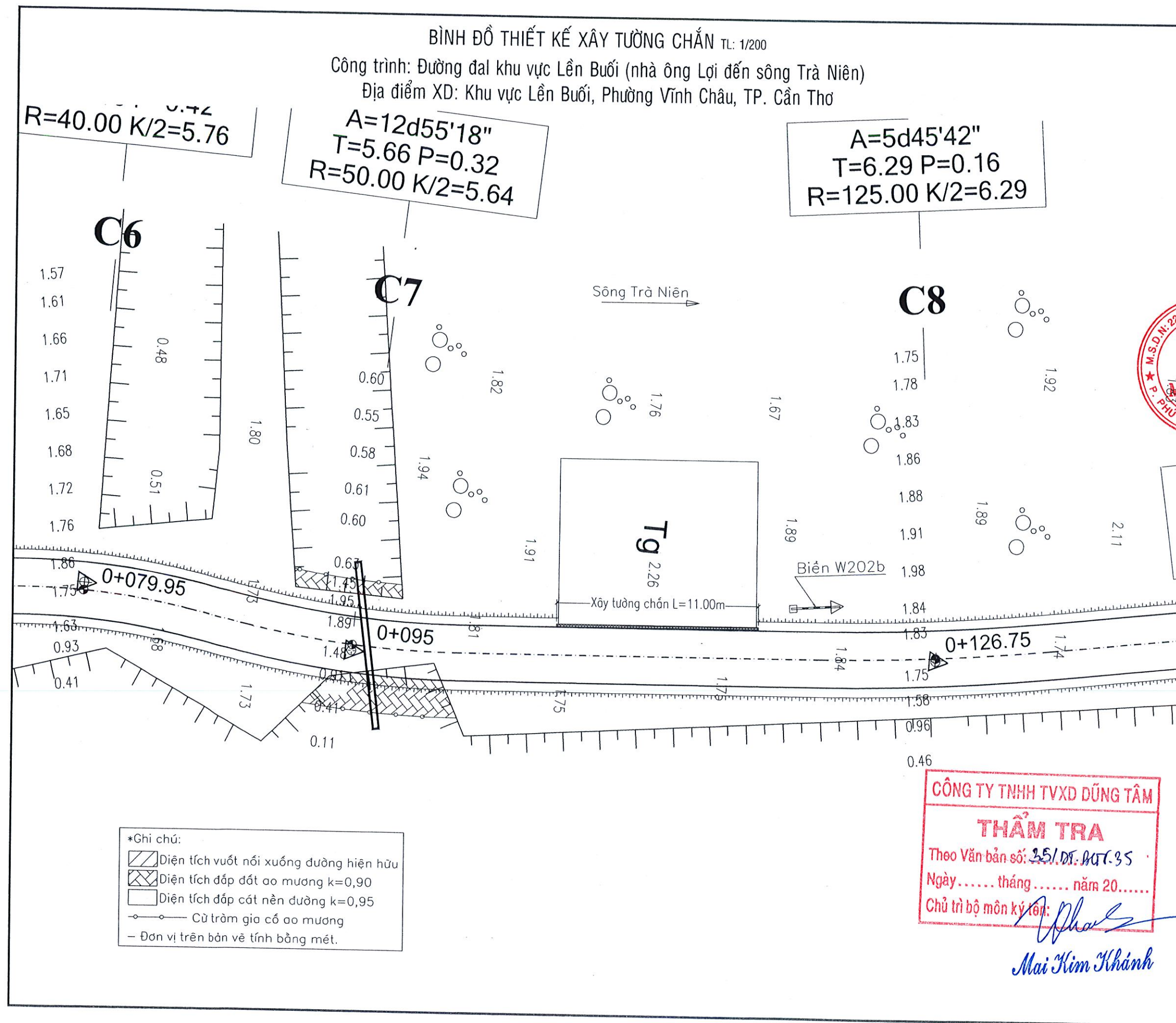
THẨM TRA

Theo Văn bản số: 35/DT-BCT-35

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên: *Phan*

Mai Kim Khánh



CHỦ ĐẦU TƯ		
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH:		
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BUỐI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC:		
ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM:		
KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỘC, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com		
GIÁM ĐỐC		
TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
KIỂM TRA		
LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ		
ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ		
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ XÂY TƯỜNG CHẮN		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN	/2026	DGT-

BẢNG KHỐI LƯỢNG XÂY TƯỜNG

Công trình: Đường đal khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm: Khu vực Lền Buối, phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ

- Cao độ mép đường: + 2,37

STT	Ký hiệu	Chiều dài xây gạch (m)	Cao độ mép đường	Cao độ tự nhiên	Chiều cao xây tường (m)	Diện tích đắp đất vị trí xây tường cần trừ (m2)	Khối lượng đắp đất lề cần trừ (m3)	Khối lượng xây tường chắn (m3)	Diện tích trát tường (m2)	Khối lượng lớp bê tông đá 4x6 M100 đệm (m3)
(a)	(b)	(c)		(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)
1	Lx1	11,000	2,37	2,16	0,260	2,010	22,110	0,458	2,860	0,220
TỔNG CỘNG		11,000					22,110	0,458	2,860	0,220

- Khối lượng đất đắp vị trí tường chắn cần trừ ra:
- Khối lượng xây tường chắn:
- Diện tích trát vữa tường chắn:
- Khối lượng bê tông đá 4x6 M100 đệm dày 10cm:

22,110 m3
0,458 m3
2,860 m2
0,220 m3

(g) = (f) x (c)
(h) = (c) x (2,47 - (d) +0,05m) x 0,16m
(i) = (c) x (2,47 - (d) +0,05m)
(k) = (c) x 0,2m x 0,1m



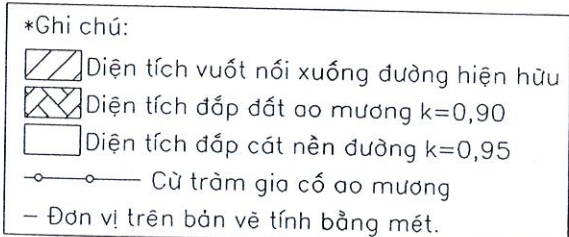
Mai Kim Khánh

PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGANG ĐƯỜNG

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-BCT-35
Ngày tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh

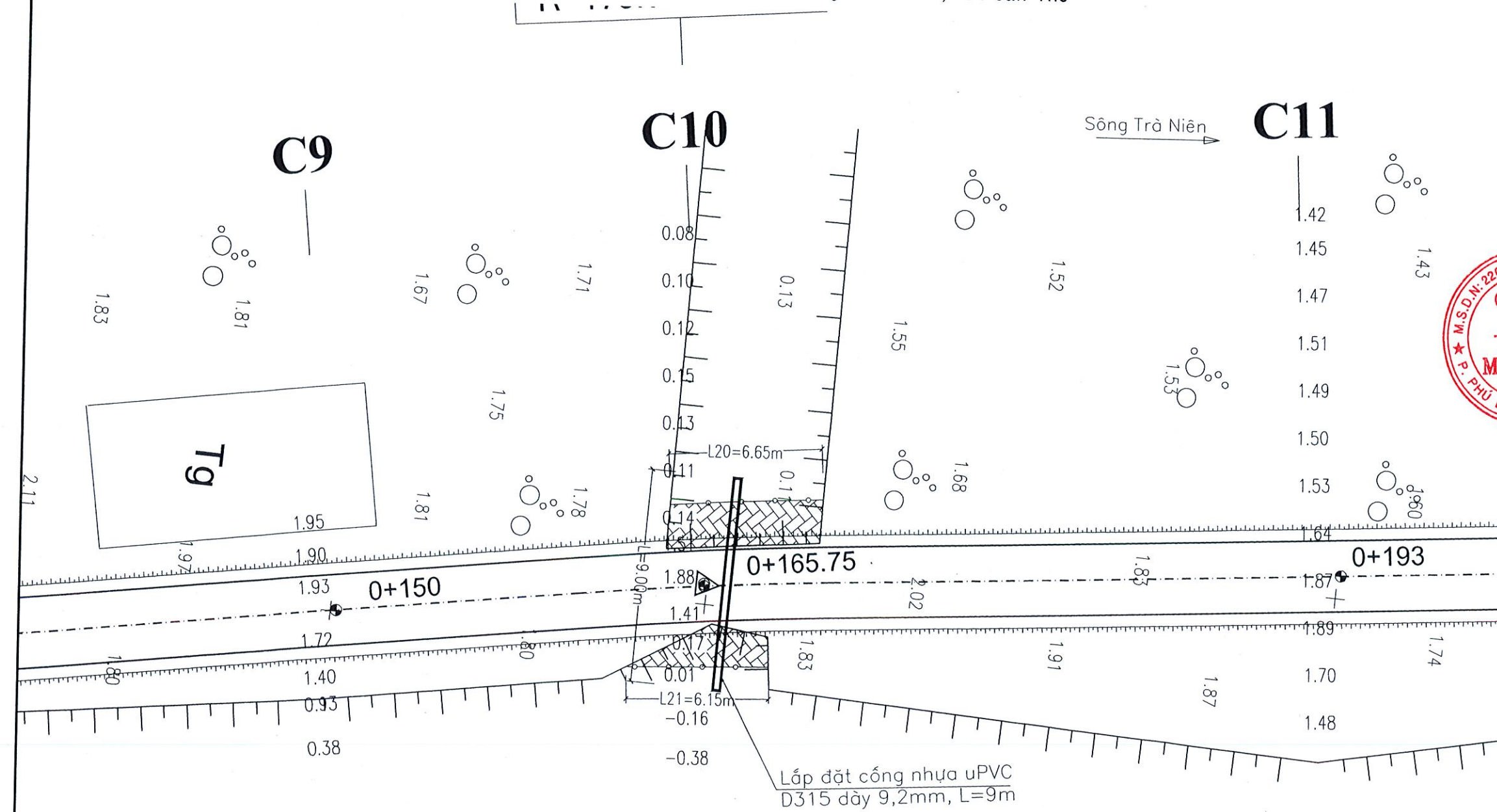
Công trình: Đường đat khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ



Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ		
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SỐC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH:		
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BUỒI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SỐNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC:		
ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM:		
KHU VỰC LỀN BUỒI, PHƯỜNG VINH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
 CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KDT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: txsdminhphatco@gmail.com CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT GIAM ĐỐC  LỢI - TP. CẦN THƠ TẠ BỬU BỬU		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		
		
TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
		
TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
KIỂM TRA		
		
LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ		
		
ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ		
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ CỐNG NGANG ĐƯỜNG		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHU TRÊN	/2026	ĐGT-

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ CỐNG NGANG ĐƯỜNG TL: 1/200
Công trình: Đường đal khu vực Lền Bưởi (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Bưởi, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ



*Ghi chú:
[Symbol] Diện tích vuốt nối xuống đường hiện hữu
[Symbol] Diện tích đắp đất ao mương k=0,90
[Symbol] Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
○—○ Cừ tràm gia cố ao mương
— Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/ĐT-ĐC-35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*

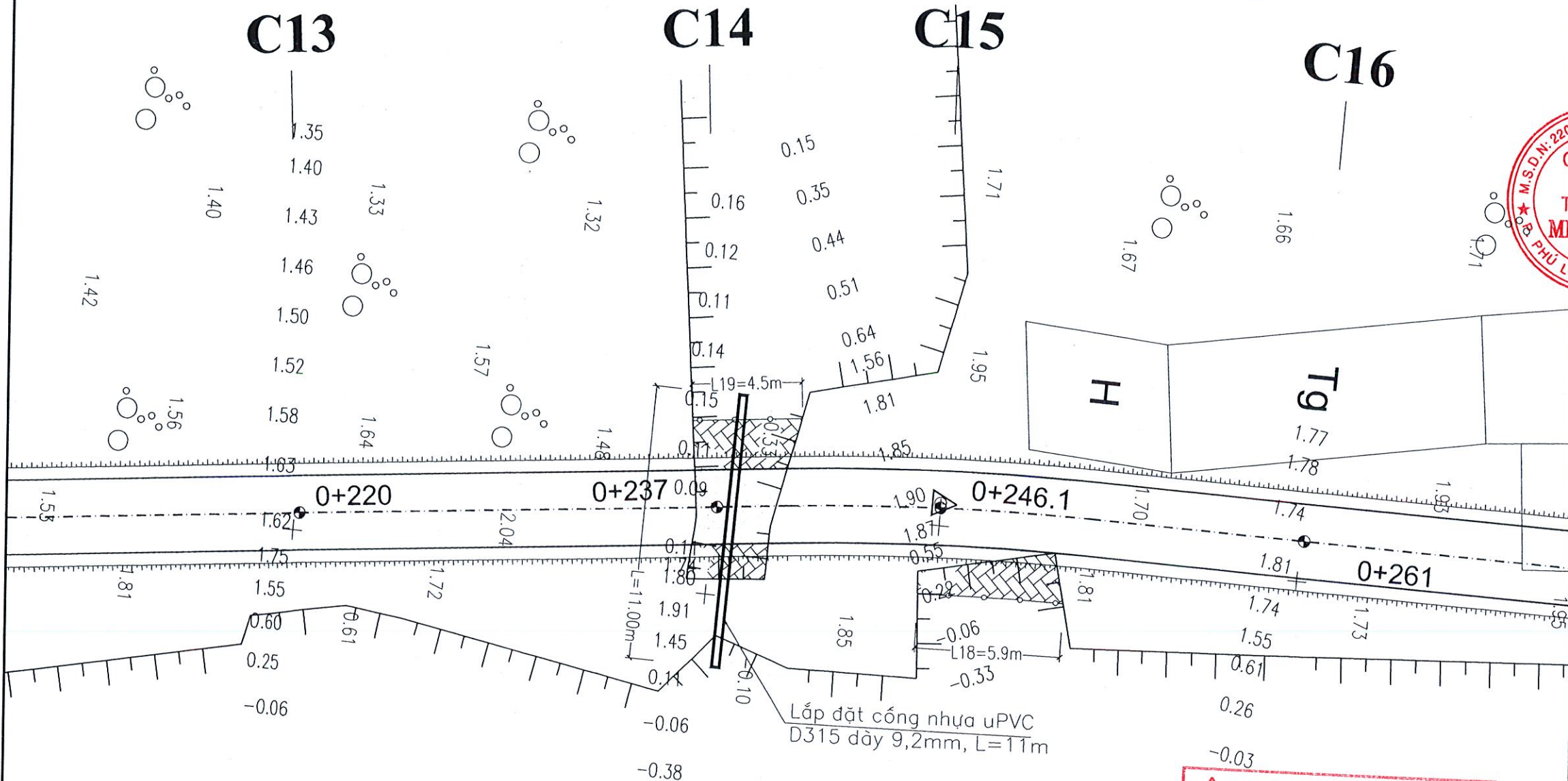
Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG	
CÔNG TRÌNH:	ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BƯỚI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)	
HẠNG MỤC:	ĐƯỜNG GIAO THÔNG	
ĐỊA ĐIỂM:	KHU VỰC LỀN BƯỚI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ	
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT	SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PH-Ú LỢI, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: tvadminhphatco@gmail.com	
GIÁM ĐỐC	<i>[Signature]</i>	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	<i>[Signature]</i>	
KIỂM TRA	TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076	
THIẾT KẾ	<i>[Signature]</i>	
TÊN BẢN VẼ	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ CỐNG NGANG ĐƯỜNG	
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN	/...../2026	ĐGT-

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ CỐNG NGANG ĐƯỜNG TL: 1/200
Công trình: Đường đat khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

$R=100.00 \text{ K}/2=6.08$

Sông Trà Niên



- *Ghi chú:
- Diện tích vuốt nối xuống đường hiện hữu
 - Diện tích đắp đất ao mương $k=0,90$
 - Diện tích đắp cát nền đường $k=0,95$
 - Cử trâm gia cố ao mương
 - Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 351/DT-BCTT.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG
CÔNG TRÌNH:	ĐƯỜNG ĐAT KHU VỰC LỀN BUỐI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)
HẠNG MỤC:	ĐƯỜNG GIAO THÔNG
ĐỊA ĐIỂM:	KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA. P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com	GIÁM ĐỐC
	TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076
KIỂM TRA	LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400
THIẾT KẾ	ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478
TÊN BẢN VẼ	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ CỐNG NGANG ĐƯỜNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH
NHƯ TRÊN	ĐGT-

BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG NGANG ĐƯỜNG uPVC D315

Công trình: Đường đal khu vực Lèn Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)

Địa điểm: Khu vực Lèn Buối, phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ

STT	Ký hiệu	Lý trình	Chiều dài cống (m)	CĐ đáy mương (m)	CĐ tự nhiên (m)	Chiều cao đào (m)	Diện tích đào lẻ đường (m2)	Chiều dài đào lẻ đường (m)	KL đào đất (m3)	KL đắp đất lẻ đường K90 (m3)
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)
1	Cống số 1	0+095	9,000	0,630	1,480	0,950	0,926	1,290	1,195	1,094
2	Cống số 2	0+165,75	9,000	0,110	1,410	1,400	1,680	0,410	0,689	0,676
3	Cống số 3	0+237	11,000	0,150	1,450	1,400	1,680	2,400	4,032	3,957
TỔNG CỘNG			29,000						5,916	5,727

- Chiều dài cống uPVC D315 dày 9,2mm:

29,000 m
- Khối lượng đào đất lẻ đường:

5,916 m3
- Khối lượng đắp đất gia cố lẻ K90:

5,727 m3
- $(j) = ((0,5+(0,5+(g))) * (g)/2) * (i)$

$(k) = (h) * (i) - (3,14 * 0,1575 * 0,1575 * (i))$

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 35/DT-BCT-35

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

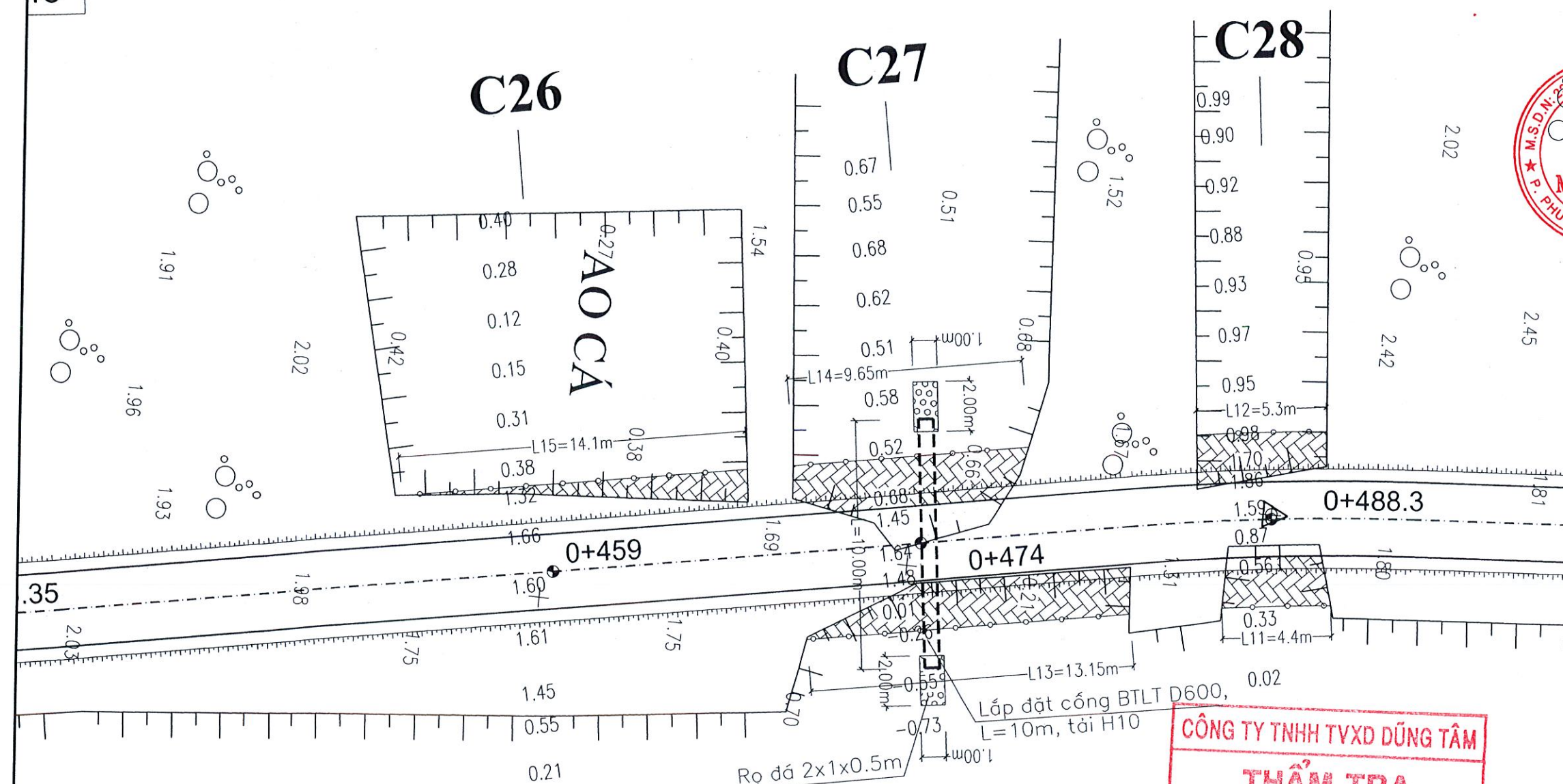
Mai Kim Khánh

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ CỐNG NGANG ĐƯỜNG TL: 1/200
Công trình: Đường đat khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

$T=5.84$ $P=0.17$
 $R=100.00$ $K/2=5.84$

Sông Trà Niên

43



- *Ghi chú:
- Diện tích vuốt nối xuống đường hiện hữu
 - Diện tích đắp đất ao mương $k=0,90$
 - Diện tích đắp cát nền đường $k=0,95$
 - Cừ tràm gia cố ao mương
 - Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 35/DT-BCT.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh

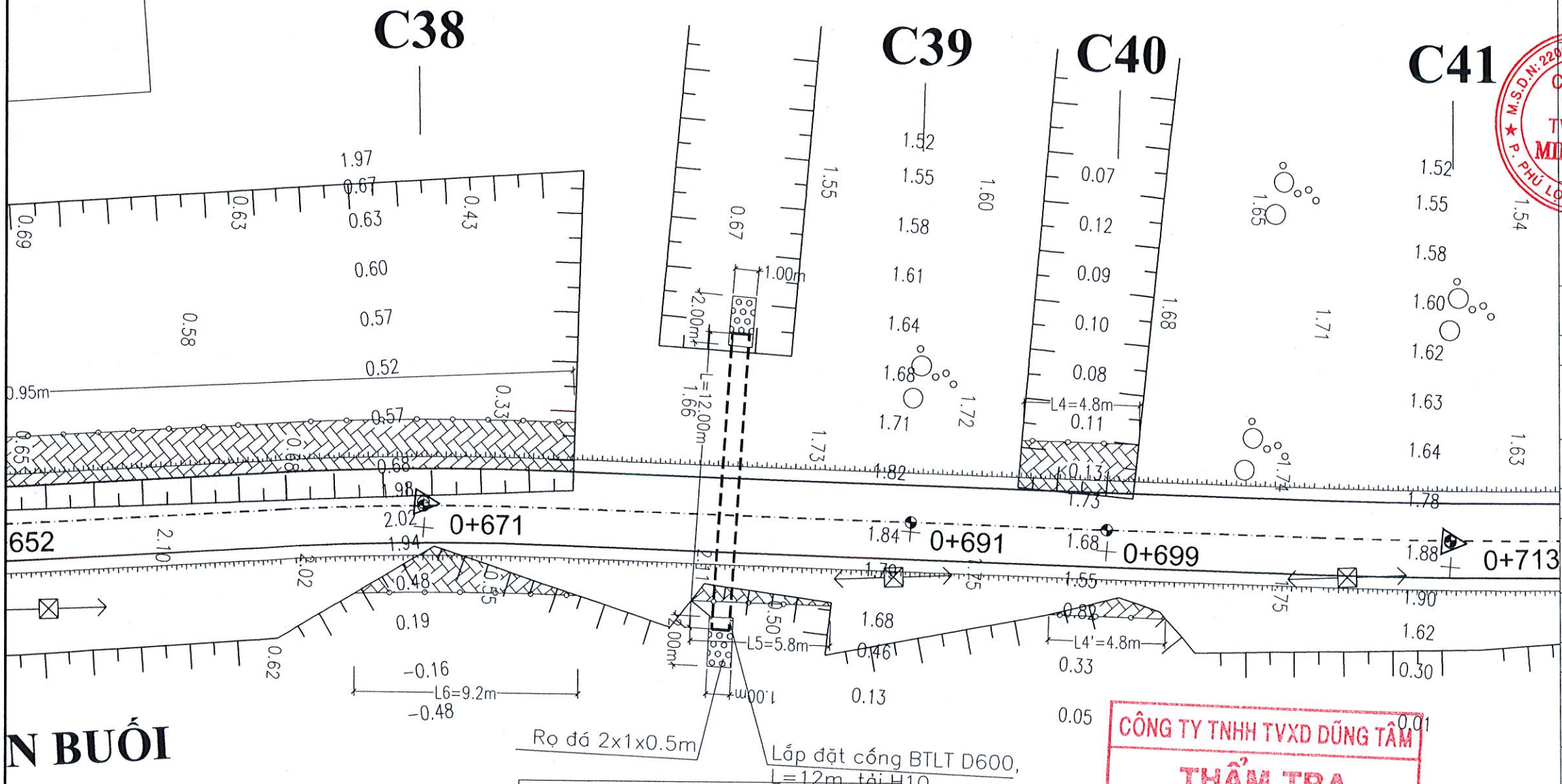
CHỦ ĐẦU TƯ	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG
CÔNG TRÌNH:	ĐƯỜNG ĐAT KHU VỰC LỀN BUỐI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)
HẠNG MỤC:	ĐƯỜNG GIAO THÔNG
ĐỊA ĐIỂM:	KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT	SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: txdmphalco@gmail.com
GIÁM ĐỐC	LY TẠ BỬU BỬU
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
KIỂM TRA	LY TẠ BỬU BỬU SOT-00121400
THIẾT KẾ	ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478
TÊN BẢN VẼ	BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ CỐNG NGANG ĐƯỜNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG	
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH
NHU TRÊN	ĐGT

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ CỐNG NGANG ĐƯỜNG TL: 1/200
Công trình: Đường đal khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ

A=5d11'53"
T=5.67 P=0.13
R=125.00 K/2=5.67

A=2d27'01"
T=5.35 P=0.06
R=250.00 K/2=5

Sông Trà Niên



N BUỐI

- *Ghi chú:
- Diện tích vuốt nối xuống đường hiện hữu
 - Diện tích đắp đất ao mương k=0,90
 - Diện tích đắp cát nền đường k=0,95
 - Cừ tràm gia cố ao mương
 - Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 351/DT-BCT.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *Phạm*

Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BUỐI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)
HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG
ĐỊA ĐIỂM: KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỘC, TP. CẦN THƠ DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: tvadminhphatco@gmail.com
GIÁM ĐỐC <i>Vandar</i> TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ <i>Vandar</i> TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076
KIỂM TRA <i>Bonuu</i> LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400
THIẾT KẾ <i>Son</i> ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478
TÊN BẢN VẼ BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ CỐNG NGANG ĐƯỜNG
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
TỶ LỆ NHƯ TRÊN
PHÁT HÀNH/2026
K.H BẢN VẼ ĐGT-

TỶ LỆ: 1/50

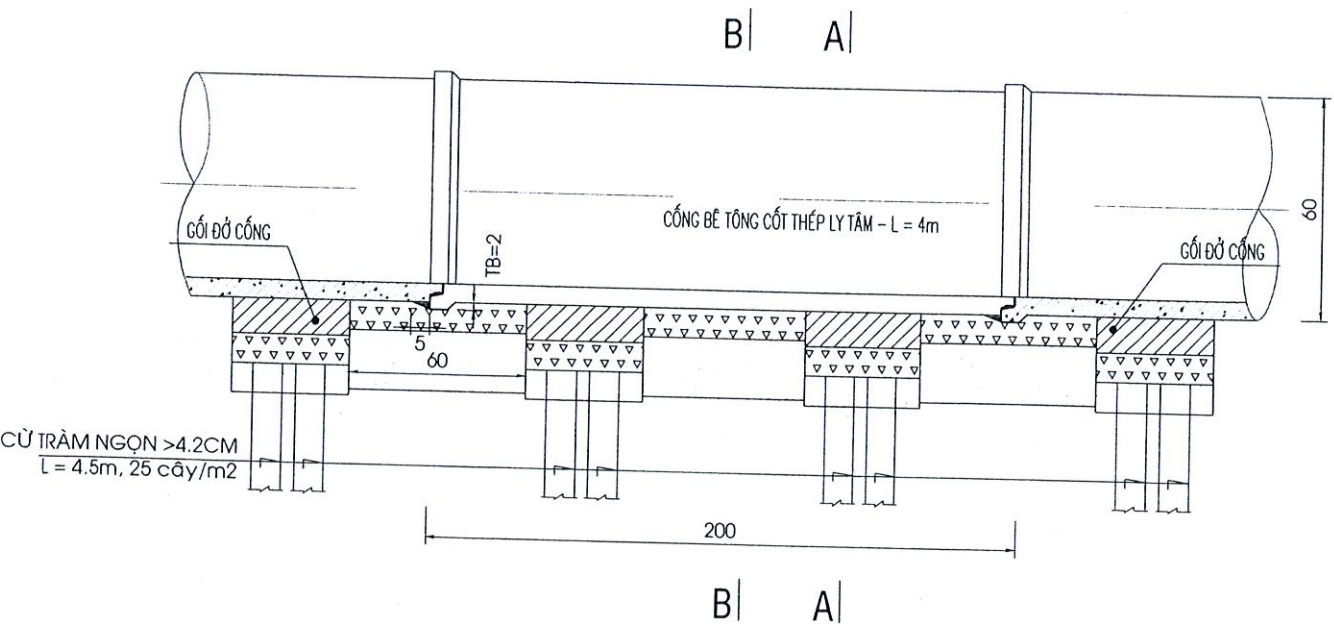


- Mặt đường BTCT đá 1x2 M250 dày 12cm.
- Lớp nilon ngăn cách
- Lớp cát nền đường dày 30cm, $k \geq 0.95$.
- Lớp cát nền đường dày 80cm, $k \geq 0.90$ (đào lấy đất đắp lề).
- Nền đường hiện hữu

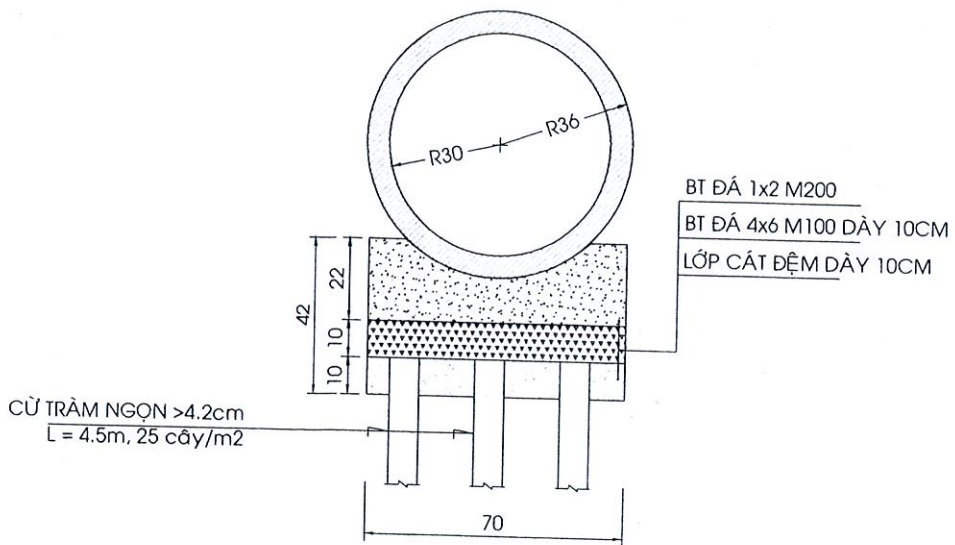
- Đắp đất $k \geq 0.90$,
- tạo mái taluy 1:1

- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI cm
- SỬ DỤNG CỐNG BTCT LY TÂM 600, CỐNG TÂM TRỌNG THỌ
- SỬ DỤNG GỐI CỐNG BTCT ĐÚC SẴN

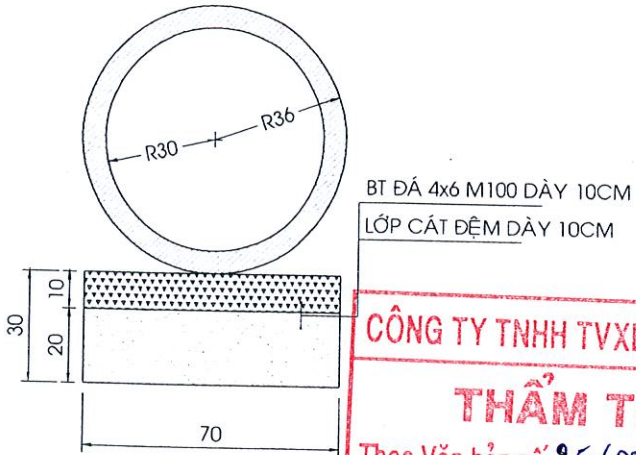
CHI TIẾT GIA CỐ & BỐ TRÍ GỐI ĐỖ CỐNG BÊ TÔNG LY TÂM L=2M



MẶT CẮT A-A
TL : 1/10



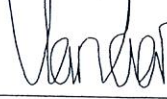
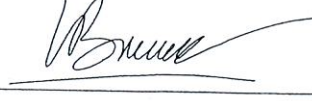
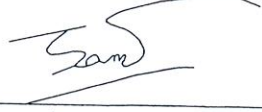
MẶT CẮT B-B
TL : 1/10



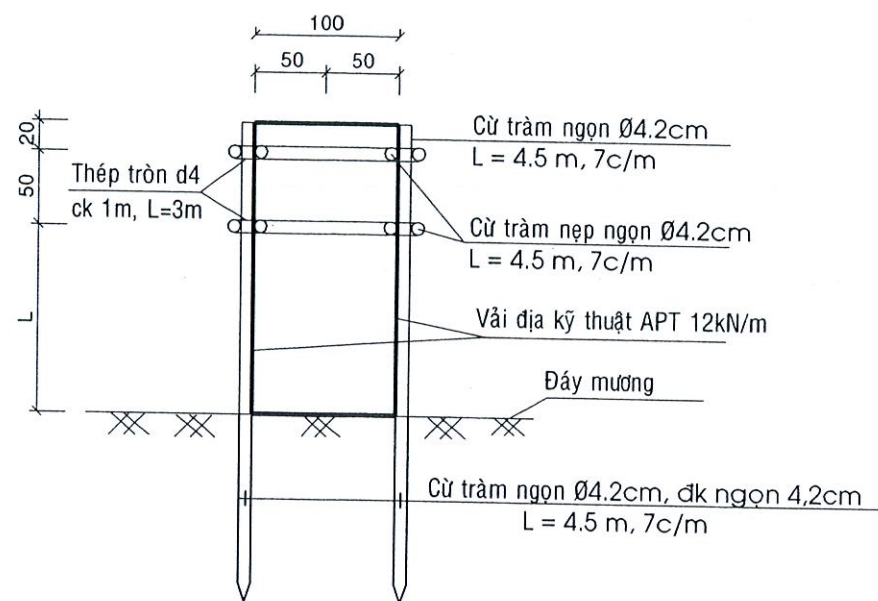
GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI cm
- SỬ DỤNG CỐNG BTCT LY TÂM 600, CỐNG TẢI TRỌNG H10
- SỬ DỤNG GỐI CỐNG BTCT ĐÚC SẴN

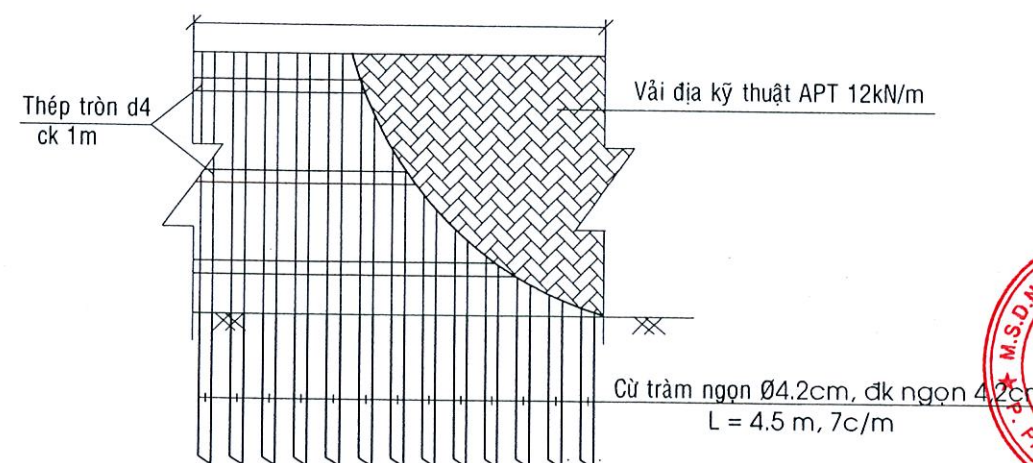
Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ		
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH:		
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LÊN BUỔI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC:		
ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM:		
KHU VỰC LÊN BUỔI, PHƯỜNG VINH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
 CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com		
GIÁM ĐỐC		
 CÔNG TY TNHH V VÀ XD NH PHÁT		
LÝ TẠ BỬU BỬU		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		
		
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
		
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
KIỂM TRA		
		
LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ		
		
ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ		
MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN ĐƯỜNG		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN	/...../2026	ĐGT-

MẶT CẮT NGANG VÒNG VÂY NGĂN NƯỚC
THI CÔNG CỐNG



MẶT CẮT A - A



KHỐI LƯỢNG CHO 1 M DÀI ĐỀ VÂY THI CÔNG CỐNG:

- * Đóng cử tràm ngọn 4.2, L = 4.5m vòng vây ngăn nước đóng 2 hàng mỗi hàng 1 lớp, 5 cây/m/hàng.
- * Tổng chiều dài cử tràm/1m: $(5 \times 4.5 \times 2) + 8 = 53$ (md)
- * Thép 6mm buộc vòng vây: 6m/1md
- * Đơn vị trên bản vẽ tính bằng cm.

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 35/DT-BCTT.35

Ngày tháng năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh

BẢNG KHỐI LƯỢNG VÒNG VÂY

STT	Ký hiệu	Lý trình	Vị trí	Chiều dài	CD đáy mương (m)	CD tự nhiên (m)	Chiều cao san lấp (m)	KL cử tràm gia cố bờ sông (m)	KL cử tràm nẹp cổ (m)	KL vải địa kỹ thuật (m2)	KL đắp đất vòng vây (m3)
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)
1	Lvv1	0+525	Trái	10,450	0,510	1,540	1,030	470,250	41,800	31,977	10,764
			Phải	15,700	-0,550	1,310	1,860	706,500	62,800	74,104	29,202
2	Lvv2	0+607	Trái	5,500	0,670	1,550	0,880	247,500	22,000	15,180	4,840
			Phải	13,550	0,500	1,680	1,180	609,750	54,200	45,528	15,989
TỔNG CỘNG				45,200				2034,000	180,800	166,789	60,795

CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG

CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LÊN BUỒI
(NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)

HẠNG MỤC:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM:

KHU VỰC LÊN BUỒI, PHƯỜNG VINH CHÂU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ



CÔNG TY TNHH TV VÀ XD
MINH PHÁT
SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ
ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322
EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TNHH
TV VÀ XD
MINH PHÁT

PHÚ LỢI - TP. CẦN THƠ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐA
SOT-00171076

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐA
SOT-00171076

KIỂM TRA

TRẦN VĂN ĐA
SOT-00171076

THIẾT KẾ

TRẦN VĂN ĐA
SOT-00171076

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT NGANG ĐẠI DIỆN ĐƯỜNG

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

TỶ LỆ

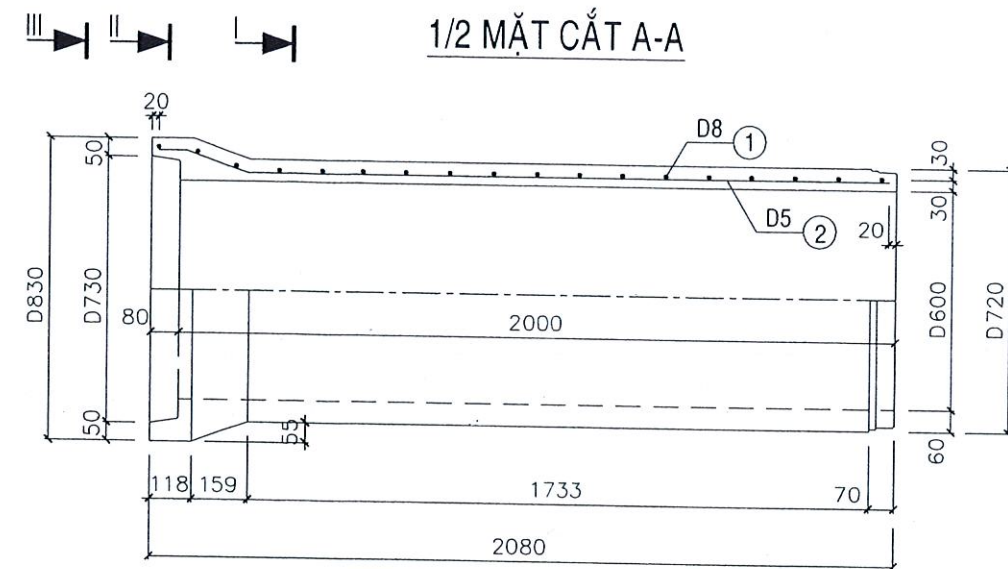
PHÁT HÀNH

K.H BẢN VẼ

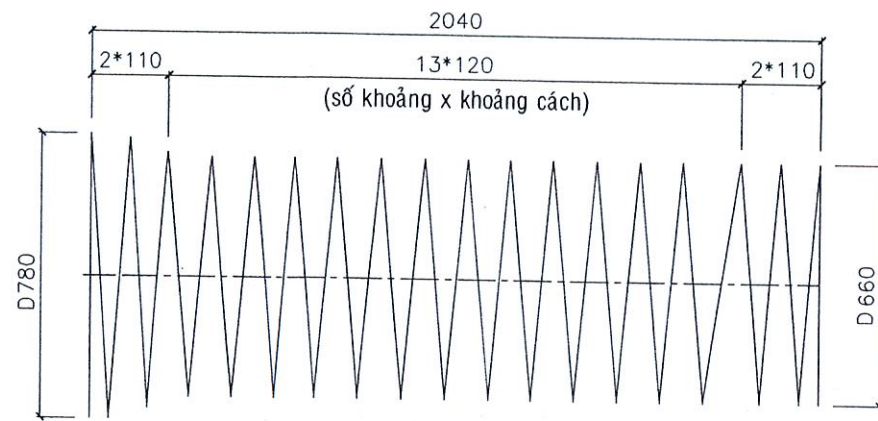
NHƯ TRÊN

...../2026

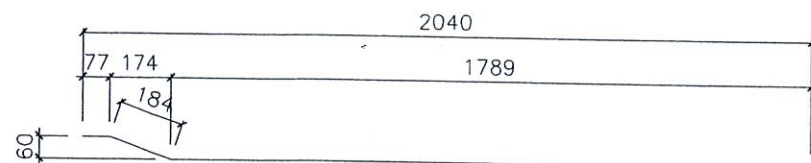
ĐGT-



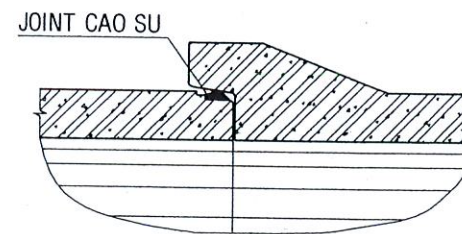
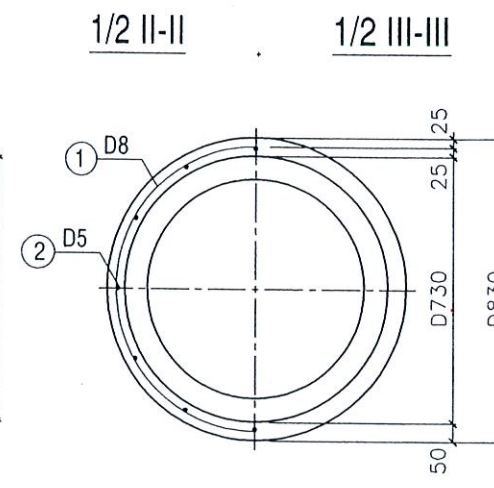
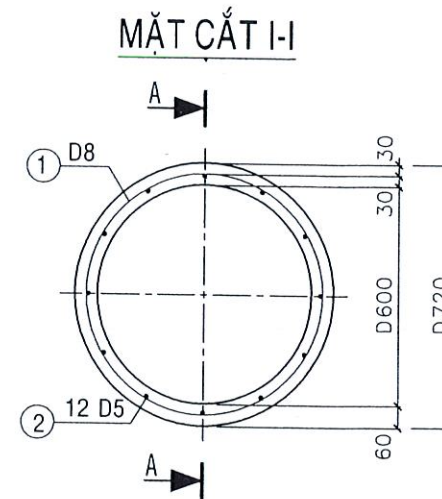
1/2 CHÍNH DIỆN



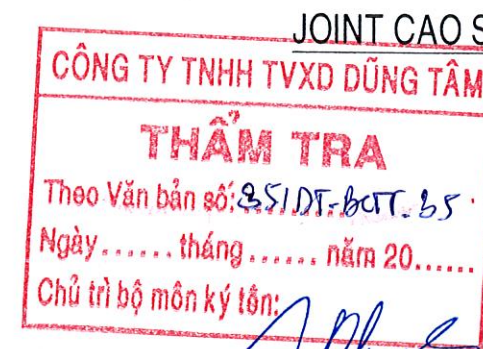
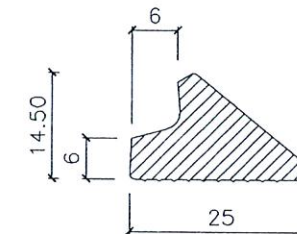
CỐT THÉP SỐ 1



CỐT THÉP SỐ 2



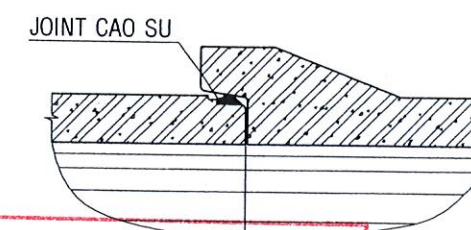
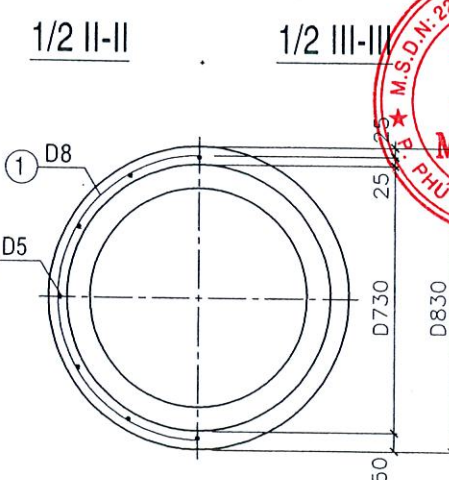
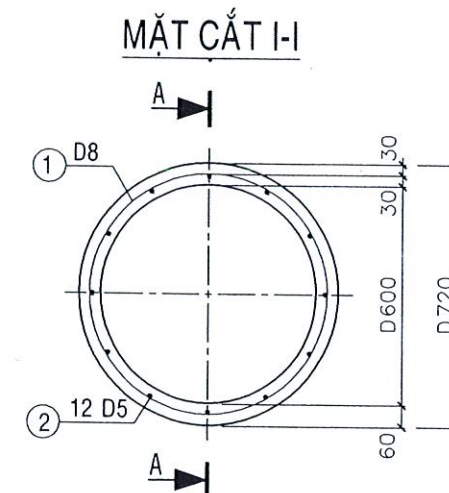
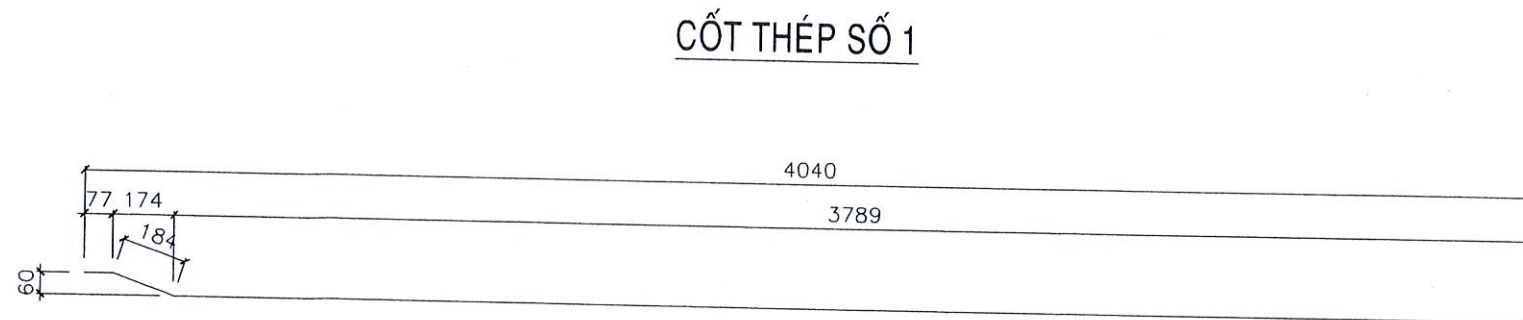
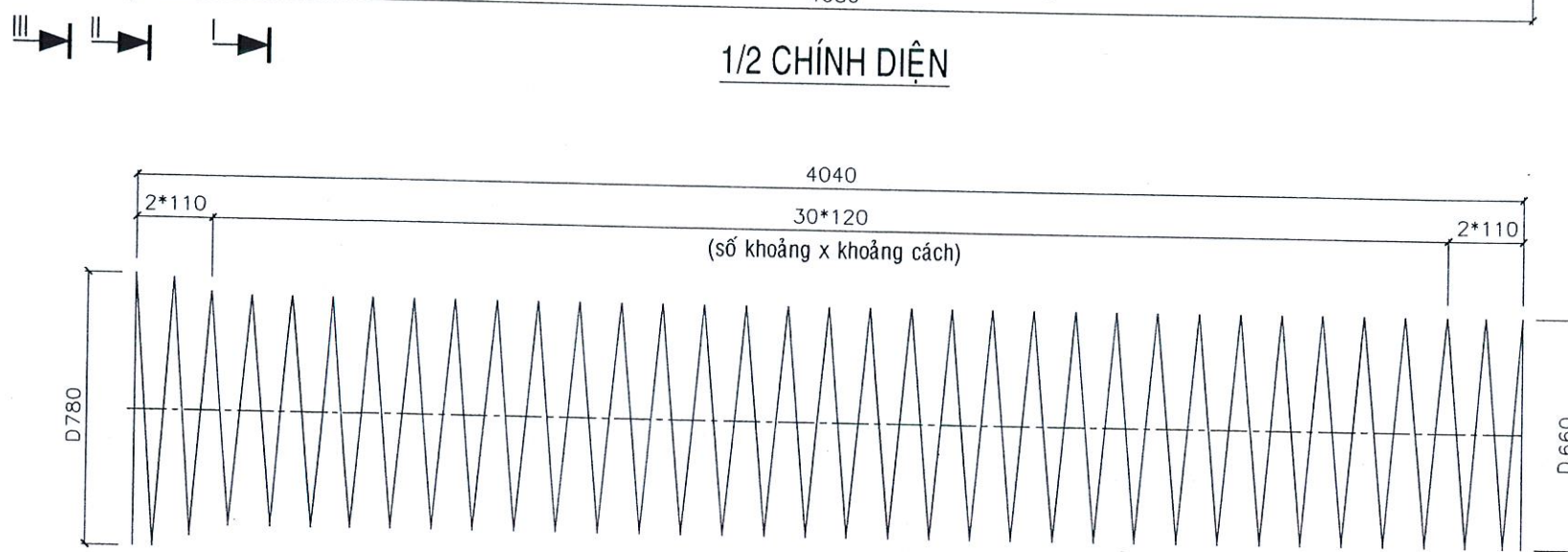
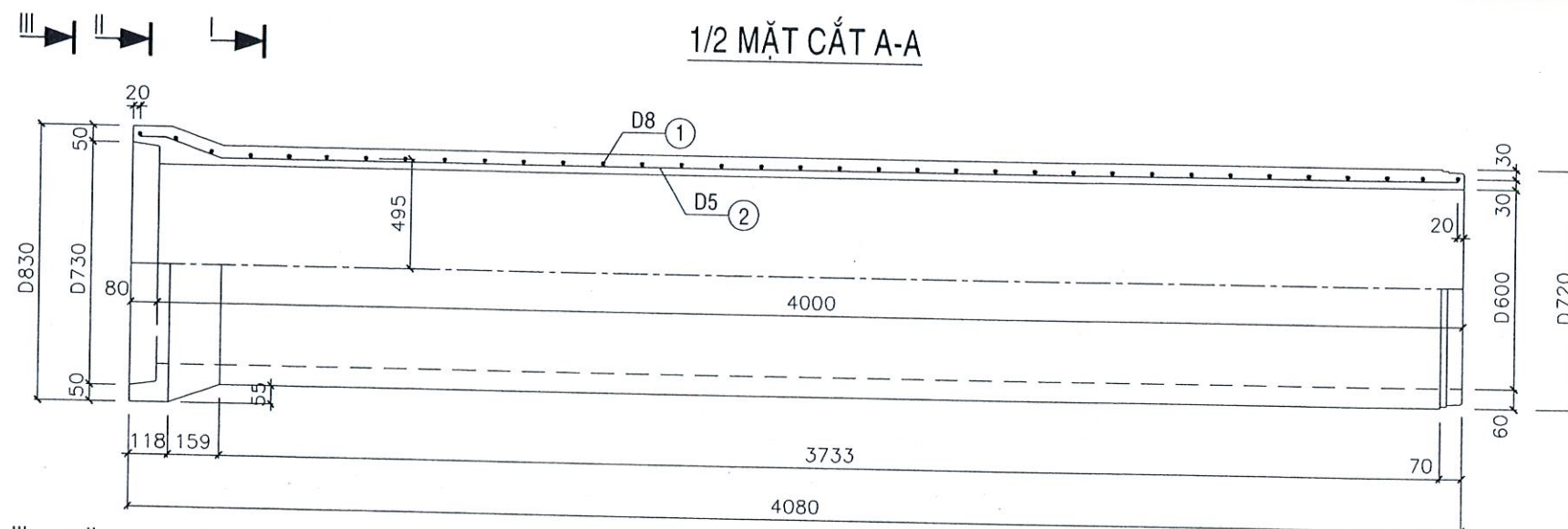
MỐI NỐI



GHI CHÚ:

- 1- Kích thước bản vẽ ghi bằng mm.
- 2- Liên kết những thanh cốt thép được tiến hành bằng hàn máy tự động.
- 3- Cốt thép AI, có $R_a = 1900 \text{ Kg/cm}^2$. Có thể thay thế bằng thép kéo nguội.
- 4- Chiều cao đất đắp trên cống từ 0.5m đến 4.0m.
- 5- Yêu cầu đối với đất nền xác định theo hướng dẫn trong thuyết minh chung.
- 6- Tải trọng xe cho phép H10.
- 7- Cống được chế tạo bằng công nghệ QUAY LY TÂM KẾT HỢP RUNG.

CHỦ ĐẦU TƯ		
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH:		
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LÊN BUỒI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC:		
ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM:		
KHU VỰC LÊN BUỒI, PHƯỜNG VINH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT		
SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ		
DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322		
EMAIL: txdmphatco@gmail.com		
GIÁM ĐỐC		
LÝ TẠ BỬU BỬU		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		
Trần Văn Đa		
TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
Trần Văn Đa		
TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
KIỂM TRA		
Lý Tạ Bửu Bửu		
LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ		
Đồng Thanh Sang		
ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ		
CHI TIẾT CỐNG TRÒN BTCT D600 L=2M, HOẠT TẢI H10		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN	/...../2026	



CÔNG TY TNHH TVXD DUNG TÂM
THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 35/DT-BCT-35
 Ngày tháng năm 20.....
 Chủ trì bộ môn ký tên: *Mai Kim Khánh*



JOINT CAO SU

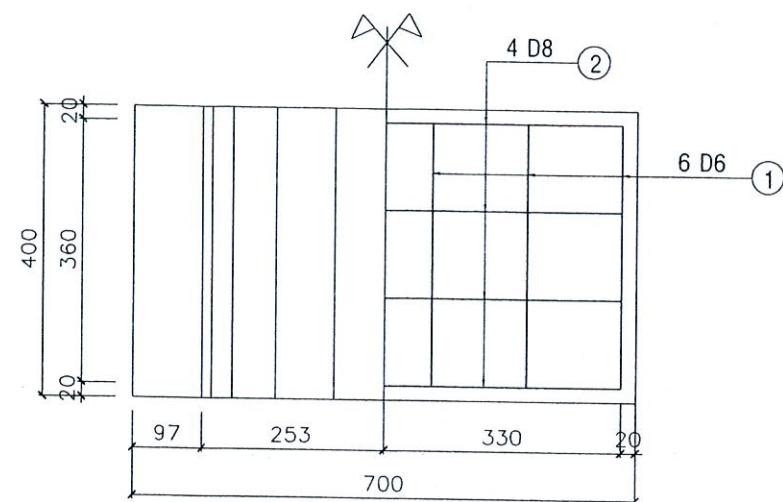
GHI CHÚ:

- Kích thước bản vẽ ghi bằng mm.
- Liên kết những thanh cốt thép được tiến hành bằng hàn máy tự động.
- Cốt thép AI, có $R_a = 1900 \text{ Kg/cm}^2$. Có thể thay thế bằng thép kéo nguội.
- Chiều cao đất đắp trên cống từ 0.5m đến 4.0m.
- Yêu cầu đối với đất nền xác định theo hướng dẫn trong thuyết minh chung.
- Tải trọng xe cho phép H10.
- Cống được chế tạo bằng công nghệ QUAY LY TÂM KẾT HỢP RUNG.

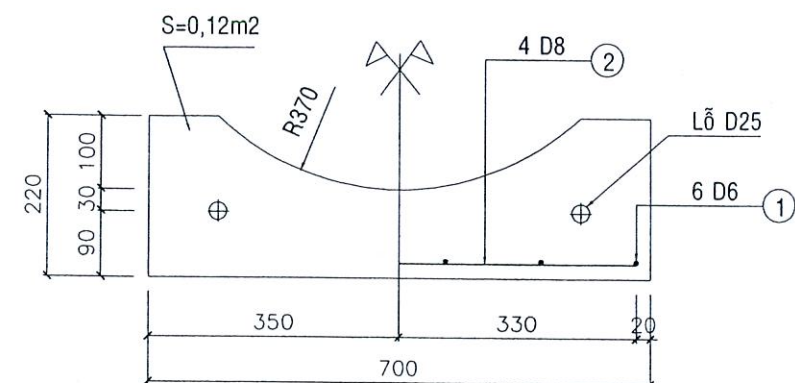
THỐNG KÊ VẬT TƯ

Ký hiệu	Qui cách vật tư	Số thanh	Chiều dài 1 thanh	Tổng chiều dài	Tổng trọng lượng	Ghi chú
	(mm)	(th)	(mm)	(m)	(Kg)	
①	D8	1	72692	72.69	28.71	
②	D5	12	4032	48.38	7.45	
	CỘNG				36.16	
	BÊ TÔNG M.300, ĐÁ 1x2 cm			0.522 m ³ / 1 ỚNG CỐNG		

CHỦ ĐẦU TƯ PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LÊN BUỔI (NHÀ ỚNG LỢI ĐẾN SÔNG TRẢ NIÊN)		
HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM: KHU VỰC LÊN BUỔI, PHƯỜNG VINH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KDT SA, P. PHÚ LỘC, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com		
GIÁM ĐỐC <i>[Signature]</i> LÝ TẠ BỬU BỬU CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		S.D.N: 2200813
TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ <i>[Signature]</i> TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
KIỂM TRA <i>[Signature]</i> LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ <i>[Signature]</i> ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT CỐNG TRÒN BTCT D600 L=4M, HOẠT TẢI H10		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHU TRÊN	/...../2026	



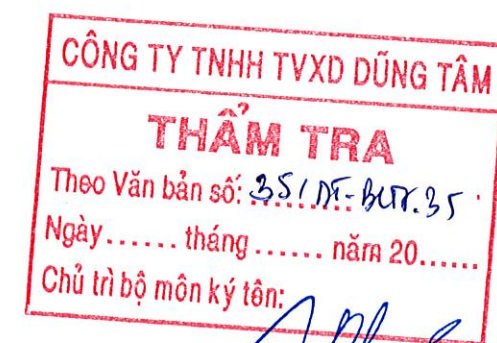
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP GỐI CỐNG



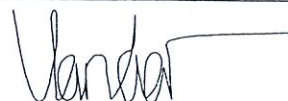
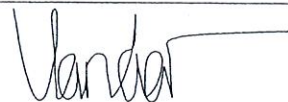
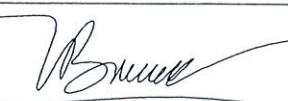
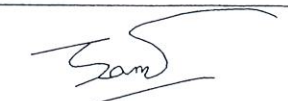
MẶT BÊN BỐ TRÍ THÉP GỐI CỐNG

BẢNG THỐNG KÊ KL THÉP

CẤU KIỆN	KÝ HIỆU	ĐƯỜNG KÍNH	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI		KHỐI LƯỢNG		MẪU THÉP
				1 THANH	T.CỘNG	Đ.VỊ	T.CỘNG	
1 Gối cống D600	1	D6	6	0.36	2.16	0.222	0.480	360
	2	D8	4	0.66	2.64	0.395	1.043	660
	Thép tròn:						1.523Kg)	



Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LÊN BUỒI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM: KHU VỰC LÊN BUỒI, PHƯỜNG VINH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
 CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KDT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.870.089 - 0907.131.322 EMAIL: txdminhphatco@gmail.com		
GIÁM ĐỐC		
LÝ TẠ BỬU BỬU		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		
 TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
 TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
KIỂM TRA		
 LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ		
 ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ		
GỐI CỐNG TRÒN BTCT D600		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHU TRÊN	/...../2026	

BẢNG KHỐI LƯỢNG CÔNG NGANG ĐƯỜNG BTLT D600, H10

Công trình: Đường đal khu vực Lèn Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm: Khu vực Lèn Buối, phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ

STT	Ký hiệu	Lý trình	Chiều dài cống (m)	Số gố cống (cái)	Số mỗi nối (mỗi nối)	CD đáy mương (m)	CD tự nhiên (m)	Chiều cao đào + thêm 0,3m (m)	Diện tích đào lề đường (m2)	Chiều dài đào lề đường (m)	Phạm vi trong lòng đường (m)	KL đào đất vị trí lề (m3)	KL đào thêm đất vị trí lòng đường khi cao độ đáy cống nhỏ hơn +1,23 (m3)	KL đắp cát K90 phạm vi lòng đường (m3)	KL đắp đất lề đường K90 (m3)
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)	(k)	(l)	(m)	(n)	(o)	(p)
1	Cống số 1	0+474	10,000	6,000	2,000	0,580	1,450	1,170	1,503	0,100	1,620	0,150	1,808	0,809	0,080
2	Cống số 2	0+683	12,000	6,000	2,000	0,500	1,660	1,460	2,088	6,550	3,000	13,675	3,754	1,904	9,045
TỔNG CỘNG			22,000	12,000	4,000							13,825	5,563	2,712	9,124

- Số đoạn cống BTLT D600, L=4m:
- Số đoạn cống BTLT D600, L=2m:
- Số gố cống BTLT D600:
- Số mỗi nối:
- Khối lượng đào đất lề đường:
- Khối lượng đào đất lòng đường khi cao độ đáy cống dưới +0,62:
- Khối lượng đắp cát phạm vi lòng đường K90:
- Khối lượng đắp đất gia cố lề K90:

5 đoạn
1 đoạn
12,000 gố
4,000 mỗi nối
13,825 m3
5,563 m3
2,712 m3
9,124 m3

$(m) = ((0,7 + (0,7 + (i))) * (i) / 2) * (k)$
 $(n) = (((0,7 + (0,7 + (1,23 - ((g) - 0,3)))) * (1,23 - ((g) - 0,3))) / 2 * (l))$
 $(o) = (n) - (3,14 * 0,36 * 0,36 * 4 + 0,7 * 0,3 * 4)$
 $(p) = (m) - (3,14 * 0,36 * 0,36 * (k) + 0,7 * 0,3 * (k))$

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 95/DT-BCT.35
Ngày tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Mai Kim Khánh

PHẦN THIẾT KẾ BIÊN BÁO

CÔNG TY TNHH TVXD DỨNG TÂM

THẨM TRA

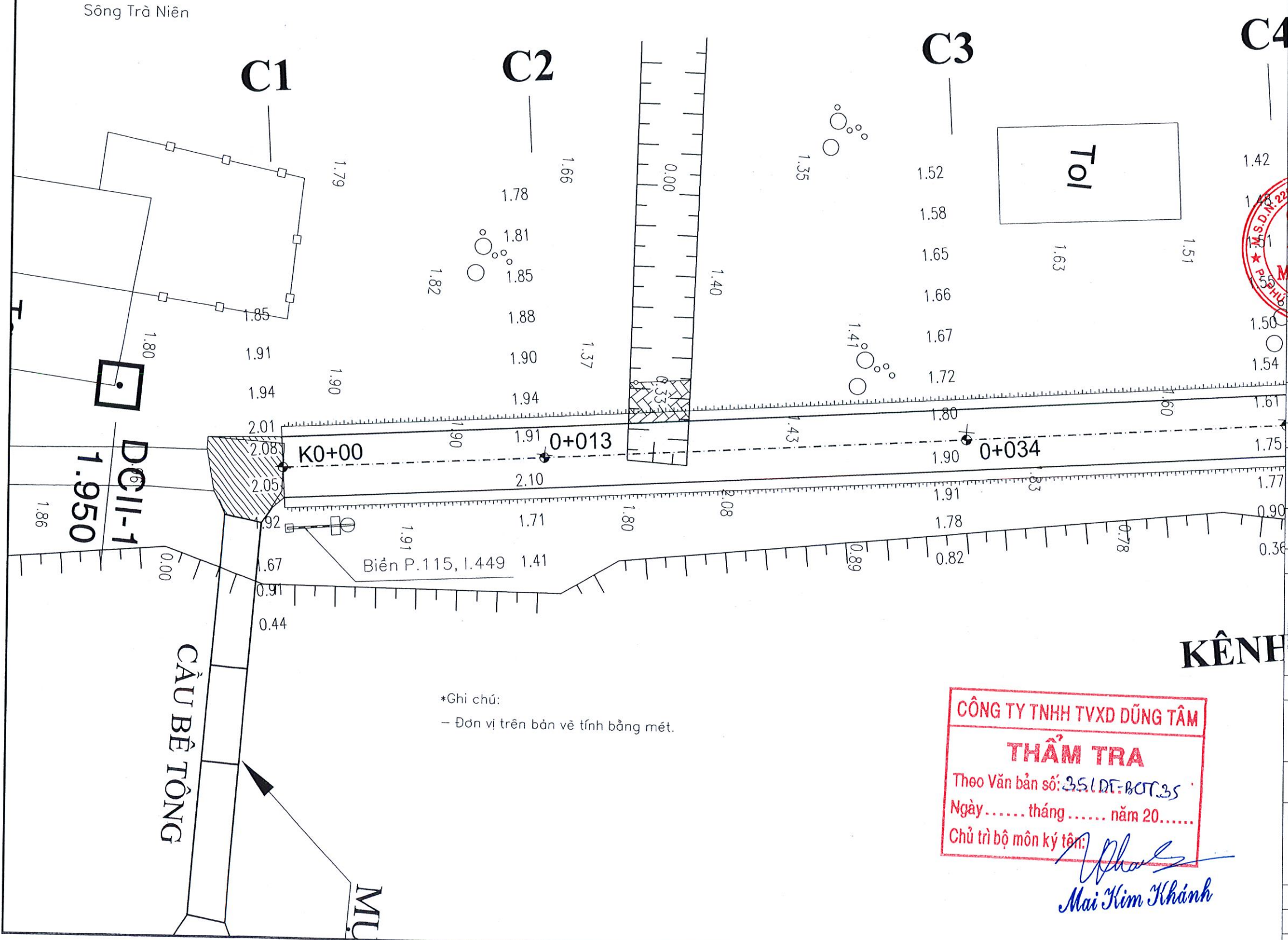
Theo Văn bản số: 35/DT-BCTT.35'

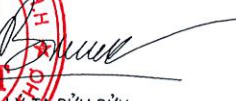
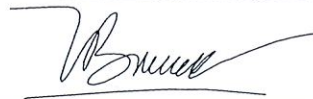
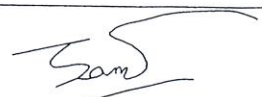
Ngày..... tháng..... năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

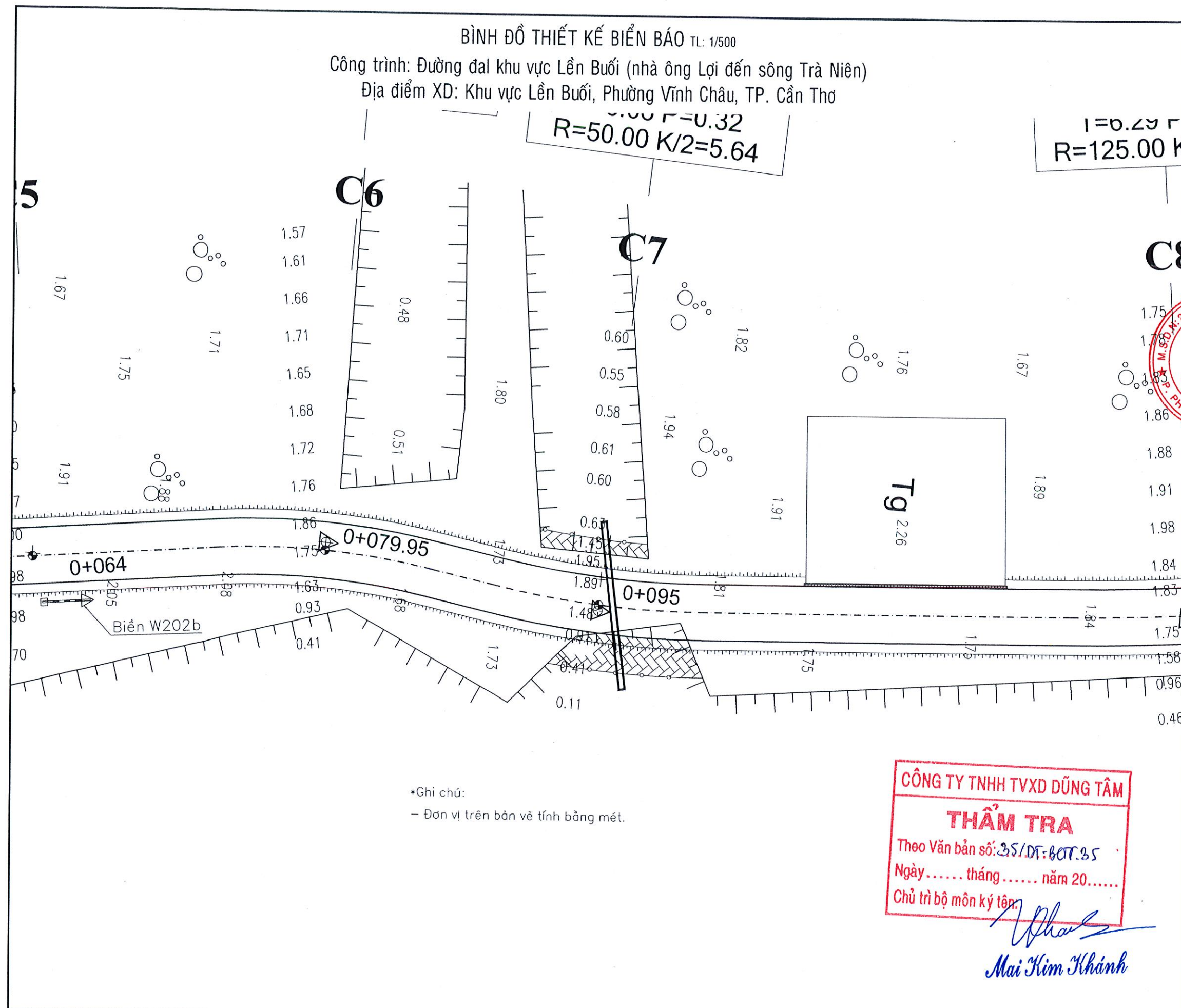
Mai Kim Khánh

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ BIỂN BÁO TL: 1/500
Công trình: Đường đal khu vực Lền Bưởi (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Bưởi, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ



CHỦ ĐẦU TƯ		
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH:		
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LẾN BÚI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC:		
ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM:		
KHU VỰC LẾN BÚI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
 CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com MINH PHÁT 090813126 - C.T.T.N.H CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ GIÁM ĐỐC		
 TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
 TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
KIỂM TRA		
 LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ		
 ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ		
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ BIỂN BÁO		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN	/2026	ĐGT-

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 351/ĐT-BOT.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: 
Mai Kim Khánh



CHỦ ĐẦU TƯ PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BUỐI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM: KHU VỰC LỀN BUỐI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, DƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỢI, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: txdminhphatco@gmail.com		
GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT PHÚ LỢI - TP. CẦN THƠ		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ Vandar		
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ Vandar		
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
KIỂM TRA Brunner		
LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ Sam		
ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ BIỂN BÁO		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN	/2026	DGT-

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM

THẨM TRA

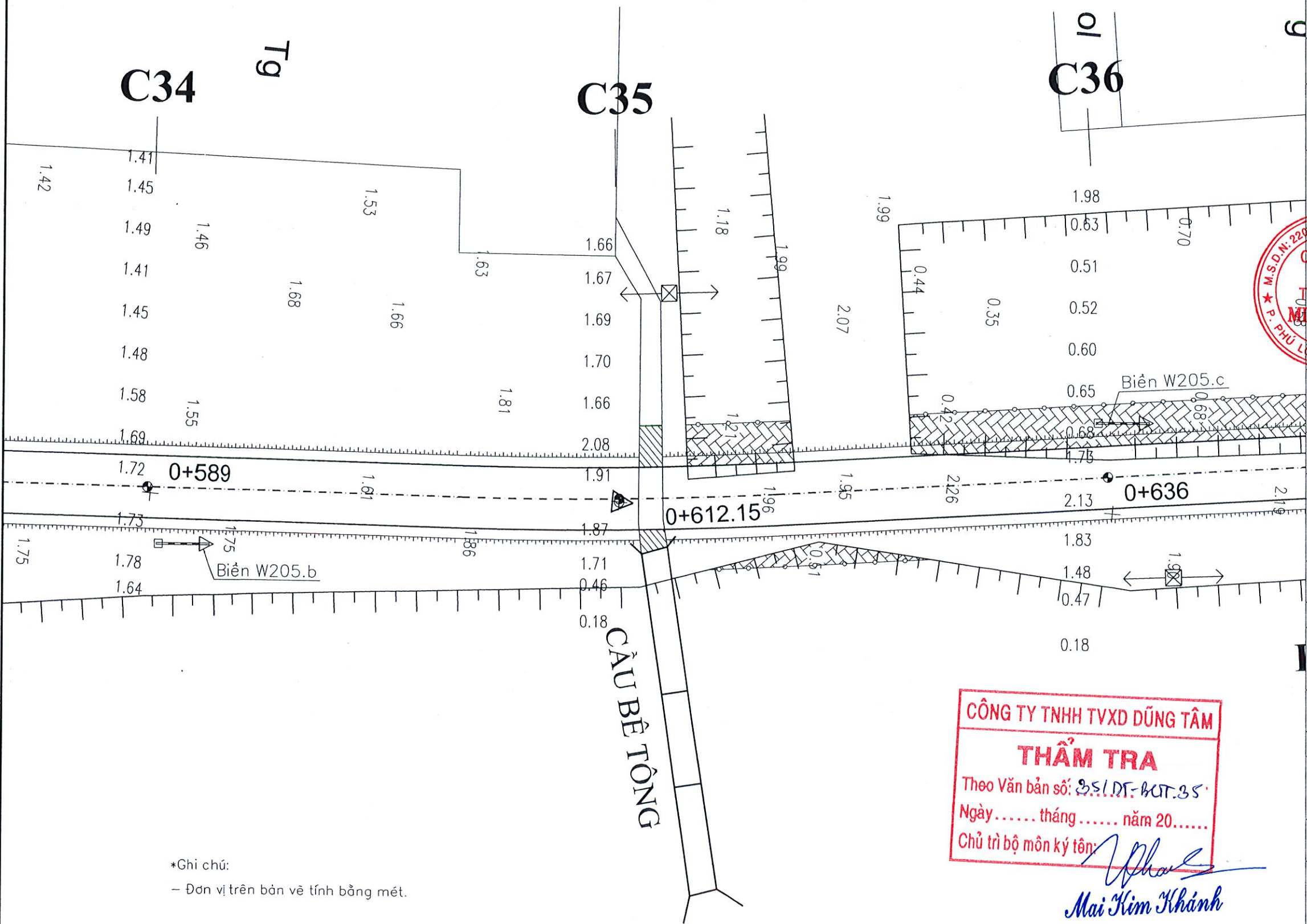
Theo Văn bản số: 35/DT-BCT.35

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

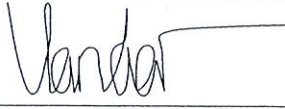
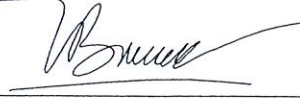
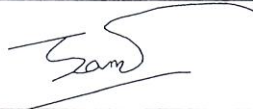
Mai Kim Khánh

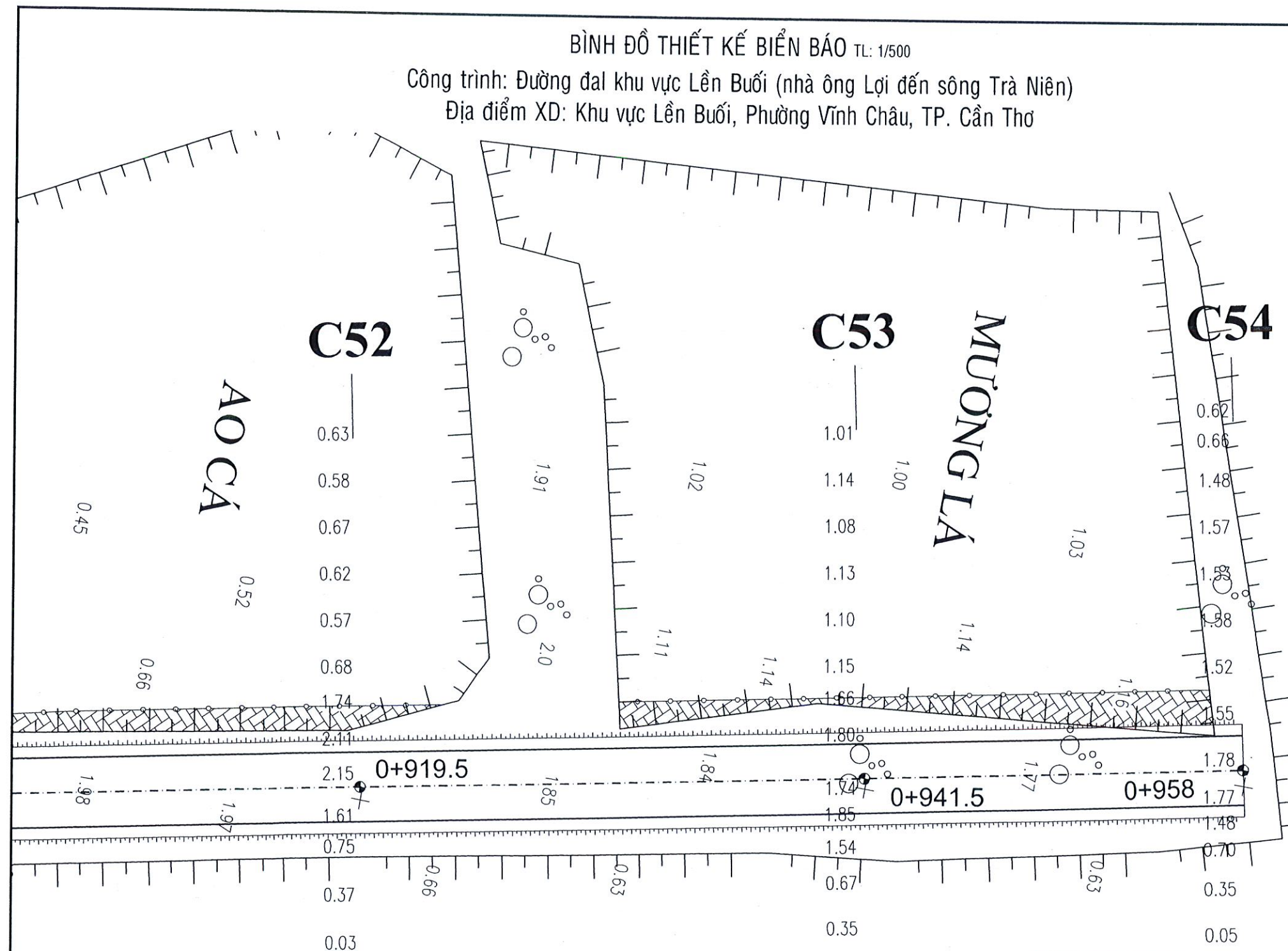
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ BIỂN BÁO TL: 1/500
Công trình: Đường đal khu vực Lền Buối (nhà ông Lợi đến sông Trà Niên)
Địa điểm XD: Khu vực Lền Buối, Phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ



*Ghi chú:
– Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 351/DT-BCT.35
Ngày..... tháng..... năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên: *Phạm Mai Kim Khánh*

CHỦ ĐẦU TƯ		
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH:		
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LẼN BÚI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC:		
ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM:		
KHU VỰC LẼN BÚI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
 CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỘC, TP. CẦN THƠ DIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: txdminhphatco@gmail.com		
GIÁM ĐỐC		
CÔNG TY TNHH V VÀ XD NH PHÁT 00813126 C.T.T.N.H CẦN THƠ  TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ		
 TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
 TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
KIỂM TRA		
 LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ		
 ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ		
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ BIỂN BÁO		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN	/2026	BGT-



KÊNH LỀN BƯỚI

*Ghi chú:

– Đơn vị trên bản vẽ tính bằng mét.

CÔNG TY TNHH TVXD DŨNG TÂM

THẨM TRA

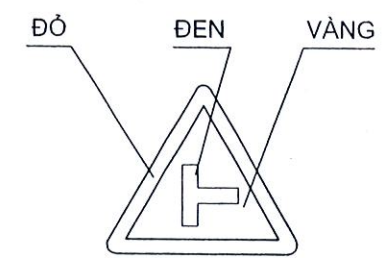
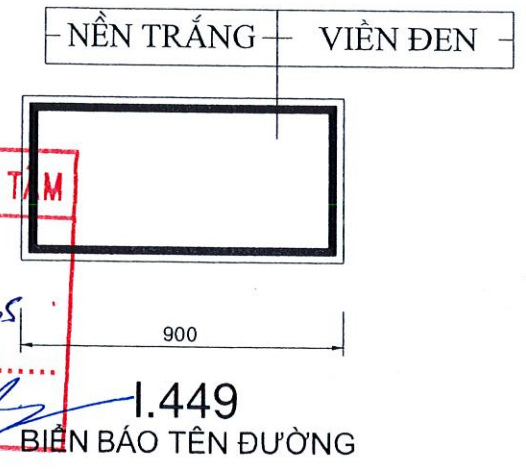
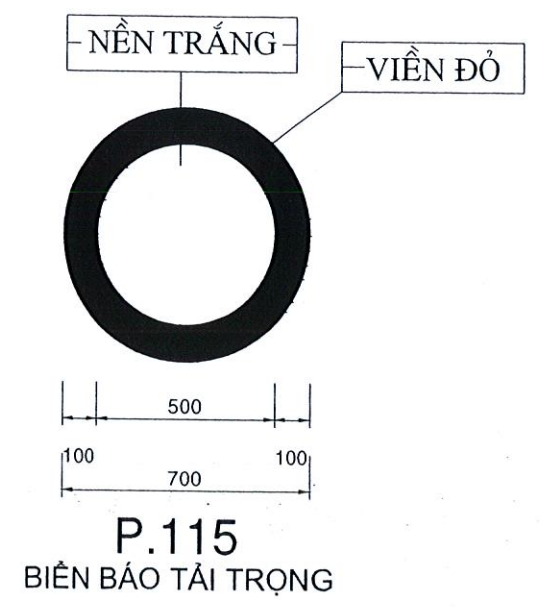
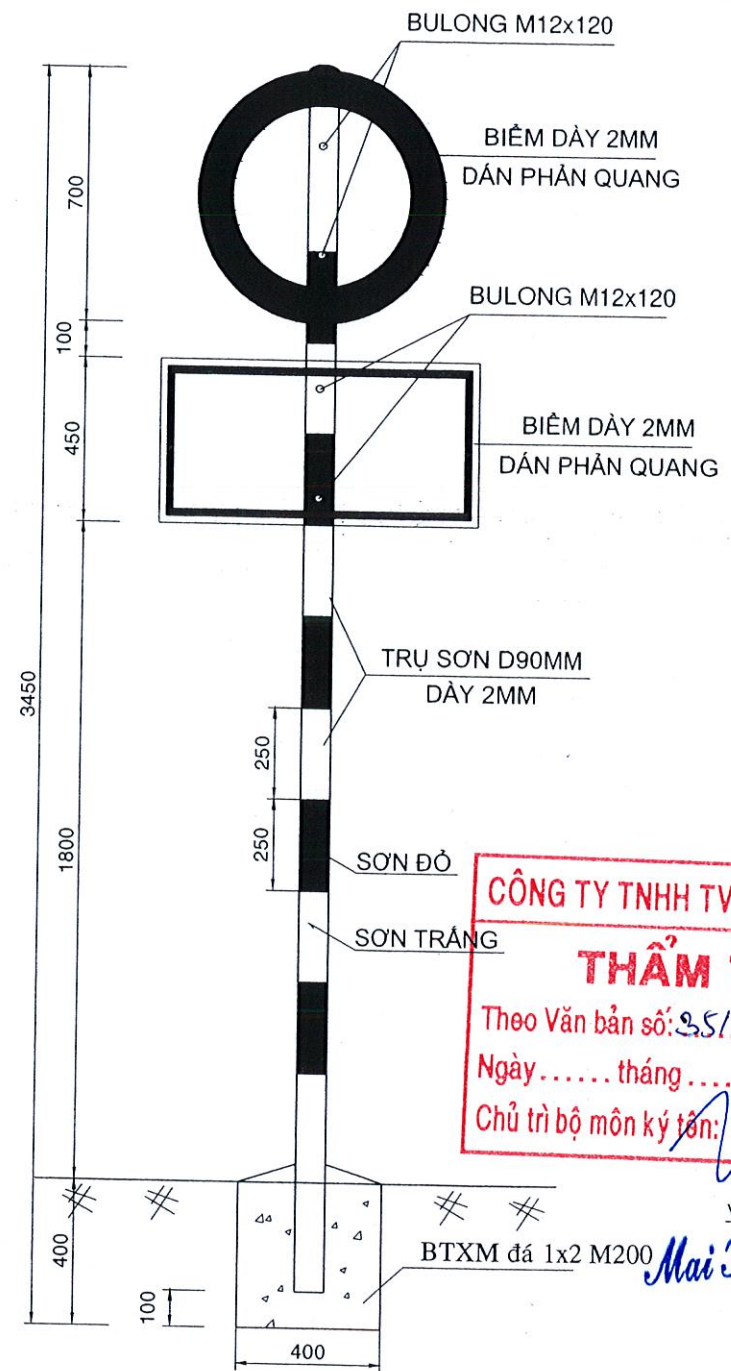
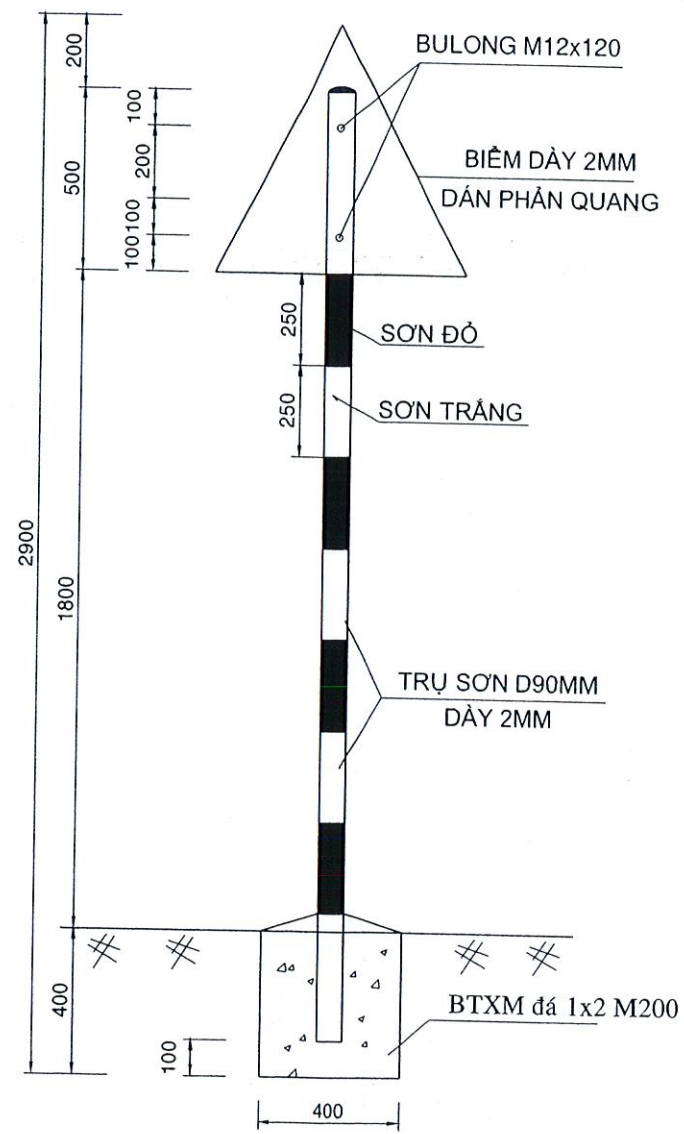
Theo Văn bản số: 351/ĐE-BCT.35

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên: *Phạm*

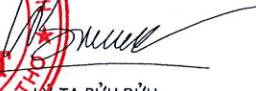
Mai Kim Khánh

CHỦ ĐẦU TƯ		
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH:		
ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LỀN BƯỚI (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC:		
ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM:		
KHU VỰC LỀN BƯỚI, PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
 CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỘC, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: tvxdminhphatco@gmail.com		
GIÁM ĐỐC		
<i>Vandar</i>		
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
<i>Vandar</i>		
TRẦN VĂN ĐÀ SOT-00171076		
KIỂM TRA		
<i>Bruno</i>		
LÝ TẠ BỬU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ		
<i>Sam</i>		
ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ		
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ BIỂN BẢO		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN	/2026	ĐGT-



STT	Lý trình biển báo	Vị trí	Trụ D90x3mm dài 2,6m (trụ)	Trụ D90x3mm dài 3,35m (trụ)	Biển tròn D70cm (cái)	Biển tam giác D70cm (cái)	Biển chữ nhật 45x70cm (cái)	Loại biển
1	0+000	Phải		1,000	1,000		1,000	P.115, 1.449
2	0+064	Phải	1,000			1,000		W202b
3	0+126.75	Trái	1,000			1,000		W202b
4	0+589	Phải	1,000			1,000		W205b
5	0+636	Trái	1,000			1,000		W205c
TỔNG CỘNG			4,000	1,000	1,000	4,000	1,000	

GHI CHÚ:
- Kích thước bản vẽ ghi mm.
- Vạch sơn, biển báo theo QCVN 41-2024

CHỦ ĐẦU TƯ PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG SÓC TRĂNG		
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG ĐAL KHU VỰC LÊN BƯỚC (NHÀ ÔNG LỢI ĐẾN SÔNG TRÀ NIÊN)		
HẠNG MỤC: ĐƯỜNG GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM: KHU VỰC LÊN BƯỚC, PHƯỜNG VINH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ		
 CÔNG TY TNHH TV VÀ XD MINH PHÁT SỐ 12, ĐƯỜNG SỐ 8, KĐT SA, P. PHÚ LỘC, TP. CẦN THƠ ĐIỆN THOẠI: 0907.670.089 - 0907.131.322 EMAIL: txdminhphatco@gmail.com		
GIÁM ĐỐC  TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ  TRẦN VĂN ĐA SOT-00171076		
KIỂM TRA  LÝ TẠ HỮU BỬU SOT-00121400		
THIẾT KẾ  ĐỒNG THANH SANG CAT-00176478		
TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT TRỤ ĐÓ VÀ BIỂN BÁO		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	PHÁT HÀNH	K.H BẢN VẼ
NHƯ TRÊN	/2026	